

HỒ HỮU TƯỜNG

Tiểu Phi Lạc náo Sài Gòn



NAM CƯỜNG XUẤT BẢN

Từ kho sách xưa của Quán Ven Đường

HỒ-HỮU-TƯỜNG

²
TIÊU PHI LẠC
NÁO SÀI GÒN

MỘT THUỞ NGÀN NĂM I

truyện trào phúng

NAM CƯỜNG XUẤT BẢN

MCMLXVII

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

ĐÃ XUẤT BẢN

xã hội nhập môn (1945)
kinh tế học và kinh tế chánh trị nhập môn (1945)
tương lai kinh tế việt nam (1945)
phong kiến là gì ? (1946) — vấn đề dân tộc (1946)
muốn hiểu chánh trị (1946)
tương lai văn hóa việt nam (1949)
phi lạc sang tàu (1949)
lịch sử văn chương việt nam quyển I (1950)
thu hương — chị tập (1949)
nỗi lòng thẳng hiệp (1949)
phép nói và viết hỏi, ngã (1950)
em học tiếng mẹ (1950)
nghề làm báo (1951) — em tập đọc (1951)
tam quốc chí, dịch quyển I (1951)
quả trứng thần (1952)
phi lạc náo hoa kỳ (1964)
kể thể (1964) — thuốc trường sanh (1964)
trăm tư của một tội tử hình (1965)
nợ tình thần (1965)
nói tại phú xuân (1965)
kể chuyện (1965) — luận lâm (1965)
hồn bướm mơ hoa I, II, III, (1966)
hồn bướm mơ hoa IV (1967)
hồn bướm mơ hoa III, IV
tiểu phi lạc náo sài gòn
thằng thuộc con nhà nông
diêm hồng xuất giá

ĐÃ ĐĂNG BÁO

lá một mùa thu
phi lạc bốn nga
hoa dinh cầm trận
đảng huỳnh long
vũ xuân lan gái thời loạn — tình

SẮP XUẤT BẢN

khói lửa mịt mù
nghĩa sĩ đảng
một phương hải tần
sắc hương trước gió
hoài xuân — hạ huệ
khói tỏa trời nam

MỘT THUỞ NGÀN NĂM

phần thứ nhất

tiểu phi lạc náo sài gòn

phần thứ hai

diễm hồng xuất giá

TỰA

Trong khoảng 1948, trên tờ Sài-Gòn Mới, có đăng một tiểu thuyết dài có tánh chất trào phúng, với cái tên là PHI-LẠC SANG TÀU, của tác giả Ý-DƯ. Rồi năm 1949 cũng trên báo ấy, cũng với chữ ký của tác giả nọ, nối tiếp vào chuyện PHI-LẠC NÁO HOA-KỶ (mà nhà báo muốn làm giật gân độc giả, thêm chữ đại vào trước chữ náo). Nhưng nhà xuất bản, không biết Ý DƯ là ai, gán đại cho nhà chính trị kiêm ký giả HỒ-HỮU-TƯỜNG. Ông này không dính chính, lại còn chìa lãnh bản quyền tác giả nữa !

Thấy MỖ LÀNG VĂN tư vị, không tố cáo vụ sang đoạt văn chương của nhà học giả họ HỒ, Ý-THỪA tôi đặt vấn đề ấy, trước là cho ông tiên chỉ của làng, kẻ đó là chọ quý vị trong ban hội tề, sau nữa là cho toàn thể dân trong làng (tôi ám chỉ những độc giả đó). Bằng chứng mà tôi nêu ra hoàn toàn bằng văn chương. Xin quý vị nghe rõ.

Phàm bàn về một tác giả, ta nên căn cứ vào năm tiêu chuẩn: văn tâm, văn học, văn tứ, văn khí, văn tài. Căn cứ vào năm tiêu chuẩn ấy, Ý-THỪA tôi thấy rằng hai tác phẩm của Ý-DƯ và tác phẩm sau của học giả họ HỒ khác nhau như phương Đông khác với phương Tây. Chắc dân làng văn cũng nhận thấy những dị biệt như tôi, sau khi nhận thấy những hóm hỉnh, những đùa cợt, những trào phúng của Ý-DƯ khác hẳn với những đạo mạo, những trầm tĩnh, những nghiêm xác trong PHI-LẠC BỐN NGA.

Sở dĩ Ý-THỪA tôi đặt vấn đề trên, bởi vì Ý-THỪA tôi muốn tránh một cuộc ngộ nhận, lầm cho Ý-THỪA tôi là Ý-DƯ hay Hồ-Hữu-Tường. Còn việc dùng danh từ là TIÊU-PHI LẠC không ăn thua chi việc có thể xảy ra là Ý-DƯ, HỒ-HỮU-TƯỜNG và Ý-THỪA là ba ngôi như theo quan niệm thông thường của nhiều triết lý. Ấy chẳng qua là một tiêu xảo của thuật quảng cáo: vốn biết rằng danh từ PHI-LẠC rất phổ cập trong dân gian, nên chỉ Ý-THỪA tôi dùng lấy mà câu độc giả.

Trước khi chấm dứt lời tựa này, xin nhị vị phu nhơn của họ HỒ chớ trách sao Ý-THỪA tôi lại đem việc ghen của hai bà ra mà tố cáo. Hỏi hai bà vậy có cái gì là tượng trưng nổi sự xung đột của Mỹ và

Cộng sản bằng sự ghen tương của hai bà, một sự ghen tuông đã xô họ Hồ chạy qua Bình-Xuyên mà mắc gông chín năm lao lý ?

Chừng nào họ Hồ « hòa đồng » được hai bà, dân chúng mới tin rằng họ Hồ « hòa đồng » được hai khối Tự do và Cộng sản.

Ý THỪA

HỒI THỨ NHỨT

Chi Minh diệu kế tâm «tri bỉ»

Bồi liễu mỹ nhân hựu tồn công»

Gió mùa đông ở miền núi đất Bắc thổi mạnh. Hơi lạnh như cắt. Trong hang đá, tạm cho là ấm hơn ở ngoài, mà ai nấy run cầm cập. Thu Hương (1) bung chén nước sâm lại mà dâng cho Hồ Chi Minh và đứng một bên mà chờ lệnh. Trên bàn, la liệt những hồ sơ, vài quyển sách, dưới ánh sáng le lói của một cây nến đã cháy hơn phân nửa. Chi Minh uống xong chén nước sâm, đưa tay cho Thu Hương chần mạch, rồi mở nút áo, bày ngực cho nàng đặt ống nghe tim. Nàng xem xong, báo cáo :

— Mạch của bác hôm nay chạy không đều, tim đập có vẻ mệt nhọc. Hình như bác đêm rồi không ngủ mà trí lại lo nhiều.

(1) Muốn hiểu nhân vật này hơn, xin xem tiểu thuyết THU HƯƠNG của nhà văn Hồ Hữu Tường.

Chi Minh gật đầu vội vã gài áo lại và đáp :

— Cháu nhận rất đúng. Bác có mối lo, nên cả đêm không ngủ được.

Rồi ra lệnh cho tất cả lui ra khỏi hang đá, chỉ chừa có Thu Hương, Chi Minh dạy nàng ngồi và nói :

— Mối lo của bác có thể gọi là căn bệnh kinh niên của bác. Nó khởi đầu từ năm 1931, khi bác ra khỏi tay của cảnh sát Anh ở Hồng Kông và nhờ nhà viết báo Hoa Kỳ là Harold Isaacs phỏng tay trên, bắt cóc bác mà cứu bác khỏi tay của tay sai của thực dân Pháp. Vừa thoát nạn, bác nghe tin nhóm Trốt-kiết xuất hiện ở Sài Gòn. Chúng tuy không đông, vốn vụn có năm sáu que, mà vô cùng lợi hại. Chúng lại phân công một cách khoa học, tùy theo khả năng mà cắt người lo lý thuyết, kẻ ra mặt trước công chúng mà thực hành...

Hồ Chi Minh nói hơi mệt. Để giúp cho người nghỉ, Thu Hương ngắt ngang nói tiếp :

— Cháu dường như hiểu. Để cháu nói cho cụ nghỉ. Có chỗ nào sai, cụ chặn lại. Cháu sẽ điều chỉnh cho đúng ý cụ.

Hồ Chi Minh gật đầu, tỏ vẻ tán dương sự thông minh và sự khôn ngoan của nàng. Nàng thừa lệnh nói tiếp :

— Căn bản của chủ nghĩa Mác Lê không phải là một lý thuyết suông, mà là hành động. Không phải thứ hành động mù mờ mà là cái praxis, tức là cái phức hợp lý thuyết và thực hành. Lý thuyết soi sáng thực hành, thực hành đem kinh nghiệm về làm giàu thêm cho lý thuyết. Lénine lại nặng về lý thuyết hơn nên buông ra câu : « Không có lý thuyết cách mạng thì không thể có hành động cách mạng được ». Và lấy theo quan điểm ấy, trong những năm trước chiến tranh thế giới thứ hai, sự cạnh tranh giữa hai phái Sta-li-nít và Trốt-kýt, giữa Đệ Tam và Đệ Tứ hóa ra chính lịch. Lý thuyết của phái Đệ Tam thì do ban đầu nã ở tận Mốt-cu xường ra, đã mất thì giờ qua lại, mà không mấy hợp với tình cảnh nước nhà. Còn lý thuyết bọn Trốt-kýt, xây dựng ngay ở Việt Nam và hợp với tâm lý quần chúng hơn. Nên trong mấy năm tranh giành ảnh hưởng, phái Trốt-kýt càng lấn đất, toàn thắng trong cuộc tranh cử ở Sài Gòn và tràn lan đến đất Bắc. Đó là nguyên nhân của bệnh bác. Bệnh bác là tâm bệnh, giống như bệnh của Châu Du, muốn dùng hỏa công đốt quân Tào mà không có gió đông « dữ tiện ». Tâm bệnh không giải, lâu ngày hóa ra bệnh lao.

Hồ Chí Minh nở một nụ cười và khen :

— Trong mấy mươi năm tranh đấu, bác chưa gặp ai sáng suốt như cháu. Hiểu được căn bệnh của bác, quả cháu là Khổng Minh đời nay vậy. Cũng may cho bác, là cơn bệnh kinh niên có được một hồi thuyên giảm. Năm 1939 nhà lý thuyết của bọn Trốt kýt là Hồ Hữu Tường lại bỏ hàng ngũ của Đệ Tứ rồi tuyên bố luôn là bỏ chủ nghĩa Mác Lê. Kế theo đó vài tháng sau, cả Hồ Hữu Tường và người thủ lĩnh thực hành của họ là Tạ Thu Thâu cùng bao nhiêu cán bộ đều bị bắt. Hồi đó, trong ba người có thể chọc trời khuấy nước ở Việt Nam, thì hai người đã bị tù đày. Còn một mình bác ở ngoài độc chiếm sân khấu chánh trị cách mạng. Bác gặp *thời*, thêm được *thế* là quân đội Nhật bạo hành dọn trống chánh quyền cho nước Việt Nam độc lập, bác nắm cái cơ là toàn dân đứng dậy, sau ngày Nhật đầu hàng. *Thời*, *Thế*, *Cơ* là ba yếu tố đưa bác lên chỗ thành công...

Đề cho Hồ Chí Minh nghĩ, Thu Hương tiếp :

— Và khi bác cướp được chánh quyền rồi, muốn dứt tâm bệnh, bác liền áp dụng những chỉ thị của đồng chí Staline đã ra từ 1936 và đã thành hành một cách kiên quyết ở I Pha Nho, là làm cỏ hết bọn Trốt kýt. Tạ Thu Thâu bị giết ở Quảng

Ngãi, các lãnh tụ khác ở Nam đều bị thủ tiêu. Chỉ trừ có Hồ Hữu Tường, bác để sống sót. Điều ấy, nhiều đồng chí đã thắc mắc.

* Hồ Chí Minh có vẻ trầm ngâm, chặn ngang :

— Điều đó bác có giải thích. Một lý do là Hồ Hữu Tường đã dứt chủ nghĩa Mác Lê từ năm 1939. Một lý do nữa là trước khi chúng ta lên cầm quyền, Hồ Hữu Tường long trọng tuyên bố là nghỉ làm chánh trị mười năm. Lễ thứ ba, và là lễ quan trọng hơn, là bấy giờ hẳn không cán bộ, không quần chúng, một mình ở giữa Hà Nội, thì khác gì Quan Công ở giữa binh Tào. Thế nên bác muốn dùng tài của hẳn như...

Thư Hương tiếp lời :

—... Tào Tháo dùng Quan Công độ nọ. Tuy tâm trạng của hẳn giống như tâm trạng Quan Công, là dầu Hán chẳng dầu Tào tức là phò dân tộc Việt Nam mà chẳng phò đảng Cộng, song bác đã nghĩ rằng khi bác ở chánh quyền, thì hẳn phò dân Việt Nam, ấy là hẳn phò bác rồi. Nên chi bác chủ trương tha giết hẳn.

Hồ Chí Minh ra dấu cho nàng ngừng lại, chỉ cho nàng lấy một tài liệu nằm trên bàn rồi nói :

— Khi hắn đưa tài liệu này mà đề nghị rằng muốn miễn cho dân tộc Việt Nam mấy chục năm binh lửa, bác nên long trọng tuyên bố rằng nước Việt Nam nên trung lập, thì những người trước kia chủ trương giết hắn, lại nổi lên đòi...

—... giết hắn nữa, lấy cớ rằng đề hắn còn sống không biết hắn còn mưu mẹo gì mà lái nước Việt Nam rời khỏi con đường do đảng định. Song bác lại bình vực nữa, cho nên hắn còn sống tới bây giờ. Theo những tài liệu mà hắn đã viết, như *Muốn làm Chánh trị, Tương lai Văn hóa Việt Nam*, hắn có một biện pháp cứu nguy cho dân tộc. Cục xương lớn trong giai thoại con chó què, bài « Tiếng gọi đàn » báo trước như vậy. Phải chi hắn còn ở trong địa phương do mình kiểm soát...

Nói tới đây, Hồ Chí Minh ho sù sù. Thu Hương nói tiếp :

— Thì đến lúc cần, bác ép hắn đưa ý đó ra cho đảng ta khai thác. Đảng này, theo tin đã loan báo khắp nơi, hắn lọt về Hà Nội, rồi gần đây dắt vợ, người vợ Bắc mới gặp ở Hà Nội, cùng hai con trúng nước mà bay về Sài Gòn. Điều này làm cho bác lo cả đêm không ngủ được. Làm sao tìm

được cái bí mật mà hẳn chôn tận đáy lòng? Làm sao mà khai thác được bí mật ấy cho mình? Làm sao mà ngăn hẳn khai thác riêng cho hẳn? Cháu hiểu tâm bệnh của bác.

Hồ Chi Minh nói nho nhỏ :

— Cháu đoán bệnh đúng đó ! Đ đoán đúng cháu ắt có phương thuốc để trị.

Thu Hương dừng một chập để suy nghĩ. Một cuộn phim được quay trước mặt nàng. Ba năm trước đây, nàng là một sinh viên trường Thuốc, bị cuộc đảo chánh của Nhật mà không kịp trình dự án thi tẩn sĩ. Rồi thời cuộc lôi cuốn, nàng dẫn thân vào đường hoạt động. Một sự tình cờ làm cho nàng nghe lén được câu chuyện giữa Tạ Thu Thâu và Hồ Hữu Tường. Không biết vì ngoại cảm, hay vì khùng hoảng tinh thần, nàng phát đau nặng, cả năm mới thuyên, trong lúc nước nhà chuyển biến dữ dội. Chừng nàng mạnh, nàng tìm gặp Hồ Hữu Tường mà đặt câu hỏi « Gái nước Nam là gì ? » Đáp rằng : « Dầu là gái, dầu là trai, con đường duy nhất là hòa mình với dân tộc. Dân tộc có thể đi lầm đường, nhưng mình ở trong dân tộc, mình có thể lái dân tộc được mà trở về nẻo đẹp. Đứng ngoài dân tộc, tiếng nói của mình sẽ không được nghe, hóa ra vô hiệu.

Trần Ích Tắc có thể là một học giả, nhưng không sao được hậu thế ghi ơn... »

Chỉ nghe có bao nhiêu lời, nàng đã chọn. Xong vào kháng chiến, nàng làm trong Quân y. Nhờ học vấn của nàng, nhờ sự thông minh của nàng, nhờ nàng giỏi về thuốc, nàng được chọn làm y sĩ riêng của Hồ Chí Minh, kiêm thư ký đặc biệt. Nhờ làm thư ký đặc biệt, nàng mới biết rằng Hồ Hữu Tường đã trình cho Hồ Chí Minh biết cái dự đoán là dân tộc Việt sẽ trải qua mấy chục năm binh lửa khổ cực. Đã là gái vốn giàu tình cảm, nàng động lòng vì cảnh nảo nề mà dân tộc sắp sống. Một tình thương vô biên làm cho nàng thốt ra :

— Chắc bác muốn biết bí mật ấy vì vấn đề « tri bỉ ». Tri bỉ, tri kỉ, bách chiến bách thắng... Bác có thể hạ lệnh cho các cơ quan tình báo ở Nam đội theo hẩn mà ăn cắp cái bí mật nọ.

Hồ Chí Minh chận ngang :

— Không được ! Bí mật ấy giấu trong óc, làm sao mà ăn cắp được ? Trừ phi hẩn nói cho mình nghe. Mà làm sao cho hẩn tin mà nói ? Đó là vấn đề.

Thu Hương dường như đã hiểu ý, song giả vờ chưa biết, và làm dáng suy nghĩ lung lăm. Hồ Chí Minh nói :

— Các cơ quan dịch vận ta, tuy có công, song chưa có công nào lớn. Vận động kéo một người lính, một tiểu đội lấy bí mật để công phá một cái đồn của địch, là những công có tánh cách cục bộ song vẫn chưa đến tuyệt đích của nghệ thuật. Điều cần, là khám phá được bí mật về đường lối chánh trị cho một thời gian năm, mười, hai mươi năm... kia ! Hồ Hữu Tường tuyên bố mười năm nghỉ làm chánh trị. Mà khi khởi sự làm lại, tất phải vạch một lối đi trong ít lắm là hai mươi năm, mới dẫn đến sự thành công đầu. Bác nói vậy là phỏng theo sự nghiệp của Lénine, hoạt động trước đầu thế kỷ, mà năm 1917 mới thâu được chánh quyền ; là phỏng theo sự nghiệp của bác, về Tàu khởi công năm 1925, mà bây giờ hãy còn lộn xộn.

Hồ Chí Minh ho mấy tiếng, nghỉ hơi rồi tiếp :

— Bác thấy cháu có sắc, có tài, có tâm chí. Cháu có thể lãnh sứ mạng trọng đại là tìm hiểu hết tư tưởng của Hồ Hữu Tường. Cháu cũng thông minh, chắc đã đoán ngay là phải thi hành mỹ nhân kế.

Thu Hương nói :

— Cháu có thể vì dân tộc mà hi sanh, mặc dầu hẳn đã có hai vợ rồi. Song bác cho cháu nói tâm

ting của cháu. Cháu là gái Việt, thấm nhuần cái luân lý dân tộc, chỉ biết thờ chồng. Nay vì kế của bác mà cháu phải làm vợ thứ ba của Hồ Hữu Tường, thì cháu xin một điều trước khi nhận lãnh sự mạng.

Hồ Chí Minh nhìn vào mắt Thu Hương đề dưng điện lực mà chụp tinh thần nàng, rồi hỏi :

— Cháu xin điều kiện gì ?

— Là khi nào bác thành công và Hồ Hữu Tường lọt vào tay bác thì bác tha giết cho. Và nên cư xử với Hồ Hữu Tường như vua nhà Hán đã xử với Tư Mã Thiên.

Hồ Chí Minh vỗ vế cười lớn.

— Đã làm vợ hẳn, mà xin điều đó, thì quả là cháu gánh một hi sinh lớn. Được ! Bác sẽ miễn món của quý của Hồ Hữu Tường để cho hẳn sống sót mà viết bộ Việt sử cũng như Tư Mã Thiên đã viết Sử ký.

Thu Hương lấy tay che miệng, giấu nụ cười nói :

— Có giống đó mà cũng khác đó, Tư-Mã-Thiên sở trường về sử thích viết sử. Hẳn tha thiết một việc, là tổng hợp ba nền văn

minh lớn của loài người, văn minh kỹ sư, văn minh chánh ủy, văn minh tu sĩ. Hiện nay, tổng hợp hai cái văn minh sai biệt nhau, cũng khó như hòa giải hai vợ ghen của chung một ông chồng. Nhưng cháu nghĩ, trong việc vợ chồng có hai phần. Phần ở thấp, ô trọc vì quyền lợi, cháu gọi là *dâm*. Phần ở trên siêu thoát vì cao vọng, cháu gọi là *yêu*. Nếu trong cảnh một vợ năm giường lèo, hai vợ năm chèo queo, ba vợ ra chuồng heo mà năm, sỡ dĩ có như vậy là vì ba bà tranh nhau trên lập trường của cái *dâm*. Nếu cụ thiến mất cái của quý của hần, thì ở phần thấp, phần ô trọc, phần vì quyền lợi, phần vì *dâm* sẽ không còn đối tượng nữa. Bà vợ nào còn ở, thì do phần ở trên, phần siêu thoát, phần vì cao vọng, phần vì *yêu* sẽ làm nền tảng cho một sự hòa đồng, một sự tổng hợp. Đối với ba cái văn minh, muốn tổng hợp cũng phải như thế. Bỏ phần ô trọc vì quyền lợi, mà xét lại phần thanh nhã, phần vì cao vọng của loài người, ắt có thể tổng hợp ba cái văn minh làm cái văn hóa chung cho nhân loại. Bác thiến cái của quý của Hồ-Hữu-Tường, thì bác nhắc cho hần cái cao vọng mà hần nuôi, ấy là bác làm ơn cho hần vậy.

Nói tới đó, Thu-Hương giựt mình, vì bởi quá hưng mà tiết lộ một chương trình văn hóa của người mà nàng đã thầm yêu, ngay lúc nàng mời ăn dưa trên con đường thiên lý. Hồ-Chí-Minh cũng ngạc nhiên với tràng lý thuyết không biết nàng học ở đâu, nhưng bừa cho có lệ, người nói :

— Được. Bác hứa, hứa sẽ cho hẳn sống sót mà làm cái công việc tổng hợp ba nền văn minh đó, trong cái khung cảnh hẳn hòa đồng ba bà vợ ghen. Song với điều kiện là cháu phải tìm cho ra cái bí mật mà hẳn giấu bác.

Thu-Hương ưng chịu. Hồ-Chí-Minh thảo cho nàng hai toa thuốc, mà sự thật là cái lệnh để nàng về Hà-Nội, rồi vô Chợ-Lớn, trình cho hai tiệm thuốc Tàu mà lấy tiền chi phí trong công cuộc gián điệp không tiền khoáng hậu này.

Từ miền núi, nàng trèo đèo, vượt suối, lội rừng mà tiến về Hà-Nội. Nàng lập tức đưa toa thuốc cho tiệm thuốc Bắc của người Tàu ở phố hàng Đào. Nàng lấy được một trăm ngàn đồng bạc, dùng số tiền đó mà chuẩn bị việc xuôi Nam. Cũng may, nàng gặp lại người vú nuôi của nàng, bây giờ tuổi gần năm mươi, vừa ở

hậu phương hồi cư về Hà-Nội. Nàng bỏ tiền lo lót cho sở Mật thám làm giấy tờ cho cả hai, mua giấy máy bay cho nàng, giấy tàu thủy cho bà vú. Vì bà vú có trọng trách hộ tống mấy thùng sách cũ mà nàng mua từ khi nàng về thành. Sách lúc ấy bày la liệt theo hè phố hàng Bông, hàng Gai, vốn là đủ thứ sách mà người ta đã « thồ phỉ » ở khắp các nhà bỏ trống. Sách rẻ như bèo, có đủ loại hết. Thơ, tuồng, truyện, tiểu thuyết, sách khảo cứu, mới có, xưa có, Thu-Hương đã lựa mua mỗi thứ mỗi cuốn, mà gom chung có tám thùng to đầy ăm ắp.

Nàng đáp tàu bay vào Sài Gòn. Việc đầu tiên của nàng là đến ngay sở mật thám mà xin địa chỉ của Hồ-Hữu-Tường vì biết rằng một nhân vật như vậy, thế nào cũng bị Mật thám theo dõi. Xong, nàng vào Chợ Lớn, đưa toa thuốc Bắc cho một hiệu ở đường Marins mà lấy hai trăm ngàn đồng bạc. Nàng sang một căn phố ở gần chợ Thái-Bình, nạp đơn xin ba tầng, thuê người đóng kệ, mà mở một hiệu sách. Nàng mua sách mới chất mấy kệ ở trước để bán. Còn kệ sau nàng dùng chất sách cũ mà bà vú mới vừa mang vào. Đó là sách cho mượn. Nàng cho in quảng cáo mà phát chung quanh

vùng để kêu gọi công chúng đến thuê sách về đọc.

Quảng cáo vừa phát, vài giờ sau, có một thằng nhỏ, tuổi vừa hơn mười, mặt sáng sủa, mắt có ngời, mặc một cái áo vá vai, quần cụt luốc luốc mà vá đít một miếng vải trắng cũ, chấp tay sau đít mà nhìn đọc những tên sách bày trên kệ. Làm quen, Thu-Hương hỏi :

— Cháu ở đâu ?

— Cháu ở đường hẻm Frère Louis, hẻm số 263, căn nhà số 6.

Thu-Hương mừng khắp khởi. Trúng tủ rồi ? Căn nhà ấy là căn nhà của Hồ-Hữu-Tường mới dọn về vừa được một tháng. Và thằng nhỏ này đích là thằng con của hắn. Nàng dắt nó đến mấy kệ ở trong, chỉ cho nó thấy mấy ngàn cuốn sách cũ và bảo nó tự ý chọn lấy mà đọc. Nó nói :

— Cháu không tiền mà mượn.

— Không sao ! Cô cho cháu mượn đọc, với điều kiện là mỗi ngày, cháu ghé đây chơi vài phút, để đổi sách khác, để cô tập nghe quen giọng trong Nam, vì cô gốc ở Huế, nên nói trọ

trẻ, không nghe mà cũng không quen giọng trong này.

Thằng nhỏ lựa được một cuốn tiểu thuyết *Hoàng Lê nhất thống chí*. đưa cho nàng ghi vào sổ. Nó khai tên họ :

— Cháu tên là Hồ-Xích-Tú, cha là Hồ-Hữu-Tường. Mẹ là Nguyễn-Huệ-Minh.

Vừa viết vào sổ, Thu-Hương vừa hỏi :

— Dường như cháu có một đứa em trai, một cha khác mẹ.

— Dạ phải. Tên nó là Xích Tuệ.

Thằng nhỏ được cho mượn một cuốn sách không lấy tiền, mừng khắp khởi, xá nàng mà về. Mừng hơn nó, chắc chắn là nàng Thu Hương vì nàng hé thấy một phần bí mật. Nàng lấy cuốn nhật ký mà đọc những trang đã viết.

Sàigòn, ngày... 1948

Tôi đến Sàigòn đúng vào lúc đội quân kiêu hùng của Quang Trung thắng trận Đống Đa. Ngày mừng năm tháng giêng âm lịch. Bạc tiền bối ta đã dùng võ mà thắng, nay tôi dùng văn mà thành công chăng? Bấy lâu nay, [người ta dùng món văn nghệ làm món du hí, mọi món

du hi thanh nhã thôi. Nay tôi thử dùng văn chương mà làm lợi khí để khám phá sự thật, để trình bày sự thật.

Nói đã hứa hẹn. Những gì tôi tìm thấy, tôi sẽ kết cấu lại thành một áng văn chương. Thay vì có một xấp báo cáo khô khan, tôi sẽ viết tiểu thuyết. Muốn cho qua mắt bọn kiểm duyệt, tôi sẽ dùng giọng trào lộng. Trào lộng là cái kho tàng vô giá của văn chương ta, có lẽ ăn đứt cái kho tàng ca dao, mà các nhà văn học sử không bao giờ nhắc đến. Hai ba anh nông dân gặp nhau và tán gẫu, thế nào cũng có một đôi mẩu chuyện tiểu lâm xen vào. Chuyện Cống Quỳnh chưa thấy in ở đâu, thế mà khắp đâu đâu, người ta thấy đều thuộc. Thiên hạ sẽ xem tiểu thuyết tôi là thứ đùa cợt. Có ai dè đó là một bản báo cáo mà tôi viết, in ra cả ngàn bộ, gửi tung khắp nơi. Rồi một quyển sẽ lọt vào tay của người muốn đọc.

Tôi cũng đã ước hẹn, tên tác giả, tôi sẽ để là Ý DU. Vì sao đặt tên là Ý Du? Vì lúc nhỏ, gần nhà tôi, tôi thường thưởng thức những bức tranh trào phúng mà một ông già đã cắt ở những tờ nhật trình cũ và dán khắp vách. Những «ý-du» của thiên hạ, ông ghép thành một

câu chuyện có mạch lạc mà kể cho tâm hồn non trẻ tôi nghe, nghe đến mê. Ký tên là Ý-Dư, tôi mong mỗi cho những mẩu chuyện đầu Ngô mình Sở sẽ xô xâu vào nhau...

Sài Gòn, ngày... 1948

Hôm nay, tôi khám phá được một chút bí mật. Có một thằng nhỏ tên Xích-Tú đến nhà tìm sách đọc. Em nó là Xích-Tuệ, vừa biết đi. Cả hai anh em đều viết X.T. Tôi nhớ lại trong quyển *Tương lai Văn hóa Việt Nam*, nơi trang đầu, tác giả có viết : «*Tặng X.T., độc giả vị lai của quyển này*». Thế là rõ ràng hẳn viết quyển này với tinh thần viết di chúc, viết cảm nang cho thế hệ thanh niên về sau, mà hiện nay mới chín mười tuổi trở xuống. Chúng nó mà «tam thập nhi lập», thì cũng khoảng vài mươi năm trở lên. Nếu thế hệ ấy mà khám phá được sự bí mật giấu trong sách này, ắt cũng dành để vài mươi năm chuẩn bị mới thành công. Liệu tôi sẽ sống thêm gần bốn mươi năm nữa để chứng kiến sự thành bại của chúng chẳng?

∴

Hôm sau nàng lại viết thêm :

Sài Gòn, ngày... 1948

Thằng nhỏ đem cuốn *Hoàng Lê nhất thống chí* mà đòi lấy bộ Quang-Trung, hai cuốn của Hoa Bằng. Tôi lấy làm lạ sao vào tuổi nó, mà lại đọc sách khảo cứu. Nó đáp : «*Cha tôi chỉ cho tôi đọc những sách ấy.*»

Tôi sực nhớ. Trong đề nghị của hãn đưa, hãn đã nói trước rằng, nếu không chọn một đường lối chính trị khôn ngoan thì đất nước sẽ chia đôi. Trịnh Nguyễn phân tranh nữa. Mà muốn chấm dứt tình trạng Trịnh Nguyễn chỉ có đường lối của Tây Sơn, của Nguyễn Huệ. Tôi có thêm một viên đá để trình bày bản báo cáo của tôi. Tôi sẽ dựng lên một nhân vật tự xưng là con cháu Nguyễn-Huệ, để nhắc lại cái sứ mạng lịch sử mà vị anh hùng «áo vải cờ đào» đã lãnh và truyền cho hậu thế.

Tôi có hỏi thằng nhỏ. Mẹ nó tên *Minh*, khởi đầu bằng chữ *M*. và là người *Nam*. Ấy là tượng trưng cho việc miền Nam sẽ vào ảnh hưởng của *Mỹ*. Còn thứ mẫu của nó là người *Bắc*, tên là *Chi*, khởi đầu bằng chữ *C*. Ấy là tượng trưng cho việc miền Bắc sẽ vào ảnh hưởng Cộng sản. Quả Hồ Hữu Tường dùng tượng trưng mà nói rằng cái gia đình ông là «*thế giới hai phe*» một phe theo *Mỹ* và một phe

theo Cộng. Lại nói rõ trước là khi chia đôi rồi, thì sẽ theo hai phe mà chống đối nhau, chống đối như hai bà vợ ghen tuông.

Mấy hôm nữa, Thu Hương viết :

Sài Gòn, ngày... 1948

Hôm nay, chính Hồ Hữu Tường đến. Hấn gặp tôi, không dám tỏ ra là đã quen, cư xử như người lạ. Tôi hiểu lắm. Một bên, là một bà Nam dong dãi cao, có vẻ khoan thai. Một bên, là một bà người Bắc, nhỏ thó, có vẻ cau có. Thật là tượng trưng cho hai cái văn minh, đang tràn tới mà chia xẻ dân tộc.

Hấn hỏi mua một quyển sách Trạng Trình. Và hỏi tôi có đoán nổi sách Trạng Trình chẳng. Hấn lại còn nói : « Đoán được sách Trạng Trình cũ là việc hay rồi. Mà đoán được sách Trạng Trình mới, càng hay nữa ».

Hấn muốn nói gì ? Thôi hiểu rồi. Đi mua một quyển sách, hấn cũng không đi một mình được. Hai bà theo bên gót. Nghiêng qua bà bên này, thì bà bên kia véo, nghiêng qua bên kia, thì bà bên này thúc. Rõ như ban ngày mà ! Trong cái « thế giới hai phe » không làm sao có « Độc lập » được.

Và cũng rõ như ban ngày, mỗi cử động của của hắn đều bị sự kiểm soát của hai bà. Mất hoàn toàn « Tự do ». Và chắc là câu tục ngữ của người mình : « Hai vợ nằm chèo queo » có nhiều giá trị. Mất luôn cả « Hạnh phúc ».

Không cần nói, hắn đã chứng minh rằng trong cái « thế giới hai phe », thì « Độc lập. Tự do và Hạnh phúc » đều là bánh vẽ.



Hôm sau Thu Hương thêm :

Sài gòn, ngày... 1948

Hôm nay, tôi đãi thẳng nhỏ một bụng bánh ngọt, một cốc sữa, mà mua chuộc được cảm tình của nó. Tôi hỏi, nó đáp :

— Máy tháng nay, cha cháu không chun vô mừng của ai được, chun vô mừng mẹ, thì mợ chun theo. Chun vô mừng mợ, thì mẹ chun theo.

Tôi suy nghĩ, rõ ràng là Hồ Hữu Tường chứng minh cho tôi thấy rằng không thể « Liên lập » được. Liên lập với bà này thì bà kia ghen, liên lập với bà kia thì bà này tuông.

Tôi tinh nghịch, viết một dòng : « thử Trung lập » mà đưa cho thẳng nhỏ, dặn về lên đưa cha xem.

Vài hôm sau Thu Hương viết thêm trong nhật ký.

Sài Gòn, ngày... 1948

Thằng nhỏ, sau một bữa bánh, sữa, báo cáo đủ chi tiết. Nó nói :

— Miếng giấy của cô hại cha tôi không ngủ được. Cha nằm giữa, mẹ nằm một bên mợ nằm một bên. Tụi tôi rình xem. Hễ cha xích gần mẹ một chút, thì mợ ngắt cha. Hễ cha xích gần mợ một chút thì mẹ kéo mạnh lại. Cha không dám nằm nghiêng bên nào cả. Cứ nằm giữa như khúc gỗ. Tụi con, mệt, ngủ, khuya thức giấc, thấy cha vẫn nằm như khúc gỗ không dám cựa cựa.

Nói xong, thằng nhỏ hì hì. Nó có biết đâu rằng cha nó bắt chước Trang Trình, chẳng cần dùng lời, mà bằng hành động, chứng minh rằng trong cái « thế giới hai phe » này, Trung lập là ảo vọng mà nếu biết rõ rằng Trung lập là ảo vọng thì tại sao Hồ Hữu Tường lại đề nghị với Hồ Chí Minh điều ấy làm chi ? Ăn ý gì ? Mưu mô gì ? Tại sao bây giờ, Hồ Hữu Tường không tuyên truyền gì về chủ thuyết ấy ? Hẳn lại núp sau lời tuyên bố « Mười năm không làm chính trị », như con mực trốn trong vũng mây mực mà nó phun ra, để tránh

mọi hành động. Thảo nào Hồ Chí Minh đa nghi, từ chối việc áp dụng Trung lập, còn cho mình làm công việc « độ thám tư tưởng ». Nhớ lại các cường quốc lo độ thám nguyên tử, còn mình lo độ thám tư tưởng mà làm quan trọng cũng chẳng kém gì, thì cũng có phần hãnh diện.

∴

Mấy hôm sau nữa, Thu Hương thêm :

Sài gòn, ngày... 1948

Thằng nhỏ đến hỏi sách, còn đòi một tô mì và một cốc sữa, để trả giá một báo cáo quan trọng. Tôi chiều ý nó. Nó ăn uống xong, quệt mỡ, cười ngòn ngòn nói :

— Mấy hôm rày, nằm giữa mẹ và mợ, cha ngủ không được lại thêm bị ngắt, bị véo, nên cha bày ra cái thế hay lắm.

Tôi vội vã hỏi :

— Thế gì ?

Thằng nhỏ đáp :

— Trên nhà tôi, nơi trần nhà, có một cái lỗ vuông để cho người ta leo lên trần khi cần. Cha bắc thang leo lên đó, cột một sợi dây to cho thòng xuống dung dất, rồi cất thang đi. Cha mua một tấm

dăng đem lên trần nhà trái ngang qua, cha tắt đèn khi, giăng mùng lên trên ấy. Hễ cha lên trên, thì cha rút sợi dây, không ai làm sao đụng tới cha được. Tha hồ cha đọc sách viết, và ngủ thẳng giấc. Chỉ có bữa cơm là cha leo xuống mà thôi.

Rồi thằng nhỏ cười hi hi nói :

— Làm cho mẹ và mợ cụt hứng, ghen không được nữa. Mẹ và mợ hết ghen, tội tôi dễ thở.

Thằng nhỏ về, tôi suy nghĩ lung lắm. Thế giới hai phe mất cái đối tượng để tranh giành, ắt phải « Cọng tồn ». Mà Hồ Hữu Tường leo lên trần nhà ấy là tượng trưng cho một thuyết gì ? Hẳn đã nói rõ. Trong thế giới hai phe, không Độc lập được, không Liên lập được, không Trung lập được, chỉ còn có nước lập ở trên trần nhà, Phải. Phải rồi, cần gì moi óc mà tìm ở đâu xa. Ở tuốt trên cao là « Siêu ». Tức là hẳn bày cho tôi thấy rằng đó là thuyết « Siêu lập ».

Thật là thuyết hoàn toàn Việt Nam. Không vay mượn ở Tàu, ở Pháp, ở Mỹ, ở Nga, hay ở đâu đâu cả. Thật là Việt Nam như Hồ Xuân Hương hay Cống Quỳnh. Thảo nào trong chương « Tiếng gọi đàn » của quyển *Tương lai Văn hóa Việt Nam*, hẳn báo tin rằng hẳn đã tìm thấy một khối vàng

to. Nhưng « Siêu lập » là thế nào ? Khám phá được lý thuyết này, mới là thành công trong việc dò thám tư tưởng.

Sài gòn, ngày... 1948

Thật là cơ hội « Ngàn năm một thuở ». Trong dãy phố của Hồ Hữu Tường thuê, cách vài căn, có một căn cũng có lỗ, thông lên trần nhà. Và tôi điều tra kỹ lưỡng, ở trên, giữa vách tường, thấy có ổ cửa đi luồng thông qua lại được. Với một giá khá cao, tôi sang căn phố ấy. Tôi sắm một cây thang, leo lên trần nhà sau khi đóng cửa kín lại. Rồi tôi theo các cửa thông mà đến gặp Hồ Hữu Tường. Hắn nói :

— Sống trong cái « thế giới hai phe » mấy tháng nay, không có nước mẹ gì, tình cảnh anh không khác gì tình cảnh của các thơ sanh trong *Liêu trai chí dị*. Thịnh linh em đến, không khác gì các hồ ly trong truyện của Bồ Tùng Linh. Ấu là em làm như các nàng hồ ly mà dãi anh một bữa « *Tự do và Hạnh phúc* »... Mà anh hỏi : làm sao mà em đoán được đề đến đây ?

Tôi đáp :

— Không *Độc lập* được, không *Liên-lập* được không trung lập được thì anh « *Siêu lập* ». Em cũng « *Siêu lập* » theo anh thì mới giải quyết được mối tình thâm kín mà chúng ta nuôi trong lòng, từ khi anh cùng anh Tạ Thu Thâu ruổi dong ra Bắc, trên chiếc xe hàng của em. « *Siêu lập* » không phải chỉ có tánh cách tiêu cực là tránh những phiền lụy của sự ghen tuông của thế giới hai phe. « *Siêu lập* » còn đem những cứu cách tiêu cực để mà dâng cho hai ta, là tự do và hạnh phúc. Nhưng em xin anh một điều. Nếu ta vừa gặp nhau mà tình ngay việc của xác thịt, thì đó là *dâm* chứ không phải là yêu.

Hắn hỏi :

— Em hiểu yêu là làm sao ?

— Là giữa trai gái phải tâm sự, phải mùi mẫn. Gái phải phục trai ở cái tài, trai phải mê gái nơi cái sắc...

— Thì em có sắc, đủ cho anh mê rồi !

— Chưa đủ ! Anh phải cho em phục anh là có tài. Phục thành ra kính, kính hóa ra yêu. Chờ ái tình không phải đơn phương mà thành được. Ái tình phải song phương mới nên. Không vậy, nó chỉ là sự hiếp dâm mà thôi.

Hắn hòn lòi mà cười hi hi, ra vẻ khoái trá lắm. Tôi hỏi do đâu mà hắn vui lòng lắm vậy. Hắn đáp :

— Tôi có đủ bằng cứ rằng cô mấy năm nay gần gũi Hồ Chí Minh, đã thành Vẹt hóa, bây giờ theo tôi đề độ thám tư lường. Nhưng mà cô ơi, phạm thông lệ của sự buôn bán là « tiền trao cháo múc ». Cô muốn có cháo, bây chi cái trò dâm và yêu, mà chẳng chịu trao tiền ?

Không biết rằng tôi đuối lý mà phải chịu thua, hay vì bị cái hòn làm cho lòng tôi rạo rục mà chịu không nổi. Xin đọc giả của những tiểu thuyết khiêu dâm miễn cho tôi việc miêu tả đoạn này, đoạn mà tôi với nhà học giả họ Hồ hưởng tự do và hạnh phúc.

..

Đọc tới đây, Thu Hương nở một nụ cười. Bằng làm sự, bằng mùi mẫn, nàng đã khám phá hầu hết những bí mật trong lòng họ Hồ. Nhưng một vấn đề lương tâm lại đặt ngay. Có nên báo cáo hết, hay cần phải giấu một phần nào ? Bỗng chốc nàng nhớ lại Tôn phu nhưn khi xưa cũng ở một tâm trạng na ná như nàng. Vàng lời anh ? Thờ chồng ?

Muốn biết nàng báo cáo hết chẳng, hay nàng vì chồng mà giấu lại phần nào, xin xem đến hồi sau phân giải.

HỒI THỨ HAI

*Phi Lạc sang Tàu trong Mộng huyền
Giờ đây, thật sự tách sang Âu*

Đây nói về Thu Hương, khi khám phá hết những bí mật trong cõi lòng của họ Hồ nhờ thi hành mỹ nhân kế thi lòng bông sanh lưỡng lự. Nàng không biết nên đem ra báo cáo hết công tác mà nàng đã lãnh, hay giấu luôn cho chồng. Thì Hồ Hữu Tường, thấy vẻ nàng lo âu, đoán được tâm sự ấy, bèn vuốt ve nàng mà nói :

— Em nhập vào chủ nghĩa Mác Lê đã mấy năm nay, sao chẳng rành biện chứng pháp ? Biện chứng pháp dạy rằng quá trình biến đổi của sự vật cùng tư tưởng thay đều theo cái tuần tự : lập đề, đối đề, qui đề. Nay em lưỡng lự giữa cái linh của đảng và cái linh thương chồng, ấy chẳng khác nào em

ở trong cái mâu thuẫn giữa lập đề và đối đề. Em theo một bên nào, ấy là em phản với tinh thần của biện chứng pháp.

Thu Hương có vẻ suy nghĩ, hỏi :

— Nếu theo biện chứng pháp, thì em phải làm sao ?

Họ Hồ rời cái bụng của nàng với vẻ âu yếm, đáp :

— Không giấu bí mật cho chồng, chẳng dung bí mật ấy cho đảng, thì em dành nó cho con vậy ! Ấy là cái qui đề.

Thu Hương giật mình. Nàng mê mải trong công tác, thi hành mỹ nhân kế, quên hẳn rằng cứu cánh của mỹ nhân kế là cái thai, mà họ Hồ trào phúng gọi là cái qui đề của biện chứng pháp. Rồi nàng nghĩ, kế hoạch của họ Hồ có đem ra mà thi thố chỉ khi nào Tàu trở nên cường quốc số một, có vô khí nguyên tử, thì ít ra cũng trong đời ba mươi năm nữa. Chừng ấy Hồ Chí Minh liệu còn sống mà khai thác cái bí mật mà hiện nay nàng nắm chăng ? Chừng ấy Hồ Hữu Tường liệu còn tỉnh tri, chưa đến nỗi lằm cằm và còn đủ sáng suốt để chủ trì đường lối chăng ? Phải, cái kế hoạch như thế chỉ

dành để áp dụng cho thế hệ của mai sau, của thế hệ của thằng nhỏ Xích Tử nay vừa mười tuổi, của thế hệ em nó nay vừa đi tập tễnh hay vừa trứng trứng trong bụng mẹ. Thì báo cáo sớm ra làm gì để cho kẻ nghịch có đôi ba mươi năm để nghiên cứu việc phá hoại kế hoạch? Nàng nói:

— Anh nói rất phải. Bí mật của anh nên dành để cho con. Con của chị lớn, con của chị Hai, hay là con của em cũng được. Để em nói anh nghe, em sẽ viết một bộ tiểu thuyết mà em đặt tên là « *Ngàn năm một thuở* ». Ý em muốn nói rằng đó là một dịp may ít có, cả ngàn năm mới xảy ra một lần. May mắn cho đến đôi mà, nếu anh đảo ngược trật tự của bốn chữ lại, thì hóa ra « *Một thuở ngàn năm* » ! Ý em muốn nói rằng nếu bọn X.T, nếu cái thế hệ X.T. này mà làm xong sứ mạng, thì công việc làm trong một thuở mà ảnh hưởng kéo dài cả ngàn năm...

Họ Hồ vô vẻ cười, có vẻ khoái trá lắm và nói:

— Năm trăm năm trước đây, một người Việt, họ Hồ, là Hồ Nguyên Trừng sáng chế ra súng thần công. Súng này mở một kỷ nguyên mới cho nghệ thuật quân sự và tạo ra năm trăm năm cường thịnh của Tây Phương. Nay em muốn cho con mình làm

việc một thuở mà đem lại ngàn năm hanh thông cho Á Châu mình. Thật là một cái mộng vĩ đại. Có dè đâu anh có được một người vợ được như em !

Thu Hương được khen, thêm hứng, nói :

— Đưa con của em, em hãy lấy hai chữ X.T. làm chữ đầu. Em đặt tên cho nó là Xích Tử. Nơi chương một của tiểu thuyết, em đặt hai câu tiên tri : « *Cuối hạ ngưng Quỷ Vương xuất hiện. Đồi đời mới Xích Tử ra công* ». Để cho độc giả thấy rằng trong lúc con mình còn ấu trĩ, Quỷ Vương làm chủ lễ hoàn cầu, gieo loạn lạc tang tóc khắp nơi, dọn tâm lý của quần chúng mong nhờ đấng cứu thế. Rồi trải qua vài mươi năm lầm than, thằng Xích Tử ra đời, ra công cứu vớt loài người khỏi cảnh tàn diệt. Đồi đời mới đấy ! Cái bí mật mà anh đã trao cho em, em nhốt trong tiểu thuyết. Có ai dè đâu trong tiểu thuyết trào phúng mà em viết, em giấu cái chúc ngòn của chúng mình để lại cho con là thằng Xích Tử.

Thế là Thu Hương nuôi mộng viết tiểu thuyết, làm văn, với bút hiệu Ý Dục, nàng đã sáng tác một áng văn kỳ quặc, cốt chuyện không có gì hết, chẳng có bóng hồng thướt tha, không theo chủ nghĩa tả

chân, không phăng phất chút mùi lãng mạn, hư thi hoàn toàn hư, mà thực lại rất thực, nguy hiểm trộn lẫn với luận điệu danh thép, tư tưởng mới thì gói ghém trong lối thuật rất xưa, học thuyết khó lại nhất trong giọng đùa cợt rất bình dân... Sở dĩ nàng âm được kỳ công ấy, là vì nàng luôn luôn nhớ tưởng đến cái thai, luôn luôn tưởng tới thằng Xích-Tử vài mươi năm sau khám phá được hết ý nghĩa của di chúc, nhảy ra hành động mà cứu đời khỏi con tận diệt.

Tiêu thuyết mỗi ngày cho đăng một đoạn trong *Sài-Gòn mới*. Cô Kiều-Yiêu, nhà văn ở Bạc-Liêu, mỗi ngày đón đọc, tưởng đâu đó là tác phẩm của họ Hồ, có gửi tặng một câu thơ :

Phi-Lạc sang Tàu trong mộng huyền...

Và hẹn sẽ gửi thêm vài vần nữa. Họ Hồ không dám đính chánh rằng Ý-Dur không phải là mình. Sợ e hai bà vợ, Bắc và Nam, cùng ghen mà hợp nhất... chiến tuyến lại chống với bà ba là người Huế. Do đó mà có một cái ngộ nhận to trong lịch sử văn học ở đất này.

Thu-Hương sẵn sóc thằng Xích-Tử ngay từ trong trứng. Mỗi ngày nàng chỉ đề đủ thì giờ viết mấy trang tiểu thuyết gửi ngay cho nhà

báo. Còn từ sáng, khi chuông nhà thờ Huyện Sĩ đổ kêu gọi con chiên đọc kinh sáng cho đến mười hai giờ khuya, thì nàng đọc sách. Để cho bộ thần kinh nàng làm việc mà ảnh hưởng đến thần kinh đứa trẻ trong bào thai. Nàng không đọc những tiểu thuyết nhảm nhí, những truyện kiếm hiệp hoang đường, mà lại chuyên đọc bá gia chư tử, những học thuyết cao siêu, những hệ thống vĩ đại.

Thấm thoát mà đến kỳ sanh nở. Đúng như nàng kỳ vọng, nàng sanh được một trai, đầu to trán rộng, tai lớn, miệng chành bành. Nàng mừng thầm, chắc chắc thằng nhỏ sẽ ngôn ngữ như lưu. Rồi nàng mộng: Nếu Phi-Lạc chỉ học lóm mà tài ba như trong tiểu thuyết nàng tả, thì thằng này mà dạy dỗ hẳn hoi, ắc du thuyết xuất chúng chớ chẳng không.

Nàng đặt tên cho nó là Xích-Tử.

Đây nói về Hồ-Chí-Minh, ở trong một hang đá vùng núi non Bắc-Việt khi đọc xong bộ tiểu thuyết *Phi Lạc sang Tàu* và nghiền ngẫm kỹ, thì lấy làm thắc mắc.

Giữa Nga cộng sản và Tàu cộng sản, sẽ có một xích mích sao? Rồi người cộng sản Việt sẽ ngã về bên nào? Hay là chọn một đường lối thứ ba, ngay trong cái thế giới cộng sản? Càng thắc mắc hơn nữa là mấy cái chấm chấm với lờ ghi chú ở dưới, rằng không thể lộ bí mật Quốc gia (1) trong lúc này. Tại sao Thu-Hương không báo cáo cho trọn vẹn mà nói nửa úp nửa mở như thế? Hay là nàng đã phản đảng mà không chịu làm tròn sứ mạng?

Vốn đa nghi, Chi-Minh liền hạ lệnh gọi Nga (2) đến mà cắt nghĩa rành rẽ công việc đã giao phó cho Thu-Hương và kết quả đã thu lượm được là bản báo cáo còn một lỗ trống lớn là quyền *Phi-Lạc sang Tàu*. Và nói:

— Bác chắc chắn là con Thu-Hương đã mê thẳng đó mà phản đảng, nên giấu chỗ bí mật quan trọng. Vậy bác giao cho cháu một công tác quan trọng hơn. Công tác này gồm có ba phần. Phần thứ nhất là điều tra xem con Thu-Hương có phản chắng. Nếu thật nó phản thì phải thủ tiêu nó để trừ hậu hoạn.

(1) Muốn hiểu nhân vật này, nên xem lại Thu-Hương.

(2) Muốn hiểu rõ đoạn này, độc giả nên xem lại *Phi-Lạc Sang Tàu*.

« Phần thứ hai là phải dùng đủ cách để tìm ra cái chấm chấm trong *PHI-LẠC SANG TÀU* mà báo cáo cho bác rõ. Cách báo cáo cũng y như lối của Thu Hương đã dùng là viết một bộ tiểu thuyết mà lồng lời báo cáo vào. Để cho bác nhận biết, cháu cũng nên lấy bút hiệu Ý Dư mà con Thu Hương đã dùng. Và phần thứ ba là tìm thêm coi ngoài những bí mật nhất trong 'chấm chấm đó, hẳn ta còn dấu cái gì thêm chẳng.

Nga lãnh lệnh, băng rừng núi, sang qua Tàu, đến Hồng Kông giả làm xâm mà sang Chợ Lớn.

Sau một thời kỳ điều tra kỹ lưỡng, nàng nắm những bằng cứ chắc chắn rằng Thu Hương đã mê chồng, mà phản đảng, lại toan gửi gắm bí mật lại về sau cho con là thằng Xích-Tử nó khai thác. Nàng bèn thi hành phần thứ nhất của công tác. Nàng bèn cho hai lực sĩ Tàu, thừa lúc Thu Hương đi Chợ Lớn ban đêm mà bắt cóc nàng, đâm chết rồi vứt thây xuống kinh. Hạ thủ xong rồi, nàng tìm cách mà tới lui nơi đường hẻm Frère Louis mà tìm cách làm quen với Hồ-Hữu-Tường. Đến nhà số 6, nàng thấy ngoài cửa có treo một tấm bảng thiếc nhỏ, trên có viết ba chữ « trị bệnh mũi » Nàng nhìn vào trong, thấy nơi bàn giữa, có một,

người tuổi gần bốn mươi ngồi xếp bằng trên ghế mà viết. Nàng bước vào cúi đầu chào, thì người ấy vừa mời nàng ngồi vừa nói :

— Mời cô ngồi và cô cho phép tôi năm phút viết cho hết đoạn văn này.

Nga ngồi, liếc nhìn xem hắn ta viết gì trong tập giấy dày. Té ra là một đoạn văn tả lúc nàng Thu-Hương mua dưa mà mời một người lùn ăn. Nga hỏi.

— Ông viết tiểu thuyết à ?

Người ấy viết xong đoạn văn, buông viết xuống xô tập giấy qua một bên rồi nói :

— Muốn hiểu là tiểu thuyết, là hồi ký, là điệu văn chi cũng được. Nhân vật chánh trong tiểu thuyết này quen biết với tôi nhiều lắm. Gần đây, nàng thỉnh linh mất tích. Tôi nghi nàng bị hại...

Nga chận ngang hỏi :

— Tại sao ông nghi như vậy ?

— Vì tôi biết chắc rằng cộng sản không bao giờ dung tha những cán bộ nào của họ mà trở lại phản họ, hay là họ bị nghi như vậy. Sau khi nàng mất, tình cờ có người cho tôi mượn những số *Sài Gòn Mới* có đăng câu chuyện dài *Ngàn Năm Một Thuở*

kỳ tên là Ý-Dur. Đọc xong chuyện này, tôi hiểu ngay Ý-Dur chính là nàng Thu-Hương. Nàng đã dùng tiểu thuyết mà trình bày viễn đồ chánh trị mà tôi đã nói cho nàng nghe. Nếu nàng đề tiểu thuyết cho con sau này sẽ đọc, thì là không sao. Đảng này nàng đem ra đăng lên báo. Báo ấy lọt vào mắt của các lãnh tụ C.S. Những lãnh tụ này thấy đoạn, chấm, chấm, chấm, mà nàng giấu, sẽ quả quyết rằng nàng báo cáo công tác không trọn ấy là nàng đã phản đảng. Họ đã nghi như vậy, thì tất nhiên họ hạ lệnh cho ban ám sát giết Thu-Hương.

Nga giả vờ không hiểu, hỏi :

— Đoạn chấm, chấm, chấm là đoạn gì ?

Họ Hồ mở tủ lấy một xấp báo, lật ra mà đọc một đoạn dài. Xong rồi tóm tắt :

Đoạn chấm, chấm, chấm, ấy là khi nước Tàu hùng cường, đe dọa chinh phục thế giới, cũng như hồi xưa nước Tần đe dọa tóm thâu lục quốc, thì nước Việt ta tung ra một kế sách để làm chủ hoàn cầu, hiến cho tàu bơ mỗ.

Nga làm vờ như từ cung trăng rớt xuống, mượn xấp báo đọc lại kỹ rồi nói :

— Té ra cái viễn đồ chánh trị ấy là do ông vạch ra sao ?

— Phải .

— Ông không sợ cộng sản giết ông để chôn mất cái bí mật ấy sao ?

Họ Hồ cười hì hì, rồi nhỏ giọng xuống nói :

— Nói nhỏ nhỏ cho hai bà vợ tôi đừng nghe mà cùng một lượt phát ghen với người đã chết là Thu Hương. Thú thiệt với cô rằng cô Thu-Hương đã có một đứa con trai với tôi tên là Xích-Tử. Cái bí mật ấy đã viết thành cẩm nang cho ngày sau Xích-Tử sẽ đem ra mà áp dụng. Cộng sản có giết tôi bây giờ cũng không ngăn được sự thực hiện của cái bí mật nọ. Điều mà họ cần là để cho tôi sống, rồi dùng mọi phương thuật mà moi móc cho ra cái bí mật ấy, trước khi nó được đem ra áp dụng. Để có thời giờ chuẩn bị mà đối phó chứ ! Cái bí mật ấy là cái bùa hộ mạng của tôi đa. Họ giết tôi, họ nào có ngăn được việc thảng Xích-Tử ra tay « đòi đời » !

Nga không biết kéo dài câu chuyện theo hướng này bằng cách nào nữa, bèn đánh trống lảng hỏi :

— Ông trị bệnh mũi à ?

Họ Hồ đáp :

— Ở xứ ta, nghề cầm bút không đủ nuôi người, tôi phải có thêm một sanh kế. Tôi trị bệnh mũi bằng thuốc gia truyền. Thuốc này từ đời ông Đào-Duy-Từ truyền lại cho đến ông Đào-Duy-Chung là ông ngoại vợ tôi, sang qua cho chúng tôi... Cô đau thế nào ?

Nga đứng dậy, bước sang mé bàn bên họ Hồ, ngoảnh mặt, đưa mũi lên, kê sát mũi lại gần mắt họ Hồ và nói :

— Tôi đau trong này, mời ông nhìn vào lỗ mũi xem bệnh tình ra sao.

Họ Hồ không để ý cúi xuống, nhìn thẳng vào mũi nàng kê mặt sát gần. Nga thừa lúc không chuẩn bị ấy, lẩn công thành linh bằng cách hun vào mặt hắn. Hắn chưa kịp đối phó ra sao cả, thì ở trong buồng bước ra một người đàn bà, mặt căm tức, giọng rồn rảng nói :

— Con dĩ này ! mầy đi xem bệnh như vậy à ? Đi cho mau kẻo tao đánh chết bây giờ !

Nga hết hồn thoát ra cửa. Nàng còn nghe văng vẳng :

— Mấy con này hết chỗ nói rồi ! Mẹ thằng Tuệ, tôi còn nhượng cho nó được, vì nó có chút ơn nghĩa

giấu mình lúc Việt-Minh tìm bắt mình ở Hà-Nội. Chớ làm sao tôi chia xẻ tình yêu cho đám đầu đường, xó chợ? Mà tụi nó, đũa nào cũng đẹp, đũa nào cũng ăn nói như nước chảy, đũa nào cũng sẵn chông có nghệ thuật, không khéo mà tôi bị cướp chông mất. Thôi, mình đừng ở xứ này nữa. Mình đi Tây đi, đi trước một mình. Tôi bán thuốc kiếm tiền vài năm, tôi sẽ dắt con theo. Chớ mình ở đây không được nữa!

Nga đứng nép phía ngoài, nghe cả tràng xỏ ghen trên, nở một nụ cười đắc chí. Từ ngày có máu lửa ở Hà-Nội, nàng điền vào đoàn «dịch vận», bấy lâu nay đã lập nhiều công tác hay, song [chưa bao giờ thực hành được cái kế huyền diệu như lần này. Chỉ bằng một cái hun bắt ngờ, không xin phép trước, nàng đã đốt ngòi cho một cuộc ghen tuông sôi nổi. Rồi đây Hồ-Hữu-Tường sẽ bị vợ «đày» qua Pháp. Ấy là cái kế «điều hổ ly sơn». Ở Pháp họ Hồ sống một mình, buồn bực, cần có người tâm sự, thì nàng sẽ có mặt tại Paris mà an ủi họ Hồ, dụ họ Hồ, gạt họ Hồ, ép họ Hồ lộ ra cái bí mật mà Thu-Hương không chịu báo cáo. Nàng lập tức lại Công an, lúc ấy do người Pháp điều khiển, mà nạp đơn xin giấy thông hành sang Paris. Từ sở Công an nàng lập

tức bước qua sở Bureau điện mà mua một cái măng đa mười ngàn đồng đề tên Hồ-Hữu-Tường và kèm theo cái thư sau đây :

Sài-Gòn... 1949

« Kính ông Hồ-Hữu-Tường.

Tôi là một độc giả của *TUÔNG LAI VĂN HOÁ VIỆT-NAM*, cảm mến cái mộng lớn của ông là muốn cho dân tộc Việt xây dựng được một sự nghiệp văn hoá làm cho dân tộc ta vinh quang. Tôi lại được đọc bài *TÂN XUÂN-THU* của ông, tôi thầm nghĩ rằng ông nuôi riêng cho ông cái ý muốn làm một nhà tư tưởng lớn của thế kỷ XX. Tôi cũng tán thành việc ấy. Song tôi nghĩ rằng ông rời Âu-Châu từ năm 1930, trong mười chín năm nay, đã xuất hiện bên ấy biết bao nhiêu tư tưởng mới. Thi điều cần cho ông là nên trở qua Tây, để gần gũi những tư tưởng mới ấy. Rồi ông có sáng tạo gì, sẽ không phải giẫm vào vết cũ của người ta.

« Vậy tôi biếu cho ông mười ngàn đồng bạc này. Ông đóng tiền thế chân hai ngàn rưỡi, mua giấy lau hai ngàn rưỡi, sắm một bộ đồ nỉ một ngàn. Còn lại bốn ngàn, ông có thể sống ba tháng ở Pháp. Nếu công việc nghiên cứu văn hóa của ông xong, thì ông có thể về. Nhược bằng không có muốn ở

lại thêm, thì ông có thể làm phái viên cho một tờ báo mà sống thêm với tiền nhuận bút.

Chúc ông thành công trong cuộc nghiên cứu văn hóa này.

Một độc giả ần danh

..

Đày nói về Hồ Hữu Tường, sau khi bị trần ghen oan và bị vợ hăm « đày » qua Tây, thì lấy làm thắc mắc, không biết vì sao mà có một cô quá bạo, quá kỳ cục, hun đại mình như vậy. Hấn còn suy nghĩ không tìm ra động cơ nào xúi giục nàng làm như vậy, thì được cái thơ đảm bảo với cái măng da mười ngàn đồng bạc. Hấn liền tìm thấy ngay duyên cớ, cười xòa rồi tự nói một mình :

— Độc giả ần danh này và cô hóm nọ chỉ là một. Nàng muốn đẩy ta vào một tình thế « biệt lập » để mặc tình dò la, xem xét, điều tra. Được. Ta cũng tương kế tựu kế một phen. Năm 1945, ta đã công khai tuyên bố ở Hà Nội rằng ta nghĩ làm chánh trị trong mười năm. Mà nghĩ làm chánh trị, lại ở ngay trên sân khấu chánh trị là Sài Gòn này, cũng ngửa ngáy lắm. Chi bằng dùng số tiền này mà đi phứt qua Tây, ở ít năm chơi.

Nói rồi sửa soạn đi lãnh tiền, đến Công an lo giấy tờ sang Pháp. Rồi hẳn viết một bài tạm biệt công chúng để công khai báo tin rằng mình sắp sang Âu. Cò Kiều Yêu hay tin, lập tức gửi lên một vản thơ nữa :

Giờ đây thật sự tách sang Âu

Khi đến Paris, công việc đầu tiên là hẳn ta đến Thư viện quốc gia mà tra cứu. Trong hơn tám triệu quyển sách của Thư viện này, hẳn ta không tìm sách mới xuất bản mà đọc, lại tìm tài tác phẩm cũ xưa của phương Đông. Sau một thời gian nghiên ngẫm, tra cứu, hẳn ghi trong nhật ký những điều sau đây.

Paris, ngày... 1949,

Vừa đến Paris, tôi lại Thư viện quốc gia ngay. Để tìm một thắc mắc mà suốt mấy năm nay, tôi giải ra không nổi. Vốn ông nội tôi, là Hồ văn Điều, là con nuôi của ông cố tôi, mà người mẹ đem cho lại không xưng tên họ, cũng không nói cha sanh ra là ai cả. Bà chỉ dạy nên thờ hai chữ « KẾ THẾ » và nói rằng sau này con cháu dựa vào thông minh sẽ tìm ra được tông tích của dòng họ mình. Tôi tự cho rằng có chút thông minh nên suốt mấy năm

ngày, tôi tìm mãi xem tôi từ dòng máu nào mà có. Năm 1945, tôi ra Hà Nội, có ý muốn tìm tôi thư viện khổng lồ của trường Đông phương bác cổ những tài liệu có thể soi sáng được diêm còn mờ tối đó.

Theo lời truyền khẩu, thì khi ông cố tôi qua đời, trong nhà không có tiền sắm quan tài, thì bà cố tôi đem vật qui báu hơn hết trong nhà là cái hộp gấm đựng một quyển sách mà bán cho một người Tàu để lấy tiền trang trải đám tang : hộp gấm này của người đàn bà sanh ra ông nội tôi giao cho, để làm của gia bảo. Ngoài hộp gấm có đề bốn chữ « Truyền thế chi bảo ». Cuốn sách trong hộp tên là « Hoa dinh cầm trận ». Suốt mấy năm ở Hà Nội, tôi lục lạo ở Thư viện của trường bác cổ, không thấy nói chi tới hai cái tên sách ấy.

Nhưng trong lúc tôi tránh bom đạn, rời Hà Nội mà lánh ở nhà quê, tôi có gặp một ông già nói rằng đời vua Tương Dực nhà Lê, nhà Minh bên Tàu sai sứ sang nước ta, có gởi tặng vua Tương Dực một quyển sách tên là « Hoa dinh cầm trận ». Có phải là quyển sách do nhà Minh tặng cho vua Tương Dực chính là quyển mà bà cố tôi đã bán cho người Tàu hồi trước chăng ? Và do duyên cớ

nào mà quyền sách độc nhất trong kho tàng của nhà Lê lại lọt vào gia đình tôi trong ít năm ? Rồi bây giờ nó lại ở đâu ? Trong tay ai ? Nếu tìm ra quyền này, ắt rọi được một tia sáng vào vấn đề mà tôi thắc mắc.

Paris, ngày... 1949.

Tôi tìm mãi những tài liệu thấy được để áp dụng phương pháp mà sử học hiện nay gọi là khoa học. Mà không được. Tôi nhớ lại những lời tôi nói với Thu Hương về giá trị của những huyền thuyết. Biết đâu huyền thuyết lại nói được sự thật ?

Huyền thuyết mà tôi nghe nói hồi nhỏ là Ngọc Hân công chúa giả chết dắt con trai là Quang Thiệu trốn vào Nam. Nếu nhận huyền thuyết này là đúng, thì quyền « Hoa đình cầm trận » của đời Tương Dực được vua nhà Lê truyền đến Lê Hiến Tông, rồi sang qua tay Ngọc Hân công chúa. Khi công chúa dắt con đi trốn, bà đem theo của gia bảo này để đời sau biết người truyền của có dính dấp nhiều lời bà... Nếu theo giả thuyết này, thì ông nội tôi, Hồ Văn Điều, là dòng của Quang Thiệu, con đẻ của Ngọc Hân chăng ?

Paris, ngày... 1949.

Chánh phủ Anh vừa gửi tặng cho chánh phủ

Pháp một cái hộp gấm mà chánh phủ Pháp vừa giao cho Thư viện quốc gia cất giữ. Hộp gấm làm theo kiểu các hộp đựng sách của phương Đông, có chốt gài, gói trọn hai quyển sách ở trong. Người phụ trách mở hộp ra, trầm trồ khen là đẹp. Tôi ngồi gần đó, liếc mắt nhìn, thấy quyển nằm trên nhan đề bằng tiếng Anh : « Love's battles », mặc dầu đóng kiểu theo cách Tàu. Còn quyển sách nằm trong hộp, khi đem ra, bày hàng chữ Tàu « Hoa đình cầm trận ».

Mắt tôi hoa lên. Quyển sách mà tôi tìm suốt mấy năm nay, bây giờ ở đây ! Tôi đứng dậy bước lại xin phép xem thái qua. Người phụ trách đưa cho tôi cầm quyển « Love's battles ». Mặc dầu tôi rất dốt về Anh ngữ, tôi cũng ráng đọc và hiểu sơ sơ như sau : Quyển « Love's Battles » là bản dịch ra Anh ngữ của quyển « Hoa đình cầm trận », Dịch giả là một người Anh, làm nhân viên ngoại giao ở Nhật, sau thế chiến thứ hai, mới được phép xem kho sách quý của Nhật hoàng mà thấy được quyển « Hoa đình cầm trận » này. Sách viết từ đời nhà Minh, do một đạo sĩ trước tác cho vua nhà Minh xem, có phụ bản màu, do đạo sĩ vẽ, và chỉ có một bản cho vua xem mà thôi. Dịch giả cho rằng khi liên quân công hãm Bắc Kinh, mỗi nước

đều cướp của qui về nước, thì quân Nhựt biết giá trị của quyển « Hoa dinh cầm trận », nên đoạt lấy mà đem về cất trong kho của Nhựt hoàng. Nay Nhựt thua trận, các sứ thần nước Đồng minh mới được viếng kho này, thấy được sách qui, nên dùng phương pháp chụp hình tối tân mà xuất bản năm chục quyển, cùng bản dịch ra tiếng Anh, để tặng mỗi nước Đồng minh một quyển...

Đọc lời dân của dịch giả mà tôi rất hồi hộp. Dịch giả nói rằng quân Nhựt lấy được quyển này khi liên quân lấy thành Bắc Kinh, có lẽ đó là một giả thuyết để cắt nghĩa do đâu mà quyển sách độc nhứt của nước Tàu lại sang tay người Nhựt. Còn tôi, tôi chấp nối cái huyền thuyết. Sách vua Minh tặng cho vua Tương Dực, truyền đến Hiến Tông. Vua này cho sách cho con gái là Ngọc Hân. Ngọc Hân trốn vào Nam, đem của gia bảo ấy theo. Của ấy lọt vào tay bà cố tôi một lượt với ông nội tôi. Bà cố tôi dốt đem bán rẻ cho người Tàu. Người này biết giá trị của sách, mang sang Nhựt mà bán cho vua Nhựt. Ấu là một cái huyền thuyết, ai muốn tin thì tin. Không tin thì xem là một truyện tiền thuyết, coi chơi đỡ buồn.

Paris, ngày... 1949.

Tôi được người giữ sách cho cái đặc ân được đọc quyển « Hoa dinh cầm trận ». Có thể gọi sách ấy là « Ái tình kinh » vì sách dạy đôi nam nữ yêu nhau như thế nào cho đạt đến cái tuyệt đỉnh của hạnh phúc.

Lúc tôi còn sinh viên, tôi đã đọc hàng mấy chục quyển sách do tác giả người Âu viết để dạy người ta « yêu ». Những sách này, dựa vào « khoa học không đưa con người thoát cái vòm của xác thịt. Nay đọc sách này, tôi thấy vị đạo sĩ đời nhà Minh dắt ta thoát xa cái vòm ấy mà lên thượng tầng của tình yêu, đưa cái tình lên hàng một cái « đạo ». Và sách ấy được gọi là « kinh » cũng không phải là quá đáng.

Rồi tôi cho rằng cái huyền thuyết nói rằng sách đã qua tay của Ngọc Hân có phần gần sự thật. Một nữ thi sĩ như Ngọc Hân mới có một tâm hồn tế nhị mà áp dụng cái đạo của ái tình. Và vua Hiến Tông cho sách cho con, ấy bởi có dụng ý rằng nàng công chúa sẽ làm cho Nguyễn Huệ đến tuyệt đỉnh của hạnh phúc, rồi do đó mà nương tay đối với cơ đồ bèn vợ.

Paris, ngày... 1949.

Hôm nay tôi dạo xóm La Tinh. Trên đường

Saint Michel thỉnh linh tôi gặp nàng đã hun lên tôi và đã gửi tặng tôi mười ngàn đồng bạc, nàng mừng tiu tit nói :

— Tôi sang dày hơn tháng nay. Tìm anh mãi mà không gặp. Anh ở đâu? Anh dắt tôi lại phòng anh cho tôi biết để sau đến chơi.

Nàng vừa nói, vừa liếc mắt đưa tình. Tôi biết rồi. Nàng đương dùng những tiểu xảo của « dịch vận » mà bủa tôi vào lưới. Nàng có dè đâu, tôi đã đọc xong quyển « Hoa đình cầm trận » thì trong nghệ thuật của tình yêu, tôi có biết bao nhiêu bửu bối mà « dịch vận » lại nàng...

Vài tuần sau, báo « Sài Gòn Mới » khởi đầu đăng một tiểu thuyết dài nhan đề là *Phi Lạc nào Hoa Kỳ*, dưới chữ ký của Ý Dư. Người biết đọc văn ắt thấy rằng Ý Dư này không phải là người đã viết *Phi Lạc sang Tàu*. Vì Nga đâu phải là Thu Hương mà nàng đã hạ lệnh cho lực sĩ Tàu giết chết.

Và quyển « Hoa đình cầm trận » đã công hiệu vì Nga mẹ họ Hồ cho đến nỗi họ Hồ vẽ làm sao, thì nàng viết y vậy. Họ Hồ biểu nàng bố cuộc dẫn đến Trung Cộng cho thử bom nguyên tử, Phi Lạc

hết kế, dò di tìm thầy mà hỏi, nàng cũng vắng theo mà làm y như vậy.

Đây nói về phòng Thông tin cộng sản ở Moskva, sau khi Mao Trạch Đông toàn thắng ở lục địa Trung Hoa, thì phân vân bất nhứt. Bởi Mao đã cải lệnh của STALINE mà bạo động cướp chánh quyền, bây giờ không biết Mao sẽ đi theo đường lối nào. Bỗng nhiên viên thư ký được một bức thư, đóng dấu từ Paris gửi sang, viết bằng tiếng Việt. Cho dịch ra tiếng Nga, thì viên thư ký đọc được thư rằng :

Paris, ngày. 1950

Chủ nghĩa Mác Lê của các ông cho rằng động cơ chính của lịch sử là cuộc giai cấp tranh đấu mà hình thức hiện đại là chiến tranh lý tưởng. Cái thuyết « thế giới hai phe » của Staline, dạy rằng thế giới chia ra hai phe ; một phe tư bản, một phe cộng sản, hai bên chống đối nhau là áp dụng của chủ nghĩa Mác Lê cho tình thế sau chiến tranh thứ hai này. Tất cả cái đó đều sai lầm và sẽ dẫn nước Nga vào đường bại vong.

Động cơ chính của lịch sử là cái gì thường tại và to tát hơn sự giai cấp tranh đấu. Động cơ ấy là sự tranh giành giữa các dân tộc. Nước Nga

sẽ thấy điều đó. Và nếu không sớm chuẩn bị, Nga sẽ chịu chua cay suốt mấy trăm năm.

Năm nay, Mao Trạch Đông vừa thành công ở Tàu. Nga chớ nên tin rằng Tàu sẽ ở mãi một phe với Nga trong cái « thế giới hai phe ». Trong mấy năm đầu, Tàu sẽ làm vờ như vậy ; để tránh cái vạ bị cô độc. Song Tàu núp theo Nga cũng như đứa nhỏ tập lợi mà ôm cây chuối, khi nó biết lợi rồi, nó sẽ buông cây chuối mà lợi một mình. Thì khi Tàu trưởng thành rồi, Tàu sẽ buông Nga mà đi con đường riêng của Tàu.

Con đường riêng của Tàu là gì ? Tàu là nước chậm tiến, dân số đông, muốn vượt kịp các nước tiên tiến, chỉ có lối là dùng số đông của mình mà cướp tài vật của các dân tộc khác. Con đường của Tàu là con đường chinh phục. Chinh phục Đông Nam Á, Ấn Độ là xứ nghèo, việc ấy chưa làm đã khát vọng của mấy trăm triệu dân Tàu đâu. Hưởng qua Đông để đánh Nhật, đánh Hoa Kỳ, thì Tàu bị đại dương ngăn cách mà Tàu không có hạm đội hùng hậu để vượt biển. Điều kiện ấy bắt buộc Tàu đi theo con đường của Thành Cát Tư Hãn là Tây chinh.

Nhắc tới Thành Cát Tư Hãn, dân Nga hãy còn nhớ đến cái ách đô hộ của Mông Cổ suốt hai trăm

năm, từ thế kỷ thứ mười ba tới thế kỷ mười lăm. Nhưng lần này, nếu Nga bị Tàu đô hộ. Tàu sẽ áp dụng chánh sách độc tài mà chính Staline đã rèn ra để một thiểu số cai trị cả xứ Nga. Bây giờ với cái chánh sách độc tài ấy, sáu bảy trăm triệu dân Tàu dễ gì để cho hai trăm triệu dân Nga lật được ?

Nga chưa tin à ? Thì cứ việc theo con đường lý tưởng mà ủng hộ cho Tàu ít năm đi, thì coi sự thế ra sao. Nhưng ngay bây giờ, phải chuẩn bị kế hoạch để chặn Tàu, khi Tàu lộ mũi xâm lăng. Gần đây có một người Việt có đăng trong *Sài Gòn Mới* một tiểu thuyết đề tên là *Phi Lạc náo Hoa Kỳ*. Nói là náo Hoa Kỳ, mà thật sự là để nói chuyện với Nga đó. Sở trường của Tàu là chiến tranh du kích, chiến tranh lý tưởng, chiến thuật biển người... bởi Tàu là số đông. Phỏng Tàu có bom nguyên tử, thì Nga dùng cái gì để cự lại nổi. Dân Nga còn nhớ cuộc xâm lăng của Hitler chẳng ? Nga còn nhớ cuộc xâm lăng của Napoléon chẳng ? Những cái ấy không có gì lắt cả, sánh với cuộc xâm lăng ồ ạt của Mao-Trạch-Đông đâu !

Tác giả của *Phi-Lạc Náo Hoa-Kỳ* dự đoán rằng Tàu sẽ có bom nguyên tử. Người ấy là một người đàn bà, làm họa sĩ, hiện có mặt ở

Paris tên là Nga. Biết như vậy, nàng ắt biết cách ngăn ngừa sự hùng cường của nước Tàu. Kế hoạch ấy có thể Nga mua chuộc được, nhứt là nàng có nhuộm ít nhiều tư tưởng cộng sản. Mua chuộc bằng gì? Bằng địa vị, tiền bạc, danh vọng và tình ái. Những cái này nước Nga có thừa thãi để trả cho nàng bằng một cái giá cao, thật cao. Nga đã dám xài để mua bí mật nguyên tử, thì lẽ nào Nga không chịu tốn để ngăn đón sự tấn công ồ ạt của Tàu?

Ký tên : *Một người biết việc*

..

Khi Staline đọc bản dịch của thơ này, thì phản ứng đầu tiên là một sự giận dữ, giận sao có thằng Việt nào dám lớn lối công kích thuyết giai cấp đấu tranh của Mác-Lê và lý thuyết thế giới hai phe của mình. Song nằm suy nghĩ cả đêm, gẫm bức thơ nêu nhiều điểm cũng có lý. Ví dụ những điểm này chỉ có một phần ngàn là đúng, mà cái phần ngàn kia lại hóa ra sự thật, thì làm sao? Chi bằng đề phòng là hơn. Staline bèn hạ lệnh cho đảng Cộng sản Pháp điều tra coi nàng họa sĩ tên Nga là người thế nào và đưa kế hoạch nào mà rước nàng sang Nga được. Đảng cộng sản Pháp hạ lệnh cho người

Việt cộng sản ở Paris làm công tác ấy. Sau khi điều tra xong, họ nạp bản phúc trình như thế này :

1) Nga hiện là tình nhân của Hồ-Hữu-Tường. Vậy muốn cho nàng rời họ Hồ, thì gửi thư cho hai bà vợ của họ Hồ ở Sài-gòn hay. Hai bà nổi ghen, lật đật sang Paris để bắt ghen. Nga sẽ sợ mà lánh đi. Tức nhiên nàng sẽ rời bỏ họ Hồ.

2) Khi nàng rời họ Hồ, thì dụ cho nàng sang mở cuộc triển lãm về họa phẩm. Nàng ham danh, sẽ chịu sang Nga.

3) Muốn buộc chân nàng ở Nga, thì mua chuộc nàng bằng địa vị và tiền bạc.

4) Còn muốn khai thác nàng để tìm bí mật nàng giấu, thì nên dùng thuật tình ái. Cung cấp món này nhiều hơn họ Hồ đã cung cấp cho nàng, ắt nàng sẽ xiêu lòng.

Staline xem phúc trình xong, chấp nhận cả. Vài tháng sau, vợ con Hồ-Hữu-Tường sang Paris. Quả nhiên kế thành. Nga bị lừa sang Mốt-Cu mà mở triển lãm. Bác sĩ riêng của Staline cho chọn trong đám thanh niên Cộng sản Nga một chàng, mà đúng theo thuyết duy vật, có điều kiện tối cao hơn hết để đem món tình ái

mà du dỗ nàng. Độc giả chắc thừa hiểu rằng theo thuyết duy vật điều kiện ấy thế nào, Người kể chuyện không dám nói rõ chi tiết về khoản này, sợ e rằng hai nhà phê bình ta là cô Phương-Thảo và Dã-Hoa sẽ cáo rằng Ý-Thừa này thuộc môn phái văn chương của Chu-Tử. Nhưng xin nói phớt qua rằng tư tưởng duy vật của thế kỷ XX cũng không hơn gì sự tính toán của Lữ-Bất-Vi khi chọn Lao-Ái mà dâng cho mẹ của Tần-Thủy-Hoàng. Kết quả là mấy tháng sau, nàng Việt mánh mai là Nga bị ho lao rồi từ trần, ôm luôn cái bí mật xuống suối vàng.

Khi Nga chết rồi, chàng thanh niên cộng sản bị buộc tội là «tả khuynh» đi quá mức trong nhiệm vụ, thành ra phá hoại công tác. Hắn bị bắt đày sang Tây-Bá-Lợi-Á mà bị nhốt vào trại giam. Còn Hồ-Hữu-Tường, khi viết thư sang Mốt-Cu cho phòng Thông tin Cộng-sản đề đề cử cho tình nhân mình làm du thuyết cho Staline, có đề đâu cách làm việc máy móc của bộ máy tổ chức của đảng Cộng, có đề đâu lý thuyết duy vật của vị bác sĩ, có đề đâu sự quá trớn của chàng thanh niên Cộng-sản Nga, bao nhiêu sự kiện ấy hiệp lại mà đưa nàng vào cái chết,

mà kế hoạch du thuyết hồng di. Chứng đó họ Hồ mới ăn năn. Một là thương xót người tình nhân bạc phận của mình, mặc dầu biết rằng nàng là một «dịch vận». Hai là thấy rằng lý thuyết và hành động có những tương quan tế nhị lắm. Lý thuyết của mình lập ra, mà do mình thực thi, họa may mới đến kết quả mong muốn. Còn mình vẽ ra một lý thuyết đẹp cho đến bực nào đi nữa mà để cho kẻ khác thực hành, thì cứu cánh lại sai bét với ý định. Bởi nghĩ như vậy mà họ Hồ dẹp cái ý định mượn tay Nga mà chặn đón sự bành trướng của Tàu ngay lúc Tàu chớm nở lực lượng.

Còn Hồ-Chí-Minh khi nghe tin rằng Hồ-Hữu-Tường đem hết vợ con sang Pháp, cho rằng Hồ-Hữu-Tường bỏ cuộc một cách hoàn toàn và vĩnh viễn, nên không còn lo hậu hoạn về phía đó. Và lại cuộc điều tra tư tưởng này đã làm mất hai nòng cán bộ có tài là Thu-Hương và Nga thêm cuộc kháng chiến chống Pháp quá bận rộn nên Hồ-Chí-Minh lần lần xao lãng và quên phứt vấn đề đã làm cho mình lo ngại. Thấm thoát mà thời gian trôi qua. Đầu năm 1954, thành linh từ trong Nam đánh điện ra báo cáo rằng Hồ-Hữu-Tường đề nghị lập «trung lập chế» Việt-

Nam. Hồ-Chí-Minh xoa tay cười và tự nói : «Tuồng đầu cái gì, chờ lý thuyết ấy không có gì đáng lo cả. Bây giờ ta điều đình làm chủ miền Bắc mà lấy phần chắc. Rồi, sau vài năm, ta cho cán bộ phát cờ «trung lập» mà lấy miền Nam. Khi lấy xong, ta thanh toán cái màn «trung lập» mà xích hóa luôn cả vùng ấy...» •

Rồi Hồ-Hữu-Tường bị bắt, bị kết án tử hình. Một lần nữa Hồ-Chí-Minh xoa tay cười, chắc chắn rằng phen này không còn tay đối thủ và kế hoạch thôn tính miền Nam không còn bị trở lực, không dè mấy năm sau, cuộc đảo chánh lật đổ chế độ Ngô triều, rồi mấy tháng sau thả Hồ-Hữu-Tường ra. Hồ-Chí-Minh có hơi lo. Song đọc được bản báo cáo nói rằng Hồ-Hữu-Tường bệnh nặng chưa chắc hoạt động được gì, thì yên trí rằng từ đây cho đến khi bệnh giảm thuyên và bình phục hẳn, ắt còn ngày giờ mà nghĩ kế.

Mấy tháng qua, Hồ-Chí-Minh được một bản báo cáo tường tận như sau :

Miền Nam, tháng chín 1964

«Chúng tôi có lợi dụng được một người thân tín của Hồ-Hữu-Tường mà điều tra về

mưu định và kế hoạch của hắn. Và đây là kết quả của cuộc điều tra ấy.

1) Hồ-Hữu-Tường mất đứa con nuôi có tài là NGUYỄN-PHAN CHÂU, mà trong đám em út của Châu lại không có người lỗi lạc khả dĩ thay thế cho Châu được, thành ra hắn thấy mình cô độc, đơn thương độc mã quá, mà thế cuộc lại bời bời.

2) Các chánh đảng, các đoàn thể, các lực lượng tôn giáo thấy đều không muốn hợp tác với Tường vì sợ lót đường cho hắn. Thành ra Tường không còn chút hi vọng nào được một mặt trận để làm hậu thuẫn cho mình.

3)

4) Tường nhận thấy mình không cán bộ, không tổ chức, bị cắt đứt quần chúng nên biết phận mình không thể làm chánh trị được. Và hắn chủ trương viết tiểu thuyết mà thôi.

5) Công tác thành lại xúi người ta nướm nướp tới nhà Tường để « làm khách » bằng đủ mọi

phương pháp : nào đề hỏi thăm sức khỏe, nào đề cho tin vẹt, nào đề hỏi ý kiến về chánh trị và văn chương. Thành ra Tường không làm gì được, mà cũng không viết tiểu thuyết nổi.

« Vậy chúng tôi kết luận : Tường bây giờ nên kể là một con số không, chẳng đáng sợ, chẳng nên lo, kéo một đời tàn vô vị. Và lại chúng tôi có nghĩ ra một kế hoạch. Hễ hấn hé cái gì, thì chúng tôi cho rải truyền đơn, tổ chức biểu tình để vu cho là hấn xúi giục. Người ta sẽ nghi hấn, bắt hấn mà an trí ở Côn-Sơn. Đó là kế « điều hổ ly sơn ». Ra Côn-Sơn, hấn sẽ chết mòn. Giỏi lắm là sẽ để lại một vài tiểu thuyết không ảnh hưởng gì cả ».

xLx

Đọc xong bản báo cáo, Hồ-Chí-Minh nở một nụ cười khoái trá. Và nói rằng : « Phên này Hồ-Hữu-Tường có làm gì được nữa chẳng? »

Muốn biết Hồ-Hữu-Tường còn có làm gì được chẳng, hãy xem đến hồi sau phân giải.

HỒI THƯ BA

Giảng Phi-Lạc nổi danh Tiều-Phi-Lạc

Tim Bửu-Sơn lại gặp đạo Mác-Lê

Đây nói về mười mấy năm trước, khi Thu-Hương vừa thoảng thấy Nga đến Sài-Gòn, thì linh tánh nàng báo rằng sắp có việc không hay cho nàng. Nền suốt mấy hôm, nàng lo viết kế hoạch để lại cho bà vú coi theo mà nuôi nấng và dạy dỗ con nàng, cùng những lời di chúc để lại cho Xích-Tử, dặn khi nào Tàu cho nổ bom nguyên tử, sẽ trao cho nó xem. Nàng sang cái tiệm sách ở chợ Thái-Bình, nhưng những sách cho mượn thì nàng cho vào thùng mà chở đi trước. Rồi nàng chờ số phận, cái số phận mà độc giả đã thấy ở trước.

Bà vú ẵm thẳng Xích-Tử đi xuống Cần-Thơ, mở một chỗ cho mượn sách. Số tiền thuê dư dả cho hai bà cháu sống một đời an nhàn. Xích-Tử lớn lên, sớm

tổ ra đình ngộ thông minh, lên ba, chàng đã được đi học, trong mấy tháng đã biết đọc. Trong nhà chỉ có hai bà cháu, nên bà vú y theo kế hoạch, lợi dụng tình cảm mà khiến chàng đọc sách theo một chương trình đã hoạch sẵn. Lúc nào không đi học thì bà vú bảo nó đọc sách cho bà nghe. Công việc máy móc này nhét hiểu biết, tư tưởng vào đầu óc của nó, thành ra đối với bọn đồng tuổi nó trở nên là một « học giả ». Những sách trong hiệu, đến bảy tuổi nó đã học và hiểu hết. Từ ấy bà vú mua thêm sách mới cho nó đọc và sau đó cho mượn.

Có điều nó thắc mắc là nó không biết cha mẹ là ai. Nó xem khai sanh nó thấy tên mẹ nó là Lê-Thu-Hương, nhưng không biết là Thu-Hương nào. Còn tên cha thì khai sanh lại bỏ trống, thành ra nó càng không biết gì nữa. Nó đọc quyển tiểu thuyết Thu-Hương, thì mơ ước nhân vật trong tiểu thuyết này là mẹ nó. Nó thấy bà vú nói giọng Huế, cũng hơi nghi, nên sau khi suy nghĩ kỹ lưỡng, nó hỏi bà :

— Thưa bà, mẹ con có phải là người Huế không ?

Bà đáp :

— Phải. Mẹ con là người Huế. Con hỏi làm chi vậy ?

— Con hỏi để biết mẹ con có phải là người trong tiểu-thuyết THU-HƯƠNG không ?

— Mẹ con hỏi trước có học thuốc ở Hà-Nội. Bà có theo mẹ con ra đó mà nuôi. Song bà lại đưa về. Nên không biết mẹ con có làm những việc đã thuật trong tiểu-thuyết ấy cũng không.

— Bây giờ mẹ con ở đâu ?

— Mẹ con đã chết rồi.

— Còn cha con là ai ? Bây giờ ở đâu ?

— Hai việc ấy bà hoàn toàn không biết.

Nghe bà vú đáp như vậy, nó càng thắc mắc hơn nữa. Khi nghe bà vú dạy nó nên nghiền ngẫm quyển PHI-LẠC SANG TÀU, và dặn nó thềm rằng đó là lời di chúc của mẹ nó, thì nó chuyen tâm mà nghiền cứu. Càng nghiền cứu, nó càng thắc mắc. Điều mà nó thắc mắc hơn hết là bà vú nói với nó rằng đó là lời di chúc của mẹ nó, mà sao trên sách tên tác giả HỒ-HỮU-TƯỜNG, còn trên xấp báo SÀI-GÒN-MỚI, tên ấy lại là Ý-DU. Nó không biết nên nói làm sao cho ngã ngũ. Nhưn có người đi ngang qua Cần-Thơ, để cỗ động bán tự điển, nó hỏi thăm có biết Hồ-Hữu-Tường bây giờ ở đâu và địa chỉ thế nào, thì nó được đáp như ý muốn. Và nó viết thư như sau :

Cần Thơ, ngày... 1955.

Kính gửi bác Hồ Hữu Tường,

Cháu là Lê Xích Tử, mồ côi mẹ, không biết cha là ai. Mẹ cháu là Lê Thu Hương, chết hồi cháu còn bú. Cháu có mấy điều xin hỏi bác. Trước hết là Thu Hương mẹ cháu có phải là người bác tả trong tiểu thuyết của bác viết không? Kế nữa, bà vú nói PHI LẠC SANG TÀU là di chúc của mẹ cháu để lại, thì tại sao trong SÀI GÒN MỚI, lại ký tên là Ý DU, còn trên sách lại ký tên bác? Kính chào bác. •

XÍCH TỬ

Cả tháng sau, Xích Tử mới được cái thư trả lời như sau :

Bình Xuyên... 1955

Thàn ái, cháu Xích Tử,

Thư cháu gửi về địa chỉ ở Sài Gòn, đến đó khi bác đã rời đi rồi, qua Bình Xuyên và mắc kẹt bên ấy. Mãi sau có người đem đến cho bác. Bác đọc và vội trả lời cho cháu.

Về câu hỏi thư nhất, bác không thể trả lời quyết đoán được. Người mà bác tả trong tiểu thuyết THU HƯƠNG, thật ra, bác không biết tên trong

giấy tờ và cả ở ngoài là gì. Bác chỉ gặp lần trước năm 1945, trên con đường từ Huế ra Hà Nội trong dịp nàng chờ đường mà bán. Bác gán cho cái tên THU HƯƠNG.

Bác không biết gì về hành tung của người buôn đường mà bác cố động những cử chỉ cách mạng của thời ấy mà luyện ra một nhân vật tưởng tượng. Bác tả nhân vật tưởng tượng, còn mẹ cháu, là nhân vật thật. Thì làm sao bác dám quyết đoán rằng hai nhân vật ấy là một ?

Người buôn đường mà bác đã gặp ở Hà Nội, bác lại gặp một lần nữa ở Sài Gòn. Bác có trút một mớ tâm sự của bác cho nàng. Một ít lâu, những tâm sự ấy bị tiểu thuyết hóa mà đăng lên SÀI GÒN MỚI, dưới bút hiệu Ý DU. Ấy là PHI LẠC SANG TÀU. Tâm sự của bác, chỉ là cái viễn đồ chánh trị cho nước Việt là nước sẽ bị cắt đôi và chiến lược đề thống nhất là chiến lược Quang Trung, khác có điều là thời Tây Sơn, chiến lược ấy rộng là quân sự, mà về sau, chiến lược ấy phải nặng về chính trị và lý tưởng. Phần tâm sự ấy, và chỉ phần đó là của bác. Còn phần xây dựng ra cốt chuyện, phần nghệ thuật, phần lý thuyết do miệng các nhân vật thốt ra, tất cả cái ấy là của tác giả tiểu thuyết, không phải là của bác.

Tác giả kỳ tên là Ý Dư này là ai ? Là nàng buồn đường năm 1945, mà bác gặp lại năm 1948 và đã nghe tâm sự của bác rồi sáng tác ra tiểu thuyết ? Hay là một văn sĩ ẩn danh, nghe được nàng buồn đường thuật lại mà viết ra tiểu thuyết ? Và văn sĩ ẩn danh này phải chăng là chính mẹ cháu, Lê Thu Hương ? Những câu hỏi này, đứng về lập trường khoa học, bác không làm sao trả lời cho cháu được.

Có điều bác dám quả quyết là văn sĩ ẩn danh ấy không phải là bác. Điều ấy, bác dựa vào câu phương ngôn mà các nhà phê bình văn chương thường dùng là « văn ấy là người ». Người của bác hiền, ít nói trong đám đông chỉ ngồi nghe, không khi nào nói gịch thượng với ai, đạo mạo như một vị tu sĩ, có tư tưởng lạ mới có khi cả đời còn giấu trong lòng. Còn tác giả PHI LẠC SANG TÀU, dựa vào câu « văn ấy là người » phải là một kẻ nói dộc trật dòn dộc, nguy hiểm, phách lối, coi đám nhân tài bên Tàu là hột tiêu cả, trào phúng, dương đông kích tây, xảo quyết. Người của bác và người của Ý Dư khác nhau như ban đêm khác ban ngày. Hai người ấy không thể là một. Vậy Ý Dư không phải là bác. « Ý Dư đã không phải là bác, thì tại sao sách PHI LẠC SANG TÀU lại xuất bản với tên của bác ? Vậy

đề bác phản trần cho cháu rõ. Năm 1949, bác ở Paris, nghe đói lắm. Thịnh linh, nhà văn Sơn Khanh, giám đốc nhà xuất bản Sống Chung, gửi thơ qua cho bác, thông báo rằng ông cho xuất bản PHI LẠC SANG TÀU. Vài tháng sau, ông lại gửi tiền qua cho bác xài. Tục ngữ nói, bần cùng sanh đạo tặc, tuy bác không « đạo tặc », song trong cảnh « bần cùng », bác xài đỡ tiền của ông Ý Dư nào đó. Hẹn trong lòng rằng khi nào ông Ý Dư đứng ra kiện mà đòi tiền nhuận bút, bác sẽ chạy mà trả lại. Rồi sách cứ tái bản mãi, với tên của bác. Rồi bác đã mượn được một lần, thành thói quen, bác mượn mãi mà xài, chẳng có Ý Dư nào đứng ra kiện ông Sơn Khanh và bác cả.

Ý Dư là ai? Là nàng buôn đường hồi trước và đã nghe tâm sự của bác chăng? Là Lê Thu Hương mẹ của cháu chăng? Nếu cháu đem đủ bằng chứng xác thực mà chứng minh rằng Ý Dư là mẹ cháu, thì bác sẵn sàng hẹn nợ với cháu vậy. Có điều là hiện nay, bác mắc kẹt trong « trận âm dương » do Quỉ Vương Ngô Đình Diệm lập ra, thế nào bác cũng mang án tử hình. Mặc dầu bác có « hạnh huỳnh kỳ » để che thân mà thoát tử nạn, song chừng nào Quỉ Vương bị tru diệt, thì may ra, khi bác khỏi

lũ và làm ăn có liền, bác sẽ hoàn lại cho cháu.

Chào thân ái và hẹn ngày tái ngộ với cháu.

HỒ HỮU TƯỜNG

T.B. Ông Sơn Khanh, tên thật là Nguyễn Văn Lộc, hiện nay làm luật sư tại tòa Thượng thẩm Sài Gòn. Nếu cháu có đủ bằng có khoa học rằng Ý Dư là mẹ của cháu và cháu muốn đòi tiền tác giả thì cháu có thể kiện ông. Ông là luật sư, chắc ông biết trước rằng cháu có lý, ắt sẽ được kiện, thì có thể thỏa thuận trước mà đập nhẹp cho êm. Nhưng bác khuyên cháu chớ nên chịu đập nhẹp. Cháu cần phải kiện, mặc dầu bác ở vào bên bị cáo. Kiện để làm gương cho bọn văn sĩ « đạo văn » biết mà răn mình.



Đọc xong thơ, Xích-Tử suy nghĩ trọn một tuần, loan nói với bà vú dắt nó lên Sài-Gòn, qua Bình-Xuyên mà giáp mặt với Hồ-Hữu-Tường để hỏi thêm về những điểm mà nó thắc mắc. Không dè ra-dô của nhà bên cạnh cho hay rằng ở vùng Bình-Xuyên có kịch chiến súng nổ bom rơi, nhà cháy. Nó bèn không nói với bà vú, chờ xem thời cuộc biến đổi ra sao. Những tin tức sau đó báo rằng quân Bình-Xuyên thua, kéo xuống rừng. Nó cho rằng chỉ còn

chờ Quĩ-Vương Ngô Đình Diệm bị tru diệt, họa may mới gặp tận mặt được Hồ-Hữu-Tường đề hỏi những điều thắc mắc.

Từ ấy nó lập tâm nghiên cứu PHI-LẠC SANG TÀU, từ đầu đến cuối nó thuộc ráo. Đã vậy mà còn nhớ ở trang mấy, dòng mấy câu ấy nói gì. Thêm những chữ mà thợ in sắp sai, nó cũng suy nghĩ được mà tự đính chánh noid. Vùng Cần-Thơ là vùng có đồng tin đồ Hòa-Hảo, họ tin rằng Hồ-Hữu-Tường viết được PHI-LẠC SANG TÀU là nhờ gặp được Đức Thầy Huỳnh giáo chủ nói lại những tiên tri cho, rồi thèu dẹt thành tiêu thuyết đọc cho hấp dẫn và vui. Nó bèn tìm những bò lão, những tin đồ có tuổi đạo cao mà hỏi về cái huyền thoại ấy. Cũng may, nó gặp một ông phán già thuật.

— Năm 1944, Hồ-Hữu-Tường ở Cồn-Nôn về, bị an trí xuống Cần-Thơ, mượn một cái ga ra cũ của xã Long mà ở với vợ và bốn con. Đến tháng ba năm sau, khi Nhật đảo chánh chừng vài ngày rồi, thì Đức Thầy Huỳnh giáo-chủ có xuống Cần-Thơ, mượn một cái phòng ở bun-ga-lò mà tiếp khách. Bốn đạo trong vườn nghe đồn Thầy xuống, tấp nập đến lạy Thầy. Thịnh linh, có một số khách đến, tôi quên là bao nhiêu người, do Đức Thầy

cho mời, và trong ấy có Hồ Hữu Tường. Họ là những người trí thức, họ không lạy thầy như bôn đạo, mà được Thầy mời ngồi ngang với Thầy. Thầy không giảng đạo như đối với tín đồ, mà Thầy luận đàm chính trị. Máy người khác thấy có đối đáp qua lại với thầy. Chỉ có một mình Hồ Hữu Tường nghe mà không nói. Thầy mời tất cả tham gia vào Việt Nam Độc Lập Vận Động Hội mà thầy sáng lập. Máy người kia tỏ ý ưng thuận, chỉ có Hồ Hữu Tường làm thinh và lắc đầu nhẹ. Thầy ngó thẳng vào mắt Hồ Hữu Tường, Hồ Hữu Tường nhìn thẳng vào mắt Thầy, không nói gì cả. Một chập, Thầy lấy giấy ký tên Thầy, chia cho ông Tường xem. Xem xong, ông Tường chớp mắt, nhắm lại trong 1 giây, tỏ ý bằng lòng. Chử Thầy ký, thì sau khi uốn hai cái vòng của chữ S, thầy đá lên, cái đá này cắt đôi chữ S. «Vô ngôn», Thầy và ông Tường đã nói chuyện với nhau, và đồng ý rằng nước Việt ta, hình chữ S, sẽ bị cắt làm đôi. Nghe nói, tối đêm ấy, Thầy đi một mình đến gặp riêng Hồ Hữu Tường, nói chuyện với nhau rất lâu. Tôi nghĩ rằng Thầy đi một mình, có ai gặp đâu, mà sao người ta biết mà truyền lại? Ấy vậy, đó là huyền thoại. Cũng nghe nói rằng trước khi đi ra Bắc, Hồ Hữu Tường có đến đường

Miche ở Sài-Gòn mà từ giã Thầy và hai người dạn dò nhau điều gì, không ai được nghe. Có lẽ những điều Thầy nói với ông Tường, ông đem ra mà viết vào PHI LẠC SANG TÀU.

Nghe nói Xích Tử đáp :

— Cháu có bằng cứ rằng không phải ông Tường viết sách ấy.

Ông phán già nói :

— Ông ấy không viết, song thuật lại cho người khác viết, thì cũng chẳng khác chi chính ông viết lấy. Nói cho đúng ra, thì ông lãnh trách nhiệm về cái « ý chánh », còn những ý khác; tô điểm cho câu chuyện ngộ ngộ, vui vui, ấy là những « ý dư » thì chính người viết lãnh trách nhiệm. Cháu có học tiếng Pháp không?

Xích Tử đáp :

— Năm nay cháu học Đệ Ngũ, lấy tiếng Pháp làm ngoại ngữ, cũng biết một ít tiếng.

— Vậy đề ông nói cho cháu nghe. Cái « ý chánh » đó, tiếng Pháp gọi là « fond », còn những « ý dư », tiếng Pháp là « forme ». Kể đọc văn thường như những kẻ nuốt thuốc có học dường, chỉ thường thức được lớp dường ngọt học ở ngoài mà

không ném được chặt thuốc nằm ở trong. Họ đọc mà lấy làm hào hứng vì những « ý dư » trào phúng bộc ở ngoài, nhưng khi ngậm cho tan lớp ngọt ngào ở ngoài, chừng ấy họ sẽ ném mùi cay đắng của « ý chánh » ở trong, là đất nước sẽ bị chia đôi.

Cái « ý chánh » ấy bị đất lắm.

Xích Tử nói :

— Xin lỗi ông, cho phép cháu có một nhận định khác với ông. Cháu nói ra chỗ nào ông thấy cháu lầm xin ông dạy cho.

Ông phán đáp :

— Ông cho phép, cháu nói đi.

Xích Tử nói :

— « Ý chánh » không phải chỉ là bi đát. Nói cho đúng ra, ấy là một ý « tiền hung hậu kiết », khởi đầu thì bi đát thật, song về sau rất lạc quan, rất vui tươi. Mấy chương sau của tiểu thuyết dự kiến khi « minh đạo tái sanh », đem thái bình và hạnh phúc trên đất này, xây dựng một vinh quang chưa hề có cho dân tộc, ông nên đọc lại. Rồi ông sẽ dạy cháu coi sự nhận xét của cháu có sai chăng.

Ông phán nghe nói, có ý găm, bèn đọc lại mấy chương chót của tiểu thuyết, ngày sau cho gọi Xích Tử đến mà nói :

— Ông đã đọc lại, và rất kỹ, quyển tiểu thuyết. Quả y như sự nhận xét của cháu. Có điều là cái gút phân đôi cái hung và cái kiết, phân đôi cái viên đồ làm hai giai đoạn, giai đoạn đầu là giai đoạn nước bị chia đôi, Quốc Cộng tranh hùng, giai đoạn sau là cảnh thái bình và vinh quang, cái gút ấy, tác giả không nói rõ làm sao, mà lại để những chấm, chấm, chấm. Dấu cái bí mật như vậy, khó mà hiểu, không hiểu, khó tin.

Xích Tử nói :

— Xin phép ông, cho cháu nói ý kiến của cháu. Bây giờ không nên tìm hiểu, bởi tìm hiểu cũng chẳng thấy. Thời này là thời của Quỉ Vương như chương đầu đã nói. Lẽ tất nhiên là tác giả phải giấu không để lộ thiên cơ, sợ e Quỉ Vương hiểu được mà phá máy trời.

— Cháu thấy tác giả giấu ở chỗ nào ?

— Thưa ông, cháu xin đơn cử một ví dụ. Tác giả nói sư Hoàng Hạc bàn quẻ thứ mười, mà nói rằng «Thử hậu ngư tiển», ấy là khoảng từ năm

tân hội (1911) đến năm đình sưu (1937), cộng cả
thấy là 26 năm, điều ấy rõ ràng là tác giả cố tình
đánh lạc hướng «Thử là năm tân hội đã đành.
Còn «nguru» nói cho đúng là năm kỷ sưu (1949)
mới là đúng hơn. Vì năm ấy độc tài cộng sản mới
xuất hiện ở nước Tàu. Vậy quẻ thứ mười gồm 38
năm chớ chẳng phải chỉ có 26. Và câu thứ tư của
quẻ này, cũng bị tác giả đánh lạc hướng. « Bể »
không phải là bè bạn, mà là con chim bể, từ
ngoài biển bay vào. «Bể lai» ấy là nói sự xâm
lược của giống người Phù Tang, từ năm 1937 đến
năm 1945, nhưng không kết quả chi hết. Vô cữu
ấy ! Tác giả đã cố tình đánh lạc nhưng cũng có
ẩn ý để cho độc giả thấy cái ngón của mình mà,
cho sư Hoàng Hạc chết ngay, không thấy lời bàn
của mình có ứng không.

Ông phán nói :

— Nếu quẻ thứ mười đã bị sư Hoàng Hạc bàn
sai như vậy, thì những quẻ sau còn có đúng không?

Xích Tử đáp :

— Tác giả cho Tả quân bàn quẻ thứ mười một
cũng với dụng ý đánh lạc hướng nữa. Bốn câu
của quẻ này nói về chế độ cộng sản ở nước Tàu

thời, chớ không bàn về « chiến tranh thế giới thứ hai. Từ môn sạ tịch, đột như kỳ lai » ấy là nói năm kỷ sửu (1949), cộng sản tràn ngập nước Tàu, như bốn cửa thịnh linh mở, như chúng nó từ dưới đất mà chun lên.

Ông phản hồi :

— Vậy thì câu « Thần kê nhất thanh » không phải nói cho năm ất dậu (1945), và nói cho năm đinh dậu (1957) à ?

Xích Tử đáp :

— Thưa ông, không phải năm ất dậu (1945) đã đành, bởi vì năm ấy trước việc cộng sản lấy nước Tàu. Cũng không phải là năm đinh dậu (1957). Đó là năm kỷ dậu (1969).

Ông phản hồi :

— Vậy thì Tả quán bàn sai sao ?

Xích Tử đáp :

— Không phải là Tả quán bàn sai. Việc Tả quán bàn của tác giả bịa đặt, mượn chuyện Tả quán bàn sấm trong chiêm bao, mà nói « ý dư » của mình. Và cũng như ở trước, tác giả có ý đánh lạc đường

Ông phản hồi :

— Nhưng tại sao cháu quả quyết rằng năm kỷ Dậu (1969) là năm « thần kè nhứt thanh, kỳ đạo đại suy » ?

Xích Tử thấy gãi trúug chỗ rồi, lật đật chạy về nhà lấy 2 cuốn SẤM GIẢNG và THI VĂN GIÁO LÝ của Huỳnh giáo chủ đem lại, lật ra, chỉ cho ông phán xem và nói :

— Trong SẤM GIẢNG KHUYÊN NGƯỜI ĐỜI TU NIỆM, Đức Thầy nói : « Khắp trong trần hạ máu hồng nhuộm rồi, chừng nào mới dặng thanh thời, Dâu Phật ra đời thế giới bình yên ». Dâu ấy không phải là ất Dậu (1945). Vì Đức Thầy còn để lại bài thơ nói trước, bài thơ tên là KỶ DẬU. Cháu xin đọc cả bài :

*Cuộc đời càng gắt lại càng gay,
Ngất mây thiên cơ chẳng dám bày
Rắn núp dưới hang coi Ngựa chạy,
Khỉ ngồi trên Ngựa ngó Gà bay.
Đông Tây chộn rộn, Trời che xác
Nam Bắc ê chề đất chổ thầy
Nhơn vật mười phần hao bảy tám
Thần tiên thấy vậy cũng chau mày*

Ông phán nói :

— Mấy chỗ này, ông thuộc. Nhưng đức thầy tiên tri về thời cuộc ở Việt Nam, mà sao cháu đem áp dụng cho Tàu ?

Xích Tử đáp :

— Cháu không áp dụng cho Tàu, cháu dùng luận điệu xem khói biết lửa, xem lửa biết khói mà kết luận. Việc gì xảy ra ở ta, thấy đều do nơi Tàu mà xuất phát. Bên Tàu có cộng sản Tàu ra lệnh, cộng sản Việt tuân theo mà gày rối trong xứ. Cộng sản Tàu là gốc, cộng sản Việt là ngọn. Cộng sản Tàu là lửa, cộng sản Việt là khói. Hễ cộng sản Tàu « đại suy », thì cộng sản Việt cũng tàn theo, cũng như lửa tắt rồi, thì hết khói. Năm kỷ dầu, có em ở Việt Nam, thì ấy bởi bên Tàu, cộng sản đã « đại suy » mà nhào đổ.

Ông phạn vốn là tin đồ của Phật giáo Hòa Hảo, vốn đã tin tưởng những tiên tri của đức thầy, nay nghe thằng nhỏ giảng giải rất xuôi, rất hấp, rất hay, nên phục nó hoàn toàn. Và gặp bạn bè, thì khoe nó không ngớt và nhứt định nó là một kỳ tài, một TIÊU PHI LẠC. Từ ấy, danh tiếng nó tràn lan, bè bạn nó đều kêu nó là TIÊU PHI LẠC. Điều ấy làm cho nó hãnh diện. Và cũng làm cho nó cố gắng đọc sách thật nhiều để có thể ngôn ngữ như

lưu. Ông phân lại muốn xây dựng cho nó, rèn luyện cho nó đọc được chữ Hán giỏi thêm tiếng Pháp, nói được tiếng Anh. Không mấy năm, nó học vượt hơn chúng bạn, đến kỳ đi thi, phải xin miễn tuổi. Thấm thoát mà mấy năm qua, năm mao đến, Ngô Đình Diệm bị lật đổ và phải dền mạng. Sang năm Thìn, sau khi đồ xong bằng tú tài, thì bà vú kêu nó mà đưa một cái bao thơ và nói rằng :

— Khi trước, mẹ con có dặn bà trao cho con cái cầm nang này. Con y theo đó mà thi hành.

Xích Tử bóc ra đọc :

« Xích Tử con yêu dấu,

« Thế thường, hễ thi tú tài xong, những trẻ khác thường được cha mẹ cho vào Đại học, để có một cái nghề hay, hầu giành một địa vị tốt trong xã hội. Mẹ muốn cho con không giống vậy. Mẹ muốn cho con đi tìm « đạo mà tu luyện » hầu ngày sau nhập thể mà cứu đời. Trong PHI LẠC SANG TÀU mẹ đã ghi ngay ở chương đầu cái cao vọng của mẹ là được ngày sau, con là Xích Tử con làm cái công việc « đời đời », mở cửa dẫu loài người vượt qua hạ nguơn mà sang qua thượng nguơn. Ở mấy chương chót, mẹ vạch lối cho con tìm đạo. Ấy là lối làm cho tái sanh cái minh đạo.

*Con còn tuổi nhỏ, phải cần người dẫn dắt.
Vời thành tâm con bắt gặp người ấy. Mẹ chúc cho
con thành công.*

LÊ-THU-HƯƠNG.

Đọc xong di chúc, Ních-Tử rất băn khoăn. Ai là người dẫn dắt mình để tìm đạo bây giờ. Nó đem cái bản khoán ấy mà bọc bạch cùng ông phán. Ông nói :

— Ở miền Tây, ông nghe thuật lại rằng ai muốn tìm đạo thì đi vào Thất-Sơn mà tìm. Người có duyên lành ắt gặp được Thầy Bửu-Sơn truyền cho, mà ngộ đạo.

Nghe ông phán nói, Ních-Tử lập chi đi Thất-Sơn, Nó cụ bị vài bộ quần áo, một ít tiền bạc, lương khô mà đi vào núi. Vừa đến chơn núi Tượng, nó liền bị quân du kích bắt lại, trói ké mà dắt đi vào một cái hang. Trong hang, có một cái bưng bình rộng, trên có lỗ lớn thông xuống, ánh mặt trời chói vào, nèn sáng như ngoài sân. Bên một gốc, có một cái bàn, có người ngồi giữa, bên cạnh có một người viết. Người giữa hỏi :

— Mày tên họ là gì, mấy tuổi, con của ai ?

Nó đáp :

Tôi tên là Lê Xích-Tử, mẹ là Lê-Thu-Hương, cha không biết.

— Mày vô căn cứ quân sự của chúng ta để làm gì? Có phải mày là gián điệp, lãnh lệnh đi vô dò thám tình hình trong này về mà báo cáo chẳng?

Nghe buộc tội là gián điệp, Xích-Tử hơi lo, nhưng lạnh trí, nó hỏi vặn lại :

— Mấy chú là người đã dày kinh nghiệm, tại sao hỏi một câu ngờ ngẩn như thế?

— Sau mày dám nói tại tao là ngờ ngẩn?

— Bởi vì, phạm làm gián điệp, thì phải nghi trang hành động của mình cho không một ai để ý. Hoặc giả, làm thường dân rồi ứng mộ vào quân đội, lần lần làm cho cấp trên tin cậy mà cho xâm nhập vào những cơ quan bí mật. Hoặc giả nhập vào hàng ngũ công tác thành, mà gây cho được nhiều tin nhiệm, rồi bừa nọ giả tạo một việc bị khùng bố ruồng bắt, nhờ đem giấu trong bụng, do ngã đó mà thâm nhập vào tổ chức. Chờ ai một mình, không người giới thiệu, đeo trên lưng quần áo và lương khô mà vào đây, làm cho ai cũng biết rằng mình là người xa lạ? Vậy mấy chú nghi tôi là người gián điệp, ấy có phải là ngờ ngẩn mà nghi oan cho tôi chẳng?

— Mày không phải là gián điệp, vậy chờ mày vô đây làm gì ?

— Thưa thiệt với mấy chú, tôi vô đây mà tìm đạo.

Cả thầy nghe nó nói đều cả cười. Người ngồi giữa nói :

— Mày làm rồi. Từ mấy năm nay, quân du kích chiếm đóng Thất-Sơn, các ông đạo đều bị đuổi. Mày đi khắp cả, còn gặp ai ở đâu mà truyền lại cái đạo cho mày ? Thôi được rồi mày nói mày mười bảy tuổi, mà học lực mày tới đâu ?

— Thưa tôi mới vừa thi đậu Tú tài hai.

— Giỏi dữ he ! Được rồi. Thời mày ở luôn trong này mà giúp việc giấy tờ. Khởi ra hang.

Nói rồi ra lệnh cho dắt Ních-Tử đi sâu thềm vào trong hang tới một cái bưng bình khác cũng có ánh sáng lọt vào như cái trước. Và ở đây chỉ có sách vở, báo chí, chữ Tàu có, chữ Pháp có, chữ Anh có. Có luôn chữ Nga, mà Ních-Tử không biết đọc. Nhưng chẳng có người ở. Người dắt bảo nó ở đó mà chờ lệnh, rồi rút ra đi.

HỒI THỨ BA

*Giảng Phi-Lạc nổi danh Tiều Phi-Lạc
Tìm Bửu-Sơn lại gặp đạo Mác-Lê.*

Ở đó một mình, buồn bực, nó lục sách mà đọc. Thi quyền nào cũng đều toàn là sách luận về chủ nghĩa Mác-Lê cả. Nó bắt buộc phải đọc, hết cuốn này đến cuốn kia. Năm ba hôm, có người đem nước và lương khô đến cho nó đủ dùng trong năm ba ngày, rồi bắt nó báo cáo đã đọc được bao nhiêu quyển, và là quyển gì. Và đem luôn cả đèn và dầu cho nó thắp để đọc trong ban đêm. Sách mỏng thì nó đọc một ngày đôi ba quyển, sách dày thì nó đọc một quyển. Tư chất, nó thông minh, đọc dầu như đó. Nó còn có thêm cái đỉnh ngộ, là chỗ nào sai lầm, thì nó có ngay cái lập luận khác đề đổi chọi lại. Nhưng những cái này, nó dấu kín trong

lòng, không hề thổ lộ cho những người đem lương khô và nước đến cho nó.

Mấy tháng qua. Nó đọc đã hết những chồng sách chất trong hang, và báo cáo việc ấy. Bây giờ hết sách đọc, nó mới nằm, gát tay lên trán mà suy nghĩ, trầm tư. Thình lình có người bước vào, mặc Âu phục, tóc bù xù, râu tung toé đầy trước ngực. Nó lồm cồm ngồi dậy chào, thì người ấy dạy nó ngồi bên cạnh, trên tảng đá rồi nói :

— Ta đây là Marx, giáo chủ của chủ đạo Cộng sản, duy vật và vô thần.

Xích-Tử bái một cái, đứng dậy mà thưa :

— Bạch giáo chủ, theo kinh kệ của giáo chủ để lại, và của các thánh Lê-Nin, Ít-Ta-Lin, Mao-Trạch-Đông giảng thêm, thì giáo chủ dạy rằng «tôn giáo là thuốc phiện của dân». Nay giáo chủ lại cho rằng đạo Cộng sản, duy vật và vô thần cũng là một thứ tôn giáo nữa. Đệ tử rất thắc mắc về chỗ ấy. Vậy xin giáo chủ giải mê cho đệ tử.

Marx đáp :

— Đặc tánh của một tôn giáo là tôn sùng, mê say, khổ hạnh và hi sinh. Tôn sùng là tôn sùng giáo chủ và các thánh của đạo. Trong đạo Phật, điều này

gọi là qui y Phật, thì trung đạo Mác-xít, ấy là qui y các đảng Marx, Engels, Lénine, Staline, Mao Trạch Đông. Tôn sùng là tôn sùng các giáo điều. Trong đạo Phật, điều này gọi là qui Y Pháp, thì trong đạo Mác-xít, ấy là qui y lý thuyết, chủ nghĩa cộng sản, duy vật và vô thần. Tôn sùng là tôn sùng giáo hội. Trong đạo Phật, điều này gọi là qui y Tăng, thì trong đạo Mác-xít, điều này, ấy là tuyệt đối phục tùng mạng lệnh của Đảng. Còn về những phần mê say, khổ hạnh và hi sinh, đạo Mác-xít có kém đạo nào khác đâu ? Rõ ràng là một tôn giáo. Điều này, khi ta sáng lập đạo, ta tưởng đâu sẽ không có. Song lùi lại thời gian, chỉ quá một trăm năm, ta phải nhìn nhận một cách khách quan rằng đạo ta cũng không khác gì các đạo khác.

Xích-Tử bái tạ và thưa rằng :

— Đệ tử đã giác được điều đó rồi. Chẳng hay giáo chủ dạy điều chi nữa.

Marx đáp :

— Mấy tháng nay, người chỉ mới làm cái công việc là nhập đạo. Từ mấy ngàn năm nay, người ta tưởng lầm rằng muốn biết rõ một cái đạo, chỉ cần có nhập vào đạo ấy. Đó là một điều ngộ nhận to. Ta đã nói đặc tính của đạo là làm cho tin đồ mê

say, thì đạo có thể vi như một cái mê hồn trận. Nhập vào mê hồn trận, rồi mê say, mắc luôn trong trận cho đến chết chưa hẳn là biết đạo. Đã gọi rằng biết, sao chẳng thấy lối ra để thoát? Vậy muốn được gọi là biết đạo, cần phải thấy lối ra mà thoát.

Xích-Tử trầm ngâm giây lâu nói :

— Đệ tử muốn thoát, chẳng hay giáo chủ thấy cửa nào ra được mà chỉ cho đệ tử thoát ra?

Bỗng một liếng nổ kinh hồn vang dội, cả bầu trời sáng lòa rất lâu. Xích-Tử thấy mình đứng nơi một bãi biển. Vào chỗ vịnh, mà ở cuối có một dãy núi nhô ra biển. Trên hòn núi chót, có một cái đèn cao vòi vọi, hào quang tung lên chiếu sáng cả góc trời. Marx biến đâu mất. Mà một đoàn người hiện lên, dòng không biết muôn nào mà kể, chen lấn nhau, hướng về cái đèn mà đi. Họ bàn luận nhau đề đến xem cái đèn ấy là cái đèn gì. Xích Tử cũng tấp vào đám đông mà đi. Đến một chỗ, con đường hẹp lại, có thể chỉ để cho từng người một nối nhau mà tiến. Ở cuối đường hẹp, bên cạnh, có một cái đài cao vừa ngực thôi, trên đài có năm vị, áo mão như những vị thiên thần, mỗi vị cầm một cây roi. Và có một tấm biển to đề ba chữ «Đài giải chấp». Tiếng văng vẳng trên thình không, không thấy do nơi đâu mà xuất phát. Rằng :

— Cái đền cao ở đằng kia là đền thờ của cái tôn giáo thống nhất của ngày mai, của cái tôn giáo đại đồng. Nơi ấy các người sẽ nghe thuyết pháp. Mà muốn lãnh hội cái pháp mới, điều kiện tối yếu là không còn chấp những giáo điều cũ xưa từ một hai ngàn năm, một hai trăm năm. Những giáo điều xưa, cũ, lỗi thời, vì bây giờ là thời của phi cơ, của nguyên tử năng, của hỏa tiễn liên hành tinh. Và trong tương lai, sẽ còn không biết bao nhiêu phát minh vĩ đại làm cho con người phải sống chung trong một cái thế giới «thiên hạ nhứt gia». Vì sống chung, mà phải đồng một tôn giáo. Bởi vì cần đồng một tôn giáo, mà không thể chấp những giáo điều cũ và chi li, và nên chịu phép «giải chấp». Các người đi qua trước đài, phải qui trước các giáo chủ mà nhờ các vị ấy ban phép giải chấp cho.

Xích Tử thấy mấy người đi trước thấy đều qui trước mỗi vị giáo chủ và những vị này cầm roi mà dễ nhẹ trên hai vai cho và nói rằng :

— Giáo điều là gánh nặng trên vai của con. Mang gánh nặng ấy, con sẽ quy giữa đường, không bao giờ đến nơi giải thoát. Như danh cái tôn giáo đại đồng ngày mai, ta bỏ gánh nặng ấy cho con.

Đến phiên Xích Tử, nó cũng quì xuống mà chịu phép giải chấp như mọi người. Song năm vị không lấy roi mà nhíp nhẹ trên vai nó, lại giao cho nó một đồng truyền đơn, bảo nó chạy đến trước mà phát cho tất cả những người đã giải chấp rồi mà còn đứng đợi. Nó lo phát truyền đơn, mà không kịp đọc. Khi tất cả đoàn người đều được ban phép giải chấp, và xếp hàng năm mà đi sau năm vị giáo chủ thì Xích Tử còn sót lại một mình, với tờ truyền đơn chót. Bây giờ nó mới đọc. Trong truyền đơn, vắn vắn chỉ có một bài thơ :

*Trần hạ, nhị thiên chuyển địa hoàn,
Thái Bình nhất quốc, bán giang san,
Cơ đồ củng cố, xa thơ định,
Quốc tộ trường miên, sự nghiệp toàn.
Minh đạo, từng tư, hành cứu thế,
Huân phong, thử nhật, noãn nhân gian.
Lê dân, liệt sĩ tụng Nghiêu Thuấn,
Văn hóa hồng khai lập Đại An.*

Khi Xích Tử đọc xong bài thơ, thì đoàn người đã biến mất, mà cái đền và cả núi cũng không còn. Mà tấm truyền đơn trong tay cũng chẳng

nằm đó nữa. Nó đang thắc mắc, thì một người đàn bà, trẻ, đẹp, đứng trước mắt nó mà dạy :

— Mẹ là Lê Thu Hương dạy con.

Từ thuở bé, nó chẳng biết mẹ nó ra thế nào, nay gặp được, nó mừng rỡ, lại ôm mẹ mà khóc. Thu Hương dạy :

— Trong bản di chúc dài mà mẹ viết để lại cho con, có đoạn mà mẹ giấu không cho người ngoài biết. Nay mẹ giải cho con nghe. Chỗ chấm, chấm, chấm trong quyền PHI LẠC SANG TÀU, là bài thơ tám câu ở trong truyền đơn đó. Nguyên bài thơ ấy là bài thơ của bác con là Nguyễn An Ninh, khi hiền thánh, nán lại mà cho cha con trong mộng, gọi là vạch một viên đồ, một chương trình hành động cho mai sau. Câu thứ nhất « trần hạ nhị thiên chuyển địa hoàn » là nói rằng dưới trần này, thế giới chia hai phe làm thay đổi trái đất tròn. Mẹ tả cái dự tri này bằng việc Quốc Cộng đánh cuội nhau bên Tàu, và gợi cái ý rằng nước Việt ta sẽ bị chia đôi. Câu thứ hai, nói giai đoạn sắp tới. Một nước Thái Bình sẽ lập ra, ứng với lời tiên tri của Trạng Trình, nhưng nước Thái Bình này chỉ có phân nửa non sông của đất Việt mà thôi. Câu thứ ba là nói giai đoạn thứ ba,

Trong giai đoạn này, cơ đồ chúng ta sẽ củng cố, ta sẽ không bị ngoại bang chi phối hay đe dọa, rồi chừng ấy sẽ thống nhất đất đai, thống nhất ý chí, thống nhất tư tưởng. Định xa thơ ấy là đại thống nhất đó mà. Đến câu thứ tư, ấy là kết luận cho riêng nước ta, quốc tộ dục lâu dài, sự nghiệp dân tộc, trường chinh hàng vạn năm, đến đây mới đạt, mới gọi là toàn sự nghiệp. Còn bốn câu sau là tả cái tiền trình của dân tộc trong khắp cõi địa cầu. Bắt đầu, minh đạo truyền khắp thế giới, mà hành cái hạnh cứu thế, làm được công việc vĩ đại của thời này là đánh tan hiểm họa của chiến tranh thứ ba. Kế đó một luồng gió ấm sưởi loài người, không khác nào sau mùa đông lạnh lẽo, gió xuân đến đem ấm áp. Ấy là nói hết hạ ngưng sang thượng ngưng vậy. Một nhân loại đại đồng sẽ thiết lập. Thấy thấy ca tụng chế độ Nghiêu Thuấn tái lập trên cõi trần. Rồi một cuộc cách mạng văn hóa đem loài người đến cảnh đại an.

Xích Tử hỏi :

— Chương trình ấy, mẹ nói do bác Nguyễn An Ninh cho cha con. Vậy cha con là ai? Và ông có làm nổi chương trình ấy không?

Thu Hương đáp :

— Cha con là ai à ? Khi con về, gặp bà vú, con hãy bảo bà trao những tập nhật ký của mẹ cho con xem. Con sẽ biết là cha con là ai. Còn cha con có làm được chương trình ấy chẳng ? Cha con, từ mười mấy năm nay, đã ý thức rằng cha con trót sanh ra sớm đến ba bốn mươi năm, đã hóa già, không thể làm gì được. Phàm làm một chương trình, điều cốt yếu là cái thời. Hành động không khác nào bắn con chim đang bay. Buông tên sớm quá không trúng, mà trễ quá cũng trật. Cha con sống trước cái thời, có làm gì thì cũng không khác nào bắn chim bay mà buông tên quá quá sớm. Vì vậy mà cha con cứ hẹn. Hết mười năm này lại tìm cách trốn mười năm khác. Bây giờ quá già rồi. Thì cái chương trình ấy, cha con cứ tưởng rằng chính cái thế hệ của con, của Xích Tử, mới gặp thời mà làm được. Mẹ đã ghi điều đó ngay ở đầu của di chúc là PHI LẠC SANG TÀU.

Xích Tử hỏi :

— Chẳng hay, cái đèn và đoàn người lúc nãy mà con đã thấy là chi vậy ?

Thu Hương đáp :

— Cái đèn ấy tượng trưng cho cái tôn giáo đại đồng của ngày mai. Đoàn người do năm vị

giáo chủ dân đầu là tượng trưng cho năm cái tôn giáo lớn trong nhân loại.

Xích Tử hỏi :

— Nhưng tại sao tất cả cái ấy biến đi, mà để chỉ có con sót lại một mình ?

Thu Hương đáp :

— Bởi vì cái ấy còn ở xa trong tương lai. Nó là giấc mơ trong cơn mơ của con. Con còn sót lại một mình, ấy là con gần sự thật. Sự thật bảo rằng con dõi theo con đường ấy, song bây giờ hãy cô đơn. Và diu dặt con chỉ có linh hồn của mẹ.

Nói đến đó Thu Hương vùng biển mắt. Xích Tử tựa mình, thức dậy mới hay là một giấc chiêm bao. Sự nhớ, thấy mình cô đơn, trong một hang đá, ngày ngày sống với sách Mát xít, với mớ lương khô và vài lon nước. Nó nghĩ lại, điềm chiêm bao đã giúp cho nó thoát được chủ nghĩa Mác Lê rồi, đã giúp cho nó ngộ đạo rồi. Không cần đi tìm thầy Bửu Sơn ở đâu. Vả lại, như lời các anh du kích đã nói, các vị tu sĩ đã bị đuổi đi khỏi núi, có tìm cũng không gặp.

Nhưng bây giờ, một mình nằm trong hang núi, chẳng biết lối ra. Mà có dò lần được lối, phỏng có

qua được những người canh gác? Cảm những khó khăn ấy, nó thầm thag rằng thoát được kim tỏa của một tư tưởng còn dễ, chớ thoát một ách độc tài thật là rất khó...

Muốn biết Xích Tử có ra khỏi hạng đá được chăng, hãy xem đến hồi sau phân giải.

HỒI THỨ TƯ

Lãnh một chương, Hồ Chí Minh xuất hạn.

Bị dán bùa Tiên Phi Lạc hạ san.

Đày nói về Hồ Chí Minh, sau khi nghe Kroutchev bị hạ bệ và Mao Trạch Đông cho thử bom nguyên tử ở Tân Cương, thì sanh lòng lo lắng. Đọc di dọc lại mãi quyển PHI LẠC SANG TÀU, đến chỗ chấm, chấm, họ Hồ bán khoán, không biết lúc thảo ra bản báo cáo này, Thu Hương giấu cái gì. Mà tình hình ngày nay có hợp với viên đồ ở chỗ chấm, chấm, chấm ấy chăng? Hồ Chí Minh nhớ lại cảnh mình. Một bên là phái Lê Duẩn, Trường Chinh, Nguyễn Chí Thanh, chủ trương đi hẳn với Tàu. Một bên là phái Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng và các người như Phan Anh, Tạ Quang Bửu còn nuôi nấng tinh thần dân

tộc mà sợ bị đồng hóa theo Tàu, nên nghiêng về phía Nga. Còn họ Hồ ở giữa, cầm đòn cân cho quân bình, khi cân chình bên này, thì nâng bên kia, khi cân chình bên kia, thì nâng bên này. Còn họ Hồ ở giữa, thế còn quân bình, miền Bắc còn êm được. Một mai, họ Hồ qua đời, lấy ai cầm cân mà giữ sự quân bình giữa hai phái? Rồi họ có dung nhau, tìm một thể thuận nhượng, để giữ quân bình mãi chẳng? Hay là hai bên thanh toán nhau, một cuộc chiến tranh nguội lại diễn trên đất Bắc mà đứng sau giựt dây dui là Nga và Tàu? Suốt cả tháng lo âu, Hồ-Chí-Minh tiếp được, từ Nam-Vang gửi ra, một số đặc biệt của tờ Ánh-Sáng, mà trong đó, khi *Hồ-Hữu-Tường* xét lại biện pháp « trung lập chế », hẳn đã nêu ra đường lối của hẳn là « minh tu sạng đạo, ám độ Trần-Thương ». Và hẳn còn quả quyết rằng con đường Trần-Thương này là cái chấm, chấm trong quyền PHI-LẠC SANG TÀU. Đọc đến đó, Hồ-Chí-Minh nghe ớn xương sống, phát ho sù sù, cảm thấy bệnh lao toan trở lại, mặc dầu bây giờ mập béo lắm.

Bỗng nhiên, được tin rằng chị Tập (1) đã thay

(1) Muốn biết rõ nhân vật này, hãy đọc lại hai quyển *THU-HƯƠNG* và *CHỊ TẬP* trong bộ *gái nước Nam làm gì?* của nhà văn *HỒ HỮU TƯỜNG*.

tên đổi họ mà làm tổng chánh-ủy của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, cỡi máy bay từ Nam-Vang mà về đến, yêu cầu gặp ngay họ Hồ. Họ Hồ ra lệnh cho vào. Chị Tập yêu cầu cho đuổi tất cả ra ngoài, xong rồi nói :

— Thưa đồng chí chủ tịch, ban tình báo đặc biệt ở Sài Gòn vừa bắt được một tài liệu tối ư quan trọng. Tôi thấy cần đem gấp về báo cáo cho chủ tịch biết, đề quyết định phải đối phó thế nào.

Hồ-Chí-Minh hỏi :

— Tài liệu gì ?

— Đó là một cái thơ bằng tiếng Anh, do một người Bắc di cư vào Nam viết cho thống tướng Westmoreland ở Sài Gòn. Ban tình báo bắt được, chuyển cho tôi. Tôi cho dịch ra tiếng Việt, thấy tầm quan trọng của nó, không dám dùng đài vô tuyến mà cho chủ tịch biết, nên đích thân đem về đây cho chủ tịch xem tận mắt và quyết định.

Nói xong, chị Tập móc ở túi ra một cái thơ bằng tiếng Anh, có kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt như sau :

Cần thơ, ngày... 1964

Thưa Thống tướng Westmoreland,

Tôi là một người Bắc di cư vào Nam, từ khi đất nước tôi bị chia đôi. Tôi trân trọng dâng một kế đề cho Hoa Kỳ thắng được cuộc chiến tranh nguội trên dãy đất Việt này. Hoa Kỳ cứu được danh dự của mình. Dân Việt chúng tôi thoát được hiểm họa cộng sản, thật là nhất cử lưỡng tiện.

Thống tướng tự hỏi : « căn bản quân sự của anh này đến thế nào, mà dâng nổi một chiến lược thắng Cộng điều mà tất cả bộ tham mưu Hoa Kỳ nát óc trong mấy năm nay, điều mà các máy tính điện tử chạy suốt ngày đêm, mà vẫn chưa tìm ra được ? » Tôi xin trả lời cho Thống tướng rõ là tôi không phải là một tướng thà như Trần Hưng Đạo, đuổi được quân Mông Nguyên hồi thế kỷ XIII, hay như vua Quang Trung, thắng nổi hùng binh của Mãn Thanh vào cuối thế kỷ XVIII. Tôi chỉ là một thầy địa lý.

Với đầu óc Tây Phương, thống tướng ắt cười dài mà bảo rằng : « Thầy địa lý mà làm gì có chiến lược thắng Cộng được ? » Nhưng, tôi xin trưng bằng cứ rằng chính là khoa địa lý đã thắng nổi chiến lược thần tình của vị anh hùng vạn thắng là Quang Trung. Số là, sau khi chiếm được Bắc Hà,

vua Quang Trung lập kế hoạch đánh Tàu. Lúc ấy nước Tàu loạn lạc, nội chiến lung tung, do phong trào Bạch Liên giáo thôi giục quần chúng sách động việc phản Thanh, phục Minh. Một khi Quang Trung cầm quân Bắc tiến, thì làm sao nhà Thanh cựa lại chiến lược nội công ngoại kích ấy? Các tướng Tàu thấy thúc thủ, vô sách, tâm lý dầu hàng lan rộng trong các cấp quân dân. Ngay lúc ấy, vua Càn Long tiếp được một ông già, tuy lụm cùm chống gậy vào chầu, mà tinh thần vẫn còn sáng suốt. Ông già tâu với vua Càn Long rằng: «Tàu bệ hạ, bệ hạ chớ lo mà thương tổn tới sức Rồng. Thần có một kế dằng lên, nếu bệ hạ ưng theo mà ra lệnh đề thi hành, thì nước Tàu của chúng ta sẽ an như bàn thạch.» Vua Càn Long hỏi: «Khanh có kế gì?» Ông già tâu rằng: «Thần là một thầy địa lý biết chắc rằng ngôi mộ của thần sinh ba anh em Nhạc, Huệ, Lữ dặt trúng vào long mạch, ngay vào chính huyết của cuộc đất mà trong khoa địa lý có tên là cuộc đất «quần tượng nhập trung nguyên». Nhờ ngôi mộ của Hồ Phi Phúc này, mà ba con đều phát lên làm vua cả ba, ứng vào thế đất «quần tượng» đó. Nếu ta không sớm ếm cái long mạch ấy đi, thì ba anh em ấy sẽ cưỡi quân Bắc tiến, chiếm nước Tàu và chia nước Tàu ra làm ba, sau khi đã chia ba nước Nam của họ. Chừng

ấy thể đất «quần tượng nhập trung nguyên» sẽ trng trọn, không ai làm sao tránh khỏi. Muốn tránh cái họa chia nước Tàu làm ba ấy, chỉ có cách độc nhất là ếm cái huyết nọ. Không bao lâu, ba anh em Nhạc, Huệ, Lữ sẽ chết hết, con cháu tàn tạ cất đầu không nổi, cả một hai trăm năm. Ấy là miễn cho nước Tàu ta cái họa nội xâm, do từ Nam mà tràn lên». Nghe kế hoạch ấy, vua Càn Long tin theo, cho thi hành. Quả nhiên, lịch sử diễn ra theo lời tiên đoán của ông thầy địa lý Tàu già.

Nay tình trạng của miền Nam nước Việt na ná như tình trạng nhà Thanh vào lúc loạn Bạch Liên giáo. Miền Bắc Cộng sản cũng lăm le thôn tính,

Ấy bởi vì ngôi mộ chôn cha của Hồ Chí Minh đã được đặt ngay vào vượng địa. Vậy, áp dụng khoa địa lý để thắng giặc Cộng, tất Hoa Kỳ phải sáng suốt như vua Càn Long mà nghe lời. Và tức tốc cho ếm huyết của cha Hồ Chí Minh.

May mắn cho dân tộc Việt, ngôi mộ này không phải ở xa xôi chi đâu, mà khó đến đó đến đó dễ ếm. Nó nằm ngay ở miền Nam, trong vùng ảnh hưởng của quân đội miền Nam, Nếu Thống tướng không biết thì nên hỏi lại những sử gia lỗi lạc của

Hoa-Kỳ như Milton Sacks chẳng hạn. Thống tướng sẽ biết rằng Hồ-Chí-Minh không phải là họ Hồ, mà là họ Nguyễn, tên cha mẹ đặt là Tất-Thành. Thân sinh ra Tất-Thành là Nguyễn-Sinh-Huy, người gốc ở Nghệ-An, vì có can vào công cuộc Cần vương mà phải bị chính phủ đô hộ lưu đày vào Nam. Trong Nam, Nguyễn-Sinh-Huy sống bằng nghề chài mạch cho ta và người thường gọi là cụ phó bảng Huy. Khi phó bảng Huy qua đời, cách đây hơn năm mươi năm, thì hài cốt được chôn ở Cao-Lãnh, và ngôi mộ này còn tại nơi ấy đến bây giờ. Chính là ngôi mộ ấy vượng, mà Hồ-Chí-Minh đứng đầu phong trào cộng sản ở Đông-Nam-Á, và phong trào này bành trướng cả vùng này. Bởi vì theo khoa địa-lý, sông Cửu-Long là con sông lớn nhất ở Đông-Nam-Á, ngôi mộ lại nằm trên ven sông Cửu-Long, thì ảnh hưởng của ngôi mộ là củng cố ảnh hưởng của Hồ-Chí-Minh khắp Đông-Nam-Á vậy. Đó là một điều mà tất cả khoa học Hoa-Kỳ, lẫn Tây-Phương, kể cả hàng vạn máy tính điện tử tối tân cũng chưa lường được.

Nhưng khoa địa lý của Tàu, từ hơn ngàn năm nay, đã biết rõ điều ấy. Mao Trạch Đông, mặc dầu chế bom nguyên tử, mặc dầu tuyên bố âm ỉ rằng theo duy vật biện chứng pháp của Mác — Lê, song

trong thâm tâm, Mao Trạch Đông không bỏ một lợi khi cũ xưa nào để chiến thắng. Bằng có là Mao Trạch Đông áp dụng chiến lược của Tôn Tử. Bằng có là Mao Trạch Đông, bởi hiệu vai trò của ngôi mộ của thân sinh Hồ Chí Minh, nên đưa Hồ Chí Minh ra lãnh đạo cuộc chiến tranh nguội ở Đông Nam Á. Đó là điều mà nước Hoa Kỳ phải công nhận, như hai cộng với hai là bốn.

Nếu Hoa Kỳ tin rằng hai cộng với hai là bốn, và muốn thắng cuộc chiến tranh nguội ở Đông Nam Á, Hoa Kỳ phải dùng đến « chiến lược địa lý » cũng như vua Càn Long khi xưa đã dùng vậy. Hoa Kỳ phải ếm ngôi mộ của Nguyễn Sinh Huy. Ngôi mộ này bị ếm rồi, không bao lâu sau, Hồ Chí Minh sẽ chết. Phong trào cộng sản ở Đông Nam Á sẽ như con rắn đứt đầu. Ở Bắc hai phái cộng sản, một bên thân Nga, một bên thân Tàu, mất trái độn ở giữa là Hồ Chí Minh, sẽ xung đột nhau, thanh toán nhau. rồi một cuộc chiến tranh nguội sẽ nổ ra ở Bắc, mà sau lưng là hai nước khổng lồ cộng sản là Nga và Tàu sẽ giật dây dục. Cuộc chiến tranh nguội này sẽ làm ngôi cho sự chạm trán trực tiếp giữa Nga và Tàu. Bạng duật tương trì, ngư ông đắc lợi. Hoa Kỳ khôn ngoan mà đóng vai ngư ông ấy, tức là bắt chiến tự nhiên thành, và sẽ làm bá chủ hoàn cầu, không ai ra tranh cho nổi.

Nguyên tắc của cái « chiến lược địa lý » tôi biết rõ như vậy. Nhưng sở học của tôi về khoa này hãy còn thấp và chưa đạt. Biết thì biết vậy, song thi hành rất khó khăn. Bởi vì cái long mạch ở Cao Lãnh không phải là long mạch tầm thường mà dễ ếm. Gia dĩ, Nguyễn Sinh Huy đã chôn cả năm chục năm nay, nơi đất thấp, luôn luôn hài cốt bị ngâm nước, thì xương đã mục hết, hóa ra nước và loãng hết đi. Không thể nào đặt plastic cho 'nở toang mà gọi là đã ếm được ngôi mộ. Khi tôi vào Huế mà học địa lý với thầy tôi là một vị đại thần ở triều đình và là người đã học đến nơi đến chốn khoa địa lý, thì thầy tôi có cái nghĩa rành. Rằng ngôi mả của cụ phó bảng Huy, nếu ếm không đúng phép, thì hóa ra làm vướng nó thêm nữa.

Lấy theo khoa học mà luận, thì lời của thầy tôi rất đúng. Hoa Kỳ đem plastic mà cho nở toang ngôi mả này, thì chỉ cho khỏi dân chúng đem ra mà phê bình, rồi uy tín của Hoa Kỳ sẽ bị tổn thương và ấy là làm lợi khí cho sự tuyên truyền của cộng sản.

Tuy vậy, thầy tôi nói với tôi rằng có cách ếm. Cách ếm này, thầy chỉ truyền lại cho con cháu, để con cháu khai thác mà hưởng lợi, chẳng khác nào thầy để lại một gia tài kếch sù cho con cháu. Tôi

có điều tra, thì thầy tôi có sanh một gái, tên là Lê Thu Hương, trước kia học trường thuốc Hà Nội. Thu Hương có sanh một đứa con trai tên là Lê Xích Tử. Và Xích Tử treo giá là một trăm triệu đô là, mới bằng lòng ếm ngôi mã của Nguyễn Sinh Huy.

Tôi mách việc này cho thống tướng, mà lòng không cầu một phần thưởng nào về tiền bạc. Tôi chỉ mong sao cho Thái Bình mau trở lại trên mảnh đất chữ S này để cho tôi có thể, trước khi nhắm mắt, trở về Bắc mà thăm viếng mộ phần của tiền non. Vì lẽ ấy mà tôi không đề tên và địa chỉ tôi vào thơ này.

Trân trọng chào thống tướng.

Hồ-Chí-Minh đọc bức thơ chậm chậm, nghiền từ chữ, ngâm từ câu, không hay rằng từ mỗi chân lông, mồ hôi rịn ra từ bao giờ, và thấm ướt áo trong và đến áo ngoài. Một cơn lạnh làm họ Hồ rùng mình, hồi tưởng lại, thấy rằng từ năm, 1919, khi ở Paris mà theo chủ nghĩa Mác-Lê đến nay, đếm cả thấy bốn mươi lăm năm, lớp sơn duy vật bề ngoài không che kín được những tư tưởng tiềm tàng của phương Đông. Phỏng tập luận của thầy địa lý này là đúng và được Hoa-Kỳ nghe theo, —

mà có gì mà không làm theo được, vì chỉ tốn có một trăm triệu đô la, một phần năm của viện trợ Hoa-Kỳ ở Việt-Nam mỗi năm? — thì ô hô công khó hai mươi năm tiêu sạch, sự nghiệp trọn một đời tiêu ma. Và suốt đời không vợ, không con lấy ai gầy lại cơ đồ nghiêng ngửa?

Chị Tập ngồi chờ cả giờ, không thấy họ Hồ thốt câu nào, nhin không được, nên hỏi :

— Thưa đồng chí chủ tịch, chẳng hay đồng chí tính làm sao?

Chẳng biết tính làm sao, Hồ-Chí-Minh dục hoãn cầu mưu hỏi lại :

— Làm sao mà các trình sát ta bắt được thơ này?

Chị Tập đáp : .

— Đó là dịp may mà thôi. Nguyên ở Cần-Thơ, có một người giáo sư Anh-văn, lúc nhỏ có đi kháng chiến, nhưng không cộng-sản, nên không chịu tập kết, mà trở về thành thị, sống một đời yên ổn. Cách đây một tháng, có một người đàn bà, gốc người Huế, già sồn sồn, đến thuê dịch một bức thơ, từ tiếng Việt ra Anh văn và gửi đi cho thống tướng Westmoreland. Giáo sư này đánh máy bức thơ mà gửi

đi, nhưng giữ một bản làm tài liệu mà chơi. Tài liệu này, giáo sư bỏ quên giữa tờ tạp chí MATCH nói về sự xung đột Nga-Hoa. Một trinh sát của ta, vốn quen với giáo sư, khi hai người cùng tham gia kháng chiến, mượn tờ tạp chí ấy, thỉnh linh đọc được tài liệu, cho chép lại mà chuyển lên thượng cấp.

— Rồi đồng chí có cho điều tra kỹ lưỡng tất cả chi tiết có can hệ đến bức thư này chăng?

— Thưa đồng chí chủ tịch có. Chính tôi thấy tầm quan trọng của nó, nên tôi đích thân vào thành Cần-Thơ để điều tra. Người đàn bà Huế thuê dịch bức thư này, dịch là người vú nuôi Thu-Hương ở Hà Nội hai mươi năm về trước và có quen biết với tôi, vì tôi ở khít bên cạnh. Hỏi thăm tới thầy địa lý nào đã viết thư nọ, bà vú bảo rằng chỉ quen mặt, mà chẳng biết tên và chỗ ở. Hỏi quen vào lúc nào, bà trả lời rằng lúc thầy vào Huế mà học khoa địa lý với thân phụ của Thu-Hương...

— Còn đồng chí có điều tra về Lê-Xích-Tử không?

Chị Tập mở va li, lấy một hộp cày, dâng cho Hồ-Chí-Minh và nói :

— Về Lê-Xích-Tử, tôi điều tra kỹ lắm, và có ăn cắp được cái hộp này. Xin đồng chí chủ tịch cho

tôi báo cáo qua nội dung hộp ấy có những gì. Phần thứ nhất có bốn tập nhật ký, mỗi tập một trăm trang, trong ấy Thu-Hương thuật đủ chi tiết sự sống của nàng từ khi nàng đặt chân lên đất Sài-Gòn, dan díu với Hồ-Hữu-Tường ra thế nào, rồi thọ thai mà sanh ra thằng Lê-Xích-Tử. Tập thứ tư viết lờ đờ, có lẽ vì nàng gặp tai nạn bất ngờ « linh tánh đã bảo cho biết trước ». Phần thứ hai là một bó giấy nháp, ghi những thảo luận giữa nàng và Hồ-Hữu-Tường về tiền đồ dân tộc Việt. Bó giấy nháp này có cột một bìa cứng, trên ấy Thu-Hương có viết « mẹ đã căn cứ vào những thảo luận này mà phóng tác ra quyển tiểu thuyết trào phúng PHI-LẠC SANG TÀU, do mẹ viết và ký tên là Ý-DU ». Còn phần thứ ba là một tập giấy bìa cứng, đóng cẩn thận, đến cả bốn trăm trang, mà chỉ ở trang đầu có viết mà thôi, mấy trang sau không có chút nét mực. Đến phần chót là một bức thư di chúc, dặn Xích-Tử sau này khi gặp cha là Hồ-Hữu-Tường thì thờ ở trong lòng là cha mà thôi, và chớ nên nhìn, sợ e hai mẹ lớn không thương mà làm hại. Chỉ khi nào túng kế, thì giả làm thanh niên đến hỏi ý kiến mà thôi.

Hồ-Chí-Minh ngẫm nghĩ giây lâu hỏi :

— Nơi trang đầu của tập giấy bìa cứng, Thu-Hương đã viết những gì ?

Chi Tập xin lỗi mở hộp ra, lấy tập bìa cứng, mở ra mà trình cho Hồ-Chí-Minh. Họ Hồ móc lấy gương, mang vào mà đọc :

« Đòi đòi mới Xích-Tử ra công »

« Tài liệu chỉ công bố khi nào »

« Mao-Trạch Đông cho thử bom »

« Nguyên tử và dọa lập một »

« Liên-Hiệp-Quốc thứ hai đề chống »

« Với Liên-Hiệp-Quốc cũ. »

Đọc xong, Hồ-Chí-Minh bần khoản hỏi :

— Đồng chí có điều tra Lê-Xích-Tử ra thế nào, hiện nay ở đâu và toan tính những gì ?

Chi Tập đáp :

— Thừa đồng chí chủ tịch, có. Mấy tháng trước Xích-Tử bỏ nhà mà lên núi tìm thầy học đạo. Nó là đứa thông minh tốt chúng...

Hồ-Chí-Minh chận ngang khen :

— Cha nào con nấy. Cha nó từ nhỏ đã nổi tiếng là « thần đồng Nam-Bộ » nếu sanh con chẳng bằng cha, thì nhà chưa có phúc. Rồi sao nữa ?

— Thừa đồng chí, bởi thấy nó sớm trở thông minh như vậy, nên tôi đã lập kế mà thâu phục nó vào chủ nghĩa Mác-Lê. Mấy tháng nay, tôi đã tổ chức cho nó sống một mình trong một hang đá, chung quanh chỉ có sách của chủ nghĩa Mác-Lê, mà bây giờ, tôi tin rằng nó đã đọc khắp và hiểu thấu triệt. Chắc chắn là nó sẽ là một tay lý thuyết cừ của chủ nghĩa Mác-Lê đó.

Hồ-Chí-Minh nghe báo cáo xong, ra lệnh cho nàng lui. Suốt ba ngày, chị Tập pháp phòng, vì bữa hội kiến, thấy họ Hồ mất tinh thần, sau khi đọc bức thư ấy. Đến khi được lệnh cho mời nàng đến, thì nàng lại gặp một Hồ-Chí-Minh tươi cười và có vẻ trẻ măng đến mấy năm. Hồ-Chí-Minh nói :

— Không có gì đáng sợ hết. Chỉ là một đòn chưởng mà Hồ-Hữu-Tương đã tung ra từ năm 1948.

— Căn cứ vào đâu mà đồng chí chủ tịch biết vậy?

— Có khó gì đâu? Cái thơ này đã thảo ra từ lâu, từ lúc Hồ-Hữu-Tương lên vợ ma ngoại tình với Thu-Hương, thảo sẵn thành như cầm nang, để lại cho bà vú, phòng lúc nào Xích-Tử bị nạn, tung nó ra làm món bửu bối, để cứu đứa con « hòn máu bỏ rơi ».

— Do đâu mà đồng chí chủ tịch lại quả quyết như vậy ?

— Có khó gì đâu ? Hồ-Hữu-Tường vốn là tay ngó thấy xa trong tương lai, biết rằng mười mấy năm sau, Hoa Kỳ sẽ cử một thống tướng sang điều khiển trận giặc nguội ở Đông Nam Á này. Đoán thì đoán được đại cương, song nào có biết nổi trước rằng thống tướng ấy tên gì ? Vì lẽ đó, mà bức thư thảo vào năm 1948, tên của thống tướng đề trống đó, chờ khi dùng, sẽ điền vào. Nhưng mà bà vú dốt nát. Đáng lẽ điền sau chữ thống tướng tên Maxwell Taylor là đại sứ, bà vú tưởng đâu phải điền tên của vị cầm quân là Westmoreland, mà chức mới là đại tướng mà thôi. Báo hại đòn chưởng của Hồ-Hữu-Tường hại ta loát mồ hôi và suy nghĩ mãi cả ba ngày đêm mới thấy chỗ sơ hở của bà vú !

Chị Tập vui mừng, cười xòa, hỏi :

— Đồng chí chủ tịch cũng đọc « Cò Gái Đồ-Long » sao mà biết danh từ đánh chưởng ?

— Không. Ngoài này đâu có thứ tiểu thuyết kiếm hiệp ấy mà đọc ? Chỉ nghe radô của miền Nam, mà ta biết danh từ ấy ! Năm 1948, Hồ-Hữu-

Tường gài một chưởng, bây giờ đánh trúng ta chơi. Nhưng chỉ là một thứ chưởng chậm hoãn, nên không đến nỗi làm sao !

— Rồi đồng chí chủ tịch có nghĩ kể chi mà trừ cái chưởng ấy chằng ?

— Có chớ ! Giá trị của cái chiến lược địa lý mà Hồ-Hữu-Tường bày đó, hoặc có hoàn toàn giá trị, hoặc chẳng có gì hết. Nói theo tiếng Pháp ấy là «tout ou rien ». Có hoàn toàn giá trị, là khi nào Hoa-Kỳ nghe theo mà làm...

Chị Tập hỏi :

— Đồng chí chủ tịch tin rằng nếu Hoa-Kỳ tin theo mà ếm cái huyết của cụ phó bảng, thì kết quả sẽ y trong bức thư sao ? chúng ta là kẻ theo chủ nghĩa Mác-Lê, lẽ nào chúng ta tin một việc dị đoan, do chủ nghĩa duy tâm cũ rích của phương Đông bày ra ?

Bị hỏi vặn, Hồ-Chí-Minh lúng túng đáp :

— Đã đành rằng theo chủ nghĩa Mác-Lê ta, việc ếm mồ ếm mả không có ảnh hưởng chi cả. Song mấy trăm ngàn chiến sĩ của Mặt trận giải phóng miền Nam và mấy triệu nhân dân đầu phải là người sùng chủ nghĩa Mác-Lê cả ? Những tiềm

thực mê tin, như tin vào sấm ký, như tin vào địa lý, ở trong tâm khảm của mọi người. Há chẳng thấy Hồ-Hữu-Tương khai thác tâm trạng ấy mà tuyên truyền đường lối sao? Vạn nhất mà Hoa-Kỳ nghe theo kế hoạch ấy lỡ chức ếm huyết và cao rao cổ võ, thì dân chúng và chiến sĩ sẽ bị đánh mạnh vào tâm khảm, mất đức tin. Mà hễ trong một cuộc chiến đấu, đức tin suy kém, ắt tinh thần sụt, rồi bại trận. Theo chủ nghĩa duy vật, mà nông cạn chẳng thấy hiện tượng vừa nói đó, ấy là khur khur bảo thủ thành kiến mà chẳng nhận sự thật hiển nhiên. Vô hình chung, đã hóa ra duy tâm mất.

— Vậy thì đồng chí chủ tịch chủ trương rằng nên làm sao cho Hoa-Kỳ không tin để không làm theo sao?

— Phải. Ta đã có kế hoạch. Ta đánh lại một chương, để xem Hồ-Hữu-Tương có đỡ nổi chăng.

Nói rồi, Hồ-Chí-Minh móc túi, lấy ra một tài liệu mà người đã suy nghĩ kỹ mà viết trong đêm. Rồi đưa cho chị Tập và nói:

— Tài liệu này phải cho in thật nhiều, phát cho mỗi chiến sĩ giữ một bản trong túi, cho phổ cập trong dân gian. Một là để củng cố đức tin

trong Mặt trận và trong dân chúng và xây đắp thêm cái đức tin ấy. Hai là để cho tài liệu này lọt vào tay của các cấp khảo cứu của địch, tất sẽ đến tay Hoa-Kỳ. Chúng nó biết được tài liệu này, tất sẽ không thi hành gì cả. Ba là để làm mất uy tín của Hồ-Hữu-Tường trong dân chúng.

Chị Tập đón lấy tài liệu đọc :

THÔNG CÁO

Cho các cấp chiến sĩ và cho dân chúng.

Tên Việt gian bán nước là Hồ-Hữu-Tường, đội lốt thầy địa lý, đề nghị bán cho Hoa-Kỳ, với cái giá là một trăm triệu đô la, một kế hoạch tưởng đâu là hay ho, chứ thật sự chỉ là ảo tưởng. Kế hoạch này là ếm ngôi mộ của cụ phó bảng Huy Cao Lãn, để cho phong trào Đông-Nam-Á bị tàn rụi. Có lẽ đầu hài cốt của cụ phó bảng Huy đã được cải táng từ năm 1959, khi Mặt trận giải phóng miền Nam vừa thành lập. Hài cốt ấy hiện nay lại được đặt vào một cái huyệt còn phát trăm lần hơn cái huyệt cũ ở Cao Lãn. Huyệt mới này ở tại Stung-Treng, chiếu theo địa lý, tại Stung Treng sông Cửu-Long uốn khúc. có núi : chứ không phải như ở Cao-Lãn, chỉ có sông thoi, và lòng mạch nổi lên rõ ràng hiện thành đá hán ngăn dòng sông lại.

Vậy thì khi thế của phong trào ở Đông-Nam-Á sẽ tăng thêm, mà Hồ-Hữu-Tường có ếm thế nào ở Cao-Lãnh thấy vô hiệu. Cái mộng nuốt một trăm triệu đô la hóa thành ảo mộng.

Một nhóm thầy địa lý,
có sở học chắc chắn

Chị Tập đọc xong ngẩn ngại rất lâu rồi nói :

— Minh chủi Hồ-Hữu-Tường một cách oan là Việt gian bán nước, hăn giạn, đánh một chưởng bắt ngờ rồi làm sao ?

Hồ-Chí-Minh cười dài đáp :

— Tri bỉ, tri kỷ, bách chiến, bách thắng ! Ta mấy chục năm nay biết rõ Hồ-Hữu-Tường lắm. Ai chủi hăn trúng hăn còn trả lời. Ai bịa đặt mà chủi oan hăn, hăn phớt Ăng-Lê cả. Không có chưởng chiếc gì đâu mà đồng chí lo. Đồng chí cứ ra lệnh phổ cập tài liệu này. Ví dụ có một chiến sĩ tử trận, trong túi có tài liệu này, tài liệu sẽ dâng lên các cấp chỉ huy và lọt vào tay Hoa-Kỳ, Hoa-Kỳ nghiên cứu, thấy ngôi mộ đã cải táng sang Stung-Treng rồi, sẽ không còn vương vit ý nào về cái thư trước.

Chị Tập nói :

— Đồng chí chủ tịch tự vệ như vậy hay lắm. Nhưng đồng chí đã bị một chưởng mà toát mồ hôi àu lo trong ba bốn bữa. Chẳng hay đồng chí có nghĩ cách nào để trả hận lại cho hẳn biết tay chẳng?

— Có chớ mà sâu độc vô cùng. Hồi nhỏ đồng chí có đi coi hát bội, lúc Lưu-Kim-Đỉnh giải giá Thọ-Châu chẳng?

— Dạ có.

— Đồng chí có nhớ lúc Dư-Hồng dán bùa cho Cao-Hoài-Đức, khiến Cao-Hoài-Đức hôn mê, kéo quân về phản Tống mà đánh Triệu-Khuôn-Dẫn chẳng?

— Dạ có.

— Ta nay có kế độc tương tự như kế của Dư-Hồng. Hiện nay ta cầm được thằng Lê-Xích-Tử trong hang đá. Ta cũng dán bùa cho nó hôn mê, để ta khiến nó xuống núi mà đánh lại cha nó là Hồ-Hữu-Tường. Dùng con mà tổ khờ lại cha thật là đúng đường lối của đảng ta đã áp dụng từ mười mấy năm nay.

Chị Tập suy nghĩ rất lâu rồi hỏi :

— Kế hoạch ấy hay thật, nhưng làm sao cho Lê-Xích-Tử bị dán bùa mà hôn mê và xông ra tổ

khô cha ? Trong thời đại khoa học này, làm gì có thể tin rằng có thứ bùa ấy.

Hồ-Chí-Minh cười xòa nói :

— Đồng chí Tập chưa được huấn luyện triết để nên không hiểu ý nghĩa bóng bẩy của danh từ dán bùa. Đây ta chịu khó giảng cho mà nghe. Ở đây, ta có cái hộp tài liệu. Hễ đọc tài liệu này, Xích-Tử sẽ biết nó là đứa con « hòn máu bỏ rơi » của Hồ-Hữu-Tường. Và do bản năng thiên nhiên, nó sẽ yêu thương cha nó và trung thành với cha nó. Bậy giờ ta thi hành kế hoạch. Ta không cho nó biết những tài liệu thật ấy. Ta sáng tạo ra những tài liệu giả mà tráo vào. Hễ nó đọc được những tài liệu giả này, nó hiểu theo chúng, mà tin rằng Hồ Hữu Tường không phải là người thân, mà là kẻ thù, kẻ đã giết cha nó là Ý Dư, hại mẹ nó là Thu Hương chết. Xích Tử sẽ sanh thù oán mà theo báo thù với Hồ Hữu Tường mãi. Hắn lo mà đối phó không kịp, còn đâu thời giờ mà phá hoại công việc của ta. Mà ta được tiếng là quân tử với hắn nữa !

Hồ Chí Minh nói xong, cười ha hả, khoái trá lắm. Chị Tập cũng cười theo, nói rằng :

— Quả thật là một chương bất ngờ. Tôi có ý kiến rồi ! Ta phải tìm giấy thật cũ để dùng mà làm tài liệu. Không thể nhờ một người ngồi viết một mạch, vì như vậy phải mất mấy tháng mới làm xong, để có chung một tông chữ, mà ta cho đánh máy tài liệu bằng những máy cùng chung một hiệu. Như vậy, chỉ mất cao lắm là một tuần lễ. Khó chỉ nơi chỗ nội dung của tài liệu. Làm sao mà có gặp được ?

Hồ Chí Minh đáp :

— Có khó gì đâu ? Ta động viên hai chục nhà văn. Ta cho biết đại cương của một câu chuyện tưởng tượng và mục đích của tài liệu. Họ lập một cái sườn chung, rồi chia mỗi người một khúc mà viết. Tám trăm trang tài liệu, chia cho hai chục người viết, mỗi người lãnh một phần bốn mươi trang, thì chỉ bốn ngày là xong.

Nói xong Hồ Chí Minh cười dài. Chị Tập hỏi :

— Chẳng hay đồng chí chủ tịch cười chi ?

Hồ Chí Minh đáp :

— Hồ Hữu Tường kiêu căng, chia văn chương làm ba thứ là văn chương du hi, văn chương ca tụng và văn chương sáng giá. Hắn chưa lọt vào

guồng máy của đảng, nên không biết rằng hãy còn một thứ văn chương nữa. Thứ này gọi là văn chương chỉ thị. Bởi hẳn không biết thứ văn chương chỉ thị này, mà hẳn phải bị một đòn chưởng của ta !

Nói rồi kêu điện thoại lại hội Nhà Văn, ra chỉ thị và hẹn trong năm ngày phải có tám trăm trang tài liệu như ý muốn. Đúng y theo lệnh, các tiểu thuyết gia Bắc Hà đã xây dựng tập thể một thiên nhật ký giả của Thu Hương, một bó tài liệu giả, và một cái thơ di chúc. Tất cả bỏ vào hộp mà trao cho chị Tập.

Chị Tập ôm được bộ « bửu bối », cỡi máy bay trở lại Nam Vang, tức tốc đến núi Tượng và hạ lệnh cho dắt Lê Ních Tử ra khỏi hang cho nàng gặp. Sau mấy tháng ở trong hang mà chẳng có bóng mặt trời và thêm chăm lo nghiên cứu, nên Ních Tử đã mét xanh. Khi gặp nàng, hẳn không biết là ai. Chị Tập cho ngồi bên cạnh và hỏi :

- Cháu có biết di là ai không ?
- Dạ cháu không biết.
- Cháu có đọc hai quyển tiểu thuyết *THU HƯƠNG* và *CHI TẬP* không ?

— Dạ thưa có.

— Cháu có biết mẹ cháu là ai không ?

— Cháu thấy trong khai sanh cháu, tên là Lê Thu Hương, song người thế nào, sự nghiệp ra sao, cháu thấy không biết.

— Cháu có biết dì là ai không ?

— Dạ cũng không biết.

— Vậy dì cho cháu biết. Dì đây là chị Tập trong hai bộ tiểu thuyết nọ, còn mẹ cháu, Lê Thu Hương, đích thị là nàng Thu Hương mà nhà văn họ Hồ đã tả. Còn cháu có biết cha cháu là ai không ?

— Dạ không.

— Có ai đâu lạ ? Cha cháu là Ý Dư, tác giả bộ *Phi Lạc sang Thu*, mà Hồ Hữu Tường đã ám hại, đề cướp lấy sự nghiệp văn chương và toan phạm danh giá đến mẹ cháu nữa. Dì có hộp tài liệu đây, do mẹ cháu gửi gắm lại cho dì, dặn khi nào cháu lớn khôn, hãy trao lại cho cháu đọc. Đọc để hiểu dòng giống cháu, đọc để biết cái hận thù mà Hồ Hữu Tường bề ngoài đội lốt đạo đức giả nhà văn hiền lành, mà thật sự đã gieo trong gia đình cháu, làm cho cháu mồ côi cha mẹ từ thuở mới lọt lòng..

Nói đến đây, chị Tập ra trò cảm động, nước mắt rưng rưng, hỉ mũi và tiếp :

— Di mất một người bạn thân, đã từng chung lưng với di mà tranh đấu. Cháu mất một mẹ, một cha...

Xích Tử cũng cảm động, khóc òa theo. Chị Tập thấy đã ăn câu rồi, nói tiếp :

— Cháu có biết vì sao cháu mắc kẹt trong hang đá suốt mấy tháng nay không ?

— Dạ cháu không biết !

— Có gì là không biết ? Để trả thù cho bạn di, để thay cháu mà trả thù cho cha mẹ cháu, nếu chỉ giết chết Hồ Hữu Tường, thì sức một mình di đây hẳn thừa để giết hẳn. Nhưng đó không phải là khôn ngoan. Di mà cho ám sát hẳn chết, thì bên phái Quốc gia sẽ kêu ầm lên là Hồ Hữu Tường là một chiến sĩ tử đạo, gương đáng nêu cao, tên đáng dùng đặt tên đường, cho hậu hế tưởng nhớ. Rồi họ rêu rao rằng Cộng sản cãi lý thuyết không lại Hồ Hữu Tường, mới dùng phương pháp chót là giết hẳn. Vậy không cần giết chết hẳn. Chỉ cần đánh tiêu tan cái thanh danh của hẳn, cái mà thiên hạ công nhận lầm rằng hẳn là một học giả, một nhà văn hóa, một văn hào, một nhà tư tưởng. Do đó mà di dụng ý, cho cháu vào hang đá, sống với

sách vở Mác - Lê, cho cháu học tập nghiên ngẫm thật kỹ... Mà rồi cháu đã nghiên cứu khắp chưa ?

— Dạ thưa, cháu đã nghiên cứu khắp rồi.

— Hay lắm, hay lắm. Lý thuyết, thì cháu đã có một nền lý thuyết vững chắc rồi. Mà cháu viết văn có hay không ?

— Học ở trường, cháu luôn luôn được hạng nhất về Văn chương.

— Thế thì hoàn toàn. Lý thuyết đã có. Thêm được tài hoa. Di cho cháu xuống núi mà báo thù cho cha mẹ. Di dặn lại một lần nữa. Không nên động đến xác hủn. Chỉ cần đánh tiên tan danh tiếng của hủn. Bằng mọi phương tiện. Cháu có nhớ không? Nguyên tắc căn bản là : Tất cả phương tiện đều tốt, cứu cánh đảm bảo cho phương tiện. Đây, hộp tài liệu đây, cháu xem kỹ đi, xét nét kỹ đi, liệu có nên xuống núi mà báo thù chăng ?

Xích-Tử tiếp lấy hộp tài liệu, mở ra đọc. Trong khi nó đọc, một hoài nghi phát sanh ra trong đầu óc của chị Tập. Nếu Xích-Tử về Cần-Thơ mà gặp bà vú, rui nó hỏi bà vú mà biết rằng cái hộp đã bị mất trộm, e nó sanh nghi. Và hỏi phăng ra, với trí khôn ngoan của nó, nó sẽ hiểu rằng có một việc gì mờ

ám. Chừng đó nó sẽ quày lại. Không khác nào Ân-Giao, Ân-Hồng vâng lệnh thầy xuống núi để đánh cha là Tru Vương, mà quày lại theo cha. Rồi chị Tập nghĩ ra một kế, là cho bắt cóc bà vú, dẫn giấu ở hậu phương, thì làm sao mà Xích-Tử gặp được để phăng ra manh mối? Trong lúc Xích-Tử đọc tài liệu, nàng đánh điện ra lệnh cho bắt bà vú mà giấu đi. Không dè từ Cần-Thơ, phúc trình lại rằng bà vú đã dọn nhà đi đâu mất.

Đây nói về Thu-Hương, sáu ngàn năm về trước, vốn là con khỉ cái ở vùng Đông-Á. Nàng nhờ treo gương ăn quả cho giống người ở vùng ấy (1), mà đắc đạo, thoát khỏi luân hồi, hồn được lên cung Đâu-Suất, mà hóa ra là một cái hoa Cúc trong đám rừng hoa ở trên ấy. Mấy ngàn năm nay, nàng chỉ biết con hầu nhỏ, ngày ngày đến ngửi hương thơm của nàng, rồi một mối tình nảy sanh. Không dè, gần đây, con hầu nhỏ đi mất. Hỏi thăm các hoa gần đó, mới hay hầu-nhơn đã đầu thai xuống trần (2).

1) — Muốn hiểu cái huyền thoại này, xin xem lại bài CON CHIM TRỐN TUYẾT trong HÒA-ĐỒNG số 5.

2) — Muốn hiểu chỗ này xin xem bài MỘT CƠN ĐIÊN của nhà văn Hồ-Hữu-Tường trong VĂN số Xuân ất-tỵ hoặc trong HÒA ĐỒNG số 6.

Đâu suất thiên: Đạo gia gọi chỗ Thái Thượng Lão quân ở.
"Tủ Điên Hán Việt" của Đào Duy Anh, trang 259, Nxb KHXH, tháng 02. 2001.

Hoa Cúc nhớ hầu như, ấy là mắc vào cái ý nghiệp. Vương vào ý nghiệp đầu là Phật vẫn còn phải dọa, huống chi nàng chỉ là cái hoa. Nên chi từ ấy, lòng nàng bán khoán, nhớ nhưng muốn xuống trần mà thăm con hầu như. Năn nỉ lắm, nàng chỉ xin phép được một giây mà thăm tình như của mình. Một giây ở cõi Đâu-Suất, dài đến hai mươi lăm năm tại cõi trần. Thế là hoa Cúc trên trời đầu thai xuống thành nàng Thu-Hương, sanh năm 1923 tại Huế và chết tại Chợ-Lớn năm 1948, hai mươi lăm tuổi.

Nhờ có căn lành ấy, nên khi đan diu với Hồ-Hữu-Tường khi cả hai «siêu lập» trên trần nhà, để tránh cái nạn «thế giới hai phe» ở dưới đất, những gì họ Hồ dạy nàng, nàng hiểu rất rành. Họ Hồ dạy nàng rằng Phật pháp ngày xưa và khoa học ngày nay cùng tụ lại một điểm. Phật pháp dạy người «giới, định, huệ» để đạt đến cái hạnh La Hán. Thi Khoa học ngày nay rèn luyện con người cái tinh thần phân tích để được vào hạng nhà «bác học kinh điển». Phật pháp dạy các bậc La Hán phép «quán tưởng» để lên hạnh Bồ-Tát. Thi Khoa-học rèn luyện cái tinh thần trực giác để đạt đến cái phẩm nhà «bác học lãng mạn». Sau rốt, cả Phật pháp và Khoa học

cố gắng đến cái «thị kiến», và được rồi ấy là đắc đạo. Thu-Hương, tuy có căn lành, song chỉ đạt đến Pháp «quán tưởng» mà thôi.

Nhờ quán tưởng, mà nàng thấy rằng Xích-Tử sau này lớn khôn, nó sẽ đi tìm đạo. Đi tìm đạo, nó sẽ sa vào lưới của đảng Cộng, lưới này bủa vây khắp cả để đón bắt thanh niên ưu tú về cho đảng huấn luyện, thành cán bộ ; không khác nào thợ gác cu bắt cu về tập làm chim mồi để dụ cu khác trong rừng về nộp thịt. Rồi nàng quán tưởng nữa, để tìm cách làm sao mà giải thoát cho con. Nàng thấy rằng phải thảo ra một bức thư, gài làm sao cho lọt vào tay Hồ-Chí-Minh, để khi đọc xong. Hồ-Chí-Minh sẽ thả Xích-Tử về. Do đó mà có cái thư mà độc giả đã đọc ở đoạn trước, và đúng như lời Hồ-Chí-Minh đã đoán, thư viết từ năm 1948, Thu-Hương dặn bà vú điền tên ông tướng Hoa-Kỳ vào và sắp đặt gởi đi... Nàng lại quán tưởng thêm nữa, thấy rằng tuy Hồ-Chí-Minh đoán trúng một phần, song hẳn phải trật một phần, và cho rằng bức thư là một chướng do Hồ-Hữu-Tường gài để đánh mình chơi. Như thế, Hồ-Chí-Minh sẽ giận. Giận sẽ lập kế trả thù. Trả thù còn có cách trả thù sâu độc nào hơn là dán bùa cho Xích-Tử hôn mẹ, rồi thả nó hạ sơn mà tổ khổ lại cha ?

Quán trưởng đến đây, Thu-Hương gặp một cái gút. Sau khi hạ sơn, tất nhiên Xích-Tử sẽ về gặp bà vú. Bà vú sẽ thuật rằng đã làm mất tài liệu. Xích-Tử sẽ sanh nghi. Hộp tài liệu nào đã mất, hộp tài liệu nào nó ôm đây? Nó sẽ xem xét lại nét mực của các tài liệu, thấy nét mực mờ, sẽ biết là tài liệu giả. Thông minh, nó sẽ hiểu rằng nó bị «dán bùa». Rồi nó sẽ không làm theo ý muốn của Hồ-Chí-Minh mà tổ-khổ Hồ-Hữu-Tường.

Quán trưởng thêm nữa, nàng thấy rằng nếu Xích-Tử không tổ-khổ Hồ-Hữu-Tường, thì Hồ-Chí-Minh sẽ không hạ cơn giận, rồi sẽ lập tâm mà hại hai cha con. Vậy làm sao bây giờ? Nàng nhớ lại chiến lược đánh cuội mà nàng đã phác họa trong PHI-LẠC SANG TÀU, cho Mao Trường đánh cuội mà quịt nợ Hoa-Kỳ. Thì bây giờ, nàng cho hai cha con Hồ-Hữu-Tường và Xích-Tử đánh nhau chơi, công chúng ở Sài-Gòn xem cuộc đánh cuội này mê say, mà luôn tiện bịp Hồ-Chí-Minh một mách.

Quyết định như vậy, nàng bèn lập một cầm nang mà trao lại cho bà vú. Dẫn rằng, khi cái thơ gửi cho Hoa-Kỳ xong rồi, mà hề có ai bèn mắng đến dò la và ăn cắp mất hộp tài liệu đi, thì bà vú phải lập tức bán hết nhà cửa đồ đạc, mau về Huế

ăn dật mà dưỡng già. Nàng cho hết tiền bạc của cải của nàng cho bà vú, miễn là bà vú đừng cho Xích-Tử gặp bà lại, và bà vú gửi cho Hồ-Hữu-Tường một cái thư mà nàng viết sẵn từ năm 1948. Thư rằng :

Anh yêu dấu của em,

Khi anh tiếp được thư này, mười bảy năm sau khi em từ giã cõi đời, thì đứa con chung của chúng ta là Xích Tử sẽ lãnh chỉ thị đến mà « tố khổ » anh. Anh chớ nên lấy đó làm buồn. Anh nên xem đó là một dịp « MỘT THUỞ NGÀN NĂM ». Anh chớ nên cho Xích Tử biết nó là con của anh, đứa con « hòn máu bỏ rơi ». Chi vậy ? Để nó hăng hái mà chống đối anh, anh tỏ chức đánh cuội với nó, rồi anh đem tất cả sở đắc của anh mà truyền cho nó. Trong cuộc đánh cuội này, anh vì anh là con cọp già, ra mùa vô với con cọp con, là nó, để truyền những miếng độc dao cho nó. Sau mấy năm luyện tập, nó sẽ trưởng thành. Khi anh được thư này, là đầu năm 1965. Luyện tập trong năm năm, đến năm kỷ Dậu (1969) là năm lập hội Long Hoa, nó sẽ có đủ tài mà làm cái công việc mà em ước mơ cho nó là « Đòi đời mới Xích Tử ra công ».

Nếu mà nhờ anh luyện tập, mà nó « đòi đời mới » được, thì linh hồn em ngậm cười mãi mãi, nhờ rằng sự âu yếm của đôi ta không phải chỉ là một sự thỏa thích của dâm dục, lại đem một cái gì cao cả và hay ho. Chừng đó, cái mà thế gian xem là ô trọc mà không dám đem ra ca tụng trong văn chương, cái ấy sẽ thành một giá trị cho người đời nghiên ngẫm.

Hôn anh rất dài, nếu một linh hồn còn hôn người sống được.

THU HƯƠNG

HỒI THỨ NĂM

*Rời Đâu Suất, hai mươi tám hoa xuống thế,
Đến côi trần, Tiểu Phi Lạc lập công đầu.*

Đây nói về việc đã xảy ra hai mươi mốt năm về trước. Khi ấy, tại đồng sa mạc Nevada bên Hoa-Kỳ, các nhà bác học ở xứ ấy, sau ngót năm năm dò dẫm, đã chế tạo được quả bom nguyên tử đầu tiên và được lệnh Chánh phủ đem ra cho nổ thử ; thì lần thứ nhất trên quả địa cầu này, phát nổ ra một tiếng kinh hồn, ánh sáng bốc tận chín tầng mây, hóa thành hình một cái nắm không lồ lơ lửng giữa trời, phát quang tuyến đến tận cung Đâu-Suất. Ánh sáng phi thường ấy làm giật mình tất cả Tiên, Phật, Thánh ở bên ấy. Họ cùng một lượt thị kiến, thấy nếu không tìm thế mà đòi đời, thì sự xuất hiện của vô khí nguyên tử này sẽ dẫn loài người đến

chỗ tận diệt. Họ cùng hội lại, để tìm cách nào để cứu nhưn loại khỏi họa tận thế. Trong khi tìm chưa ra kế, thì có một vị tiên đưa ra cái ý kiến rằng :

— Muốn cứu thế, phải nhập thế. Nhập thế để diu dắt loài người tự cứu lấy mình. Chớ chúng ta ở mãi trên cõi trời Đâu-Suất này mà ban phép lành xuống, phép lành ta làm sao ngăn nổi làn sóng của đấu tranh, của hận thù, của ích kỷ.

Ý kiến này được tán thành. Nhưng Tiên, Phật, Thánh là những đấng hoàn toàn tự do, nên để cho mạnh ai tự tiện tìm lối nhập thế của mình, mà chẳng theo kỷ luật, qui điều nào cả. Tin các ngài nhập thế làm cho tất cả cảnh vật đều hay. Vì cảnh vật trên ấy cũng thông cảm được với lo âu của các ngài, chớ chẳng phải như cảnh vật vô tri nơi trần hạ. Do đó mà đám rừng ở sau cung Đâu-Suất cũng động, muôn cây, muôn hoa đều rung rinh để tiễn đưa các Tiên, Phật, Thánh xuống phàm. Nơi bãi cỏ kia, chỗ mà khi trước con hầu nhưn thường nơi theo để xuống suối và uống nước, có một khóm nhỏ, trồng hoa. Hoa này vốn là hoa Tiên, nở đã mấy ngàn năm mà chưa tàn, lại có linh hồn và tư tưởng. Từ khi con hầu nhưn đi đâu mất, các hoa loạn với nhau, nghi rằng nó đã xuống thế, nên nhưn dịp này, các hoa

nghĩ cũng nên yêu cầu xuống thế mà thăm nó một phen. Ý ấy vừa nảy sanh, thì các Tiên, Phật, Thánh thấy hay liền, không đợi các hoa đạo đạt. Các ngài nói :

— Âu cũng là cái nghiệp, nên các hoa mới biết động lòng. Vậy cho phép các hoa xuống trần để góp một phần nhỏ nào vào công cuộc cứu thế.

Lúc ấy, con hầu hơn đã đầu thai làm Hồ-Hữu-Tường (1) và sau bao nhiêu lận đận, bị an trí tại Cần-Thơ, nên chỉ hai mươi tám hoa hương vào vùng này, tìm những nhà có âm đức mà đầu thai vào. Chín tháng mười ngày sau, đúng lúc mà bom nguyên tử nổ ở Quang-Đảo thì cùng một lượt, hai mươi tám đứa con gái ra chào đời. Và do một sự ngẫu nhiên, cha mẹ chúng không hẹn nhau, mà thấy đều chọn tên hoa mà đặt cho chúng nó. Có những tên hai chữ, như Mẫu-Đơn, Tường-Vi, Diễm-Hà, Ngọc-Liên, Kim Cúc... Có những tên một chữ, như Hạnh, Đào, Lý, Lê... Lại cũng có những tên rất nôm như Lài, Sen Bụp. Chúng vừa sanh được một tháng, thì quân đội Pháp đánh phá vùng này tơi bời, rồi lệnh tiêu

(1) Xin xem bài *MỘT CƠN ĐIÊN* của Hồ-Hữu-Tường đã đăng trong *VĂN* số Xuân năm ất tỵ, và trong *HÒA ĐỒNG* số 6.

thỏ kháng chiến phát ra, san bằng tất cả chinh lịch, giàu nghèo, sang hèn, và xua cha mẹ chúng rày đây mai đó. Năm năm sau, các gia đình này đều không hèn mà trở về thành. Kẻ làm thợ, người làm thầy, người buôn bán để nuôi cho chúng ăn học. Chúng nó lớn lên như muôn ngàn đứa con nít khác. Chỉ có đều là chúng thông minh, dĩnh ngộ và đa cảm. Càng lên lớp, chúng điều tỏ ra có khiếu về thơ văn.

Năm mà chúng, cùng một lượt, đỗ Trung học đệ nhứt cấp và lớp Đệ Tam, thì sự ngẫu nhiên nũa, ở ban của chúng, chỉ có một mình chúng mà thôi. Giáo sư thấy ngạc nhiên, vì trong sổ chỉ có tên Hoa. Giáo sư Việt văn là ông già dựa vào sổ hai mươi tám của học trò, nên gọi lớp này là lớp «NHỊ THẬP BÁT TỨ». Như một buổi, giảng bài xong, thì còn mười lăm phút, ông mới nói :

— Lối mười năm trước đây, trên mặt báo, nhà thi sĩ Đông-Hồ và nhà văn Hồ-Hữu-Tượng có mở một mục đặt tên là mục «Nhỏ cỏ dại... cây hoa thơm» với mục đích là hiệu đính những chỗ sơ xuất trong những gì đã đọc thấy và trích dẫn những đoạn văn hay. Thi sĩ có đặt được ba câu thơ để khuyến khích bạn trẻ làm công việc « Nhỏ cỏ dại... cây hoa thơm! »

Ba câu ấy là : «Bạn hỡi ! nhờ đi chòm cỏ dại. Để gieo vào đó giống hoa thơm. Cho vườn văn Việt đầy hương sắc. . » Đặt đến đây, thi sĩ lúng ý, lúng lời, lúng vắn, nên đăng lên mà mở một cuộc thi, để chọn một câu thơ thòi, mà khi ráp vào, bài thơ được hoàn bích. Mãi mấy tháng sau, không ai gửi đến một câu nào mà tôi cho rằng xứng đáng. Nay, thấy các cô em có khiếu thơ văn, tôi thử cho các cô kiểm câu thơ thứ tư đó. Nào, các cô tìm đi !

Chưa mãn giờ, hai mươi tám nàng đều nạp câu thơ mình. Mà lạ thay, không ai dạy cho, tất cả đều giống nhau, câu ấy như vậy :

Rạng góc Tây-Đò, phức cõi Nam.

Giáo sư xem xong, lấy làm mãn nguyện. Sắc đã làm rạng góc Tây-Đò nhỏ hẹp này, mà hương tỏa làm thơm phức cõi Nam. Thật là hợp cảnh, hợp tình hợp với cao vọng của đám trẻ đang mong muốn dùng văn chương mà làm cho rạng xứ sở, cho thơm dân tộc. Từ ấy, giáo sư hết lòng chỉ dạy. Ngoài bài vở trong trường, người còn bày cách làm cho các nàng được phát triển tài hóa. Trong các cách này, giáo sư có bày ra việc, các nàng cho ra một tạp chí văn chương, xuất bản hằng tháng. Mỗi nàng viết một bài, tùy hứng, hoặc thơ, hoặc luận, hoặc

kể chuyện, hoặc tùy bút, rồi mỗi nàng tự chép tay một tập bìa cứng để cùng đọc và giữ làm kỷ niệm.

Lãnh ý ấy, các nàng thảo luận, đặt cho nhóm mình một cái tên là «TÂY-ĐỒ VĂN PHÁI». Nhưng, chọn một tên cho tạp chí, vừa nói được tôn chỉ và đường lối của nhóm, vừa tả được sự khiêm tốn của đàn mầm non vừa chớm nở, các nàng chưa biết tính làm sao. Càng khó hơn nữa là thảo cho được cái «Tuyên ngôn» của nhóm. Lúc ấy, các nàng thường tới lui nơi hiệu cho mượn sách của Xích-Tử, thấy nó tuy nhỏ hơn đến ba tuổi, nhưng năng khiếu khác thường. Bèn nảy ra cái ý là hỏi nó. Xích-Tử đáp :

— Các chị, mà cùng một lượt có cùng một lúc, một lời, để đưa ra chung một ý, thời ý ấy là một ý của thiêng liêng. Sao các chị không nhờ thiêng liêng chỉ cho ? Các chị nên cầu những Đoàn-Thị-Điễm, Hồ-Xuân-Hương, Lê-Ngọc-Hân, bà Huyện Thanh-Quan, Trương-Nguyệt-Anh... giúp các chị ý kiến.

Các nàng cho nó nói phải. Vào một tối thứ bảy, các nàng bày hương hoa mà cúng khẩn ; và trên một miếng-giấy cứng đã sẵn viết đủ mẫu tự và các dấu, hai nàng đặt tay lên một trái tim bằng gỗ và

chờ diễm lành. Hai mươi sáu linh hồn từ từ chuyển, mũi nhọn tuần tự chỉ những chữ, thành bài thơ sau đây :

Chúa thánh, bấy lâu, mãi ngóng trông.

Tiên nương ần náu chốn rừng thông.

Giáng tâm cứu thế trong muôn một :

Phàm tục lăm than đã mấy đông !

Bửu lãnh, kỳ hương, rày đã mọc.

Giang tây, dị thảo, thế chờ mong.

Thiên là nhất đại gồm chung một.

Tử ấy con tiên với cháu Rồng.

Tiếp theo bài thơ, là một đoạn văn xuôi như sau :

« Hai mươi tám hoa muốn nhờ ta cho ý. Vậy ý ấy, đã nhất trong bài thơ rồi. Nên nêu nó lên trang đầu mà làm thuyên ngôn cho văn phái. Còn tên của tạp chí, hai mươi tám hoa nên chọn là « Góp phần hương sắc ». Như vậy, độc giả thấy hiểu rằng các người chủ trương tạp chí đều thấy là hoa».

Viết xong rồi thảng. Và từ đó, cầu không được nữa. Các nàng đành giải tán. Suốt đêm, mỗi mỗi suy tư, để hiểu hết ý nghĩa của bài thơ tuyên

ngôn đó. Nhưng hãy còn thắc mắc, mà chẳng dám vào hỏi thầy, nên phái hai nàng đến hỏi Xích-Tử. Đọc xong bài thơ tiên Xích-Tử nói :

— Bài thơ này là một bài thơ khoán thủ. Bốn chữ đầu của bốn câu đầu là « Chúa Tiên giáng phàm » là bốn chữ xưng hô của bà Tiên. Chúa tiên, theo quyển *Quang-Trung* của Hoa-Băng, là tên tục mà các cung nữ triều Lê-Hiến-Tông đã dùng mà gọi Ngọc-Hân công chúa. Vậy bài thơ giáng bút này là do bà Lê-Ngọc-Hân cho. Bốn chữ đầu của bốn câu sau là « Bửu giang thiên tử », mượn ở câu sấm của Trạng-Trình « Bảo giang thiên tử xuất. Bất chiến tự nhiên thành ». Ấy là trở những người « bất chiến », những đàn bà con gái, chẳng cầm súng đạn đánh giặc được, chỉ có con đường duy nhất là dùng văn hóa mà mưu sự Trường tồn và Vinh quang cho dân tộc. Tức là bà Lê-Ngọc-Hân nói chuyện với các chị ấy.

Câu đầu rõ ý lắm. Chúa Thánh, ấy là vị đứng ra đòi đời, chấm dứt hạ ngục mà mở một thượng ngục. Công việc to tát lắm, không phải một mình mà làm được. Vì vậy mà ngóng trông người hợp tác.

Câu thứ hai trở một số người hợp tác này. Họ vốn là những bà Tiên bấy lâu nay ẩn náu ở cảnh Tiên mà tượng trưng, trong văn chương gọi là rừng thông.

Hai câu thứ ba và thứ tư rõ nghĩa. Các nàng Tiên phải xuống cứu thế trong lúc này và ở cảnh phạm tục, người ta đã lầm than lâu rồi.

Câu thứ năm nên nói rõ. Lãnh là núi có đường đi lên được. Nó thay cho chữ Sơn. Trong núi Bửu-Sơn, hoa lạ là Kỳ-Hương đã mọc rồi. Ý muốn nói lần thứ hai là vị cứu thế đã ra đời.

Câu thứ sáu nói đến các chị. Giang tây là phía tây của sông Cửu-Long, tức là vùng của chúng ta đây. Di thảo là nói khiêm tốn để trở các loài hoa tức là nói đến các chị. Các chị có sứ mạng, nên thế gian đang chờ mong đó.

Câu thứ bảy vạch cái sứ mạng ấy như thế nào, bằng cách chiết tự chữ *thiên* thành ra hai chữ *nhứt* và *dại*. Và như vậy, sứ mạng ấy là sứ mạng đại thống nhứt. Thống nhứt tôn giáo ; thống nhứt đảng phái ; thống nhứt dân tộc ; thống nhứt Đông Tây ; thống nhứt khoa học và đạo học ; thống nhứt tư tưởng ; thống nhứt chánh trị và tôn giáo... Tóm một lời, là một cuộc đại thống nhứt.

đại
vất

bác

với

bút

phầ

Và t

lên

nhót

hươ

thích

học c

lưỡi,

ở mộ

sinh t

lãnh c

và đò

N

được t

trị cũ

nàng c

này, n

Còn câu thứ tám định rõ ai là kẻ làm được việc đại thống nhất này. Đó là người Việt chúng ta, lấy văn minh của Tiên Rồng mà làm chất hàn gắn ấy.

Hai nàng nghe bàn yên lòng, đem lời ấy về mà báo cáo với chị em. Rồi suốt ba năm, song song với nhau việc học, các nàng đã điều luyện ngọn bút và đều đều mỗi tháng cho ra một số của « Góp phần hương sắc ». Năm 1962, cả thấy đều đỗ tú tài. Và mặc dầu thấy là con nhà nghèo, các nàng đều lên Sài Gòn mà ghi tên vào Đại-Học. Chừng ấy, nhóm « Tày đồ văn phái » rã. Tạp chí « Góp phần hương sắc » cũng ngừng. Ở Đại-Học, tùy theo sở thích, mỗi nàng ghi vào một ngành, kẻ học y, người học dược, người thì muốn học luật để uốn ba tấc lưỡi, kẻ lại đeo đuổi văn chương. Lại mỗi người ở một nơi, thêm, ngoài giờ học, lại còn lo mưu sinh như tìm chỗ kèm dạy học cho trẻ em, như lãnh dạy ít giờ ở tư thực, mà không gặp nhau thường và đông đủ.

Năm 1963, chế độ Ngô-Đình bị lật ngã. Báo chí được phép mọc ra như nấm, và phong trào chánh trị cũng nhộn nhịp. Tuy mới mười chín tuổi ta, các nàng đều bị lôi cuốn bởi phong trào, kẻ vào đảng này, người vào đoàn thể nọ, tư tưởng phân vân,

phiền tạp, và thường đối chọi nhau nữa. Một mặt khác, các báo tranh khách, đua nhau tranh độc giả. Mỗi tờ cả năm bảy tiểu thuyết. Tổng số, mỗi ngày, cả đến vài trăm tiểu thuyết chường mặt trước công chúng. Sự lạm phát ấy là một cơ hội cho hai mươi tám nàng trở tài. Mỗi nàng cho ra một tiểu thuyết, rồi độc giả khen chê, nhà phê bình bình bả, gây một ganh tị chẳng nhỏ trong hàng ngũ của những người vốn ở «Tây đô văn phái» mà xuấ thân. Tình trạng ấy kéo dài cả gần hai năm, càng ngày càng trầm trọng. Các nàng dăm dêm, xét nét lại, thấy có phần hối tiếc. Tưởng nhớ lúc chị em đoàn kết thân mật ở Tây đô, mà cho rằng đó là thời đại hoàng kim, là cõi Bồng lai Tiên cảnh. Còn bây giờ ngụp lặn trong cạnh tranh và tranh đấu, ganh tị và phân chia, thì chẳng khác nào lâm vào đời hạ ngục hay bị trầm luân trong phạm trần ô trọc. Nhưng không làm sao nổi, chỉ chờ và chờ. Đến nay cả thấy đều hai mươi mốt tuổi.

Đây nói về Xích-Tử, khi đọc xong hộp tài liệu do chị Tập trao cho, thì phản ứng đầu tiên là một luồng máu nóng dâng lên, một mối căm hờn đối với Hồ - Hữu - Tường phụt cháy. Nó muốn báo thù cho cha, cho mẹ, và đánh tan cái hư danh của họ Hồ. Nhưng mà trí thông minh của nó trấn tĩnh nó

liền, và trong óc, nảy sanh rất nhiều nghi vấn. Làm sao mà dì này giữ hộp tài liệu, mà bà vú chưa hề dỉ hơi với nó bao giờ? Tại sao suốt mười mấy năm nay, Tập không tới lui thăm viếng, bây giờ lại gặp nhau trong cảnh không ngờ trước được? Nó khôn ngoan không đặt những câu hỏi ấy. Bởi nghĩ rằng nếu Tập có dụng ý, thì không khi nào lại nói sự thật cho nó nghe bao giờ.

Nó xem kỹ mấy trăm trang đánh máy. Giấy tuy là giấy cũ. Song nét mực thấy tươi. Chắc chắn là tài liệu này mới làm ra, chớ không phải cũ từ khi nó mới lọt lòng mẹ. Dựa vào bề mặt ấy, nó quả quyết rằng Tập cố ý lừa nó đi vào một con đường mà cứu cánh rất rõ rệt. Cứu cánh ấy là làm cho tiêu tan uy tín của Hồ-Hữu-Tường. Tin chắc như vậy rồi, nó nghĩ. Nếu nó từ chối cái sứ mạng Tập muốn giao phó cho nó, thì chắc chắn nó sẽ không được cho ra khỏi hang đá. Tệ hơn nữa, là người ta sẽ đào luyện một thanh niên khác hơn nó, để lãnh sứ mạng nó. Rồi biết đâu thanh niên kia lại không suy nghĩ, thẳng tay mà làm thì còn gì ngọc đá? Có gì hơn là nó lãnh sứ mạng mà hạ san, rồi áp dụng chiến lược đánh cuội mà nó đã lãnh hội được trong *Phi.Lạc sang Tàu*, để nó vừa trưởng

thành mà nó vừa làm tăng thêm uy tín của nhà văn nọ.

Thái độ đã định. Song làm cách nào bây giờ? Nghĩ vắn nghĩ vơ, tim chưa ra lối, thì trời đã khuya mà nó ngủ hồi nào chẳng hay.

Nó lại thấy Thu-Hương đến. Nó mừng rỡ chạy ôm chân mẹ mà khôn ngăn sự thồn thừc. Thu-Hương nói :

— Mẹ khen con khá thông minh mà chẳng lằm vào kế, chẳng bị dán bùa. Phàm muốn xét một áng văn, người ta phải xét năm thành phần đã cơ cấu ra nó, là văn tâm, văn học, văn tứ, văn khí, văn tài. Mà nếu con đọc kỹ những tài liệu đã trao cho con, con sẽ thấy rằng nó chia ra làm nhiều đoạn, mà năm phần trên đây khác nhau hẳn. Vậy tài liệu ấy không phải do mẹ để lại cho con. Nó là thứ văn chương chỉ thị, do một mạng lệnh chung đưa ra, rồi nhiều người thừa lệnh mà làm. Tức là một tài liệu giả tạo.

Xích-Tử nói :

— Điều ấy, con đã nghi như vậy rồi, Song con hỏi mẹ một lần nữa. Cha con là ai?

— Mẹ đã nói với con rằng mẹ đã để lại cha con tài liệu. Song nay tài liệu đã mất. Âu cũng là số trời. Số trời không cho con biết cha con là ai. Thiên cơ bất khả lậu, mẹ không dám nói rõ. Vì vậy mà mẹ đến đây không phải nói cho con biết cha con là ai. Mà mẹ thấy rằng con sắp xuống núi, nên mẹ dạy con mấy điều cần biết. Mẹ mượn lời của tiền nhân mà dạy con. Khổng-Tử nói : « Ngô đạo nhất dĩ quán chi ». Mẹ cũng dạy con một câu « Nhất dĩ quán chi ». Câu ấy là « dĩ bất biến ứng vạn biến ».

Ních-Tử suy nghĩ giây lâu, hỏi :

— Chẳng hay cái bất biến của con là cái chi ?

Thu-Hương đáp :

— Độ là cái bản thể của con. Bản thể của con là ong mật ở trên cõi trời Đâu-Suất. Còn mẹ vốn là một đóa hoa Cúc là ở trên ấy. Đối với hoa cúc là mẹ cũng như đối với muôn hoa, con ong mật là con có cái tinh của đũa con đối với mẹ, vì ngày ngày con hút mật, không khác nào đũa trẻ bú vú mà trưởng thành. Nhà thơ Nguyễn-Du, khi viết câu : « Tiếc thay một đóa trà mi, con ong đã mở đường đi lối về », chỉ thấy khía cạnh khiêu dâm, mà ví bộ phận sanh dục của phụ nữ như đóa hoa,

còn bộ phận sanh dục của đàn ông như con ong » mở đường đi lối về. Hình ảnh ấy hoàn toàn sai sự thật.

« Cái hoa búp, mà nở ra, không phải do con ong. Nó nở vì hấp thụ bầm khí của thời tiết. Khi nó nở hoàn toàn rồi, tiết ra mật, con ong mới đến hút mật mà thôi. Vậy thì đối với mẹ, cũng như đối với các hoa trên Đâu Suất, con có cái tình của đũa con đối với người cho mình bú mớm. Nay xuống thế, con phải lấy cái tình ấy mà cư xử đối với hai mươi tám đóa hoa đã rời Đâu Suất mà xuống thế trước con...

Xích Tử hỏi :

— Chẳng hay hai mươi tám đóa hoa xuống thế ấy là ai ?

— Là hai mươi tám cô ở trong « Tây Đò văn phái » và trong ba năm, đã chủ trương tờ tạp chí văn chương « Góp phần hương sắc ». Khi còn ở Tây Đò, trong cảnh quê mùa, các nàng, nhớ phảng phất bản thể của mình. Song bây giờ, sống trong phồn hoa, vương mùi tục lụy, các nàng quên linh căn. Không khéo sẽ nếm mùi tân khổ. Con đã mang ơn các hoa cho mật cho con hút, nên con phải có

sứ mạng cứu rỗi các nàng, cho các nàng biết rằng vốn là hoa, việc góp phần hương sắc là dĩ nhiên, song các nàng còn có sứ mạng là cung cấp mật nữa. Và đây là cạnh khía thứ hai của bản thể của con.

— Chẳng hay cạnh khía ấy như thế nào ?

Thu-Hương đáp :

— Là con ong đi góp mật từ muôn hoa, lấy cái tinh túy của các hoa, hòa đồng lại mà luyện thành mật ong. Không có sự nghiệp nào tượng trưng được sự hòa đồng bằng sự nghiệp luyện mật của con ong. Đó là bản thể của con ong. Đó là cái bất biến để ứng với vạn biến. Mật đã là món ăn tổng hợp, mà ong ăn vào, thì mật biến thể ra thành sáp, cũng như lá dâu tằm ăn vào thì biến thể thành tơ. Sáp tượng trưng cái cạnh khía thứ ba của bản thể của con.

— Chẳng hay cạnh khía ấy như thế nào ?

Thu-Hương đáp :

— Sáp là chất mà ong dùng để xây trúc mức, làm tổ ong, chứa lại mật. Đối với loài ong, sáp có công dụng ấy. Mà đối với loài người sáp đánh dấu cho ánh sáng, cho văn minh. Loài người dùng sáp mà làm nến. Bất cứ cuộc cúng tế quan trọng nào,

người phải đốt đèn sáp lên để làm sáng rõ lòng thành của mình. Cặp vợ chồng mới cưới phải lên đèn sáp mà cầu nguyện cho bá niên giai lão. Nhà văn, đẽm thanh vắng, đốt đèn sáp lên để cầu Nàng Thơ đến mà giúp hứng cho mình. Con nên nhớ rằng, thuở xưa, cỗ nhàn dùng đá khê, đá mài, mà làm dụng cụ, mà bước qua cái văn minh đồ đồng, ấy là nhờ có sáp mà làm khuôn bằng đất, rồi rót đồng sôi vào mà có được khí cụ. Đó là thuộc về mấy mươi ngàn năm về trước. Còn bây giờ, con mang xuống thế một nếp sống.

— Chẳng hay nếp sống ấy là nếp sống nào?

Thu-Hương đáp :

Nếp sống ấy là nếp sống tập thể của loài ong mật. Đã đến lúc mà loài người, muốn trường tồn, phải lái theo hướng ấy. Từ ngày mà Thomas More vẽ ra cái xã hội tập thể không tưởng, thì tư tưởng xã hội lần lần hiện lên. Song bản tánh con người còn hiếu chiến, nên chỉ những tổ chức của họ bày ra thường nhái theo tổ chức chiến đấu của các ổ kiến, ổ mối, ổ ong vò vẽ... Cả trăm năm nay, tất cả cái gì mệnh danh « xã-hội chủ nghĩa » đều đội lốt độc tài, oai trị. Và thân phận con người trong các tổ chức ấy là mất tự do và sống trong hạn chế. Chưa

có nếp sống của loài ong mật sống trong dư dã và tự do. Con là ong mật trên cội Đâu-Suất, con xuống thế để nêu cái nếp sống ấy.

Ních-Tử suy nghĩ một chập, nói :

— Và dĩ là ong, mặc dầu là ong mật, con cũng có chút nọc. Đã đành nọc của con không độc cho bằng nọc của ong vò vẽ, của ong nghệ, của ong đất mà có thể hại người nguy được, song ai chọc con, con cũng chích cho đau sơ sơ mà giựt mình...

Thu-Hương nghe nói, cả cười mà phè bình :

— Thằng sao mà nết nó giống cha nó đáo để !

Cười rồi biến mất. Ních-Tử cựa mình, dậy, mới hay là một giấc chiêm bao. Rạng ngày, Tập hỏi nó :

— Sao ? Cháu đã suy nghĩ kỹ chưa ?

— Cháu đã suy nghĩ kỹ.

— Cháu có kế hoạch gì để báo thù cho cha mẹ cháu chưa ?

— Thưa di, vạn sự cầu bì, chỉ khiếm Đông phong.

— Đối với cháu, Đông phong là gì ?

— Là ngọn gió đưa cháu từ hang đá này đến thẳng Sài-Gòn. Rồi cháu sẽ áp dụng câu « dĩ bất biến ứng vạn biến » mà tùy cơ ứng biến.

— Cái « bất biến » của cháu là gì ?

— Là, như cha mẹ cháu đã di chúc lại trong *Phi-Lạc sang Tàu*, một cuộc « đánh cuội » thường xuyên, không ai thắng, chẳng ai thua, nhưng nội cái việc lão tướng có tên tuổi trong văn đàn mà không hơn được thằng mà nhà văn Corneille phê bình rằng « qu'on n'a jamais vu les armes à la main » (1) thì nội điều đó đã làm thẹn họ Hồ rồi...

— Hay ! Đúng như ý di muốn. Vậy cháu lên đường và chúc cháu thành công !

Rồi chị Tập ra lệnh, dắt Xích-Tử khỏi hang đá, cho liên lạc đưa đường về Châu-Đốc, mua cho cái vé lên Sài Gòn ngay. Khi tới Sài-Gòn, nó lục túi lại, chỉ có trăm đồng bạc ; sờ lại gói quần áo, chỉ có hai bộ bà ba. Đôi dép cao su đã muốn hư, mà mấy tháng nay ở hang, tóc dài chấm vai, đem lại cho nó một tiên phong đạo cốt. Ngày ấy lại cận Tết, hớt tóc, sắm đôi dép, ăn một bụng, chắc chắn sẽ gồm hết trăm bạc rồi. Trời lại sắp hoàng hôn, lại còn vẫn dề ngủ nữa ! Thịnh linh có một chiếc

(1) Chưa ai từng thấy cầm khí giới trong tay.

ò tò trò tới, bốn người bước xuống, trong ấy có một vị sồn sồn, hơi có bề ngang, trán hơi hói, vừa cười, vừa dần dần bước vào hiệu phở và nói :

— Cái nước phở Ăng-Lê của thằng cha Hồ-Hữu-Tường này tôi cũng phục. Tôi viết bài chọc lét thật đau, mấy tháng sau, chả trả lời lạnh lẽo. *Chân-trời* mình đặt vấn đề tranh biện với chả bốn lượt, chả cứ tỉnh như thường !

Cả bọn đồng cười, rồi kéo ghế ngồi. Xích-Tử sẵn bụng đói, bước vào, ngồi bên cạnh mà kêu một tô phở. Rồi day nhìn người hói trán, nó cung kính hỏi :

— Thưa bác, nghe bác nói tới tên Hồ-Hữu-Tường, cháu mạn phép hỏi bác có thể chỉ đường cho cháu đến nhà ông ấy chẳng ? Cháu chưa biết hết Sài-Gòn, không thuộc đường sá bao nhiêu, nên cháu nhờ bác chỉ cho rành.

Người hói trán hỏi :

— Cháu là ai ? mà có vẻ là một vị tu sĩ vừa xuống núi ?

— Dạ, cháu họ Lê, tên Xích-Tử, còn bạn bè cháu gọi cháu là Tiêu Phi-Lạc, vì cháu cũng có lật nói khoác, như anh mõ làng Phù-Ninh.

Bốn người nghe nói cả cười. Phở bung ra, người hỏi trán bảo đem cả năm tô mà đặt chung vào một bàn, rồi mời Xích-Tử sang qua ngồi chung, để nói chuyện cho vui. Nó thấy bắt bớ được, vui vẻ bước sang và nói tiếp :

— Mấy tháng trước, cháu ở Cần-Thơ, có đọc tờ *Chân-Trời*, nay nghe lóm câu chuyện các bác, cháu đoán rằng các bác là ở nhóm *Chân-Trời*. Nếu cháu lầm, xin bác sửa sai cho.

Người hỏi trán cười vui vẻ nói :

— Đâu có sai mà sửa ? Bác là Nguyễn Văn Đình đây, chủ nhiệm của báo ấy. Cháu muốn tìm Hồ-Hữu-Tường để làm gì ? Cháu nói nghe thông, bác sẽ đưa tận nhà chữa giùm cho.

— Không giấu gì bác, cháu muốn đến mà « hạ chiến thư » để khai một cuộc đấu tranh tư tưởng, chánh trị, văn chương với người mà các báo đăng cái danh là học giả. Cháu cũng đồng ý với danh từ ấy, nhưng chữ giả của cháu không có nghĩa là « người », mà có nghĩa là « không thiệt ».

Nghe nó nói đến đó, cả thấy bốn người đều cười rộ, khoái trá lắm. Cả thấy mời nó ăn cho mạnh, cho no đi, rồi sẽ cùng nhau đến chứng kiến

cuộc «hạ chiến thơ». Mấy tháng ở trong hang đá ăn lương khô thêm khát, nó ăn luôn hai tô phở tái và nốc cạn một cốc bia, hơi say ngà ngà, thêm hưng, nói :

— Các bác chọc lét không được, âu để cho cháu lãnh cái công việc ấy cho. Cháu có nhiều ngón chường dao để, dầu không làm cho vị học giả già ấy đau, song cũng chọc lét được.

Người hơi trán cười nói :

— Khoan đã cháu ! Gà mái chưa đẻ chớ nên cục tác. Nói khoác vừa vừa, chớ bác coi thẳng chả cũng già hàm lắm !

— Không nói khoác sao cho xứng với danh từ TIÊU PHI-LẠC ? Các bác hãy xem cháu nạp đòn đầu. Cháu mà lập được đầu công, các bác thưởng cháu cái chi ?

— Cháu mà chọc lét được, cho chả mất bình tĩnh, mà bỏ cái phốt Ăng-Lê, thì cần gì ai thưởng ? Các bác đây sẽ lăng-xê cháu trong các giới ở Sài-Gòn. Con đường danh vọng của cháu sẽ rộng thênh thang. Mà cháu có tính hớt tóc để ăn Tết không ?

— Khoan. Để gặp họ Hồ xong đã. Cần dùng cái bề ngoài của một đạo sĩ để chụp tinh thần của

đối phương. Các bác chó nên giới thiệu cháu là ai. Các bác nói cháu là một tu sĩ ở Tà-Lơn mới xuống núi...

Tiệc phở xong, người hỏi trán bao trả tiền, cả thầy lên xe lại thẳng đường Phan-Văn-Tri, số 29. Vừa trên xe bước xuống, người hỏi trán vừa cười, vừa gọi lớn trong nhà :

— Anh Tường ơi ! Chưa Tết mà chúng tôi đến xông nhà anh. Sợ ngày mồng một, mà chúng tôi đến, rồi trong năm, anh mắc vào Tru tiên trận, anh đồ thừa tại tại tôi !

Tiếng cười trong nhà đáp lại :

— Hễ có tên trong bản Phong thần của Tử-Nha, thì chẳng ai xông nhà, vẫn cứ mắc vào trận. Thôi vô đây tán dóc một bữa, gọi là làm tiệc tất niên. Ủa, sao bữa nay bộ biên tập CHÂN TRỜI lại thêm một đạo sĩ nữa ?

Cả thầy cùng vô, phân ngôi chủ khách. Đèn bật sáng, rọi rõ gương mặt của Xích Tử. Hồ Hữu Tường vừa nhìn kỹ, vừa nghe bạn nói :

— Chính vì vị đạo sĩ trẻ tuổi này, mà chúng tôi đến xông nhà anh trước Tết. Vậy tôi xin nhường

lời cho anh và đạo sĩ nói chuyện. Chúng tôi, bốn đứa, chúng tôi chỉ nghe và xem thôi.

Hồ Hữu Tường khởi sự :

— Chẳng hay đạo sĩ là ai, pháp danh gì, tu luyện ở non nào, và do duyên cớ nào đưa đây, mà lọt dưới *Chân Trời* ?

Xích Tử đằng hắng, lấy giọng, đáp :

— Bần đạo vốn họ Lê, tên Xích Tử, người mà tác giả của *Phi Lạc sang Tàu* dự tri rằng khi đời mới sẽ ra công. Pháp danh của bần đạo là « Minh Đạo giáo chủ ». Ở đây, cần phải dừng lại, đề chánh danh. Minh ở đây không phải do hai chữ nhật và nguyệt hiệp nhau mà thành, để có nghĩa là ánh sáng. Minh Đạo ở đây không có nghĩa là cái đạo sáng suốt, cái đạo mà Phật Thầy Tây An dự tri rằng sẽ tái sanh. Chữ minh, ở đây, là chữ khẩu nằm bên chữ điều, và có nghĩa là gáy. Thi « Minh Đạo » là cái đạo gáy. Nói một cách khác, ấy là đạo nói khoác. Vì lẽ ấy mà bạn của bần đạo lại đặt cho bần đạo một pháp danh khác : ấy là TIÊU PHI LẠC. Còn bần đạo tu luyện ở núi nào ? Xin đáp ngay rằng bần đạo tu ở núi Tà Lơn. Và ở đây cần phải chỉnh lại danh từ. Tà Lơn là một tiếng kép, do tiếng Miên là « tà » mà ghép với tiếng

Việt là « lân » mà người ta đọc sai là « lơ ». Trong tiếng Miên, « tà » là một đấng do người thờ phượng, cũng như tiếng Saint của Pháp, hay tiếng Thánh của Tàu. Còn trong tiếng Việt, « lân » là giống thú thuộc về loại tứ linh, mình hươu, chân ngựa, đầu có sừng ; tục truyền rằng có thánh như xuất thế, nó mới hiện ra...

Xích Tử nói đến đó, vẻ mặt nghiêm nghị. Bốn khán giả tùm tùm cười. Còn Hồ Hữu Tường vô vẻ cười hả hả, hỏi :

— Nói vậy, đạo sĩ tu ở núi Tà Lơn với mục đích để thành thánh như chẳng ?

Xích Tử ung dung đáp :

— Cuối hạ nguyên, Quỷ Vương xuất hiện, thì đời mới, phi thánh như, có ai làm nổi ?

Bốn khán giả nhin không được, cười ra tiếng. Họ Hồ cũng cười dài và hỏi :

— Nay thánh nhân xuống núi Tà Lơn, thì do duyên cớ nào đưa đây, mà lọt dưới *Chân Trời* ?

— Trời là cái không không, vô cùng, vô tận, trong ấy các cõi, các hệ, các tinh tú, các hành tinh vận chuyển. Trời làm gì mà có chân ? *Chân Trời* là cái gì mà bần đạo phải lọt xuống dưới ? Câu

hỏi này, bác học giả nên hỏi lại ông chủ nhiệm của nhà báo. Còn về phần bản đạo, bản đạo nhờ bốn vị đây dắt đường đến nhà học giả, đề « hạ chiến thư », với mục đích là khai mào một cuộc tranh đấu tư tưởng, chánh trị, văn chương, cho thỏa công tu luyện.

Hồ Hữu Tường, hết cười, đạo mạo đáp :

— Từ hai mươi lăm năm nay, tôi rời chủ nghĩa Mác — Lê, không chấp thuyết tranh đấu, mặc dầu chỉ tranh đấu bằng ý, bằng lời. Đạo sĩ muốn tranh đấu cho thỏa công tu luyện, thì nên đến báo *Chân Trời* mà « hạ chiến thư » với ông Huyết Hoa nào đó, cũng hăng say tranh đấu như đạo sĩ. Còn tôi nay mượn đường Hòa Đồng để đi đến tổng hợp. Đạo sĩ có muốn hòa đồng, mục đích đã như nhau, dầu phương tiện của đạo sĩ là có khác, vì là « gậy », vẫn có thể nói chuyện nhau được.

Cả bốn khán giả cười. Người đầu hỏi nói :

— Rồi, rồi, bị nước phớt Ấng Lê của chả rồi.

Ních Tử bị một chuởng, ớn xương sống. Song gom thần lực lại được, nó đáp :

— Chúng ta chớ nên mắc kẹt trong danh từ. Chúng ta nên vượt lên danh từ, nếu ta chấp ba

chữ « hạ chiến thơ » theo khuôn khổ cũ, mà kể chữ « hạ » là động từ, có nghĩa là đưa xuống, còn hai chữ « chiến thơ » là danh từ ghép, có nghĩa là một văn kiện để tuyên bố chiến tranh, thì « hạ chiến thơ » ấy là gài một mặt trận để tranh đấu rồi. Bây giờ, bác học giả không muốn tranh đấu, cũng được đi. Thì hai chữ « hạ chiến » ta ghép lại mà đề cao cái ý nghĩa đem thuyết chủ chiến xuống. Còn chữ « thơ » bây giờ đổi là động từ, có nghĩa là làm sách. Thì bác học giả cho tôi cộng tác với bác mà viết sách đề « hạ thuyết chủ chiến » vậy.

Dẫn không được, Hồ Hữu Tường đáp :

— Đạo sĩ này khá già mồm mép. Vừa nói đen, lại cãi ra trắng ngay ! Nhưng tôi đã có đủ bằng cứ của sự nguy hiểm rồi ! Vậy chớ đoạn sau của câu : « với mục đích là khai mào một cuộc tranh đấu tư tưởng, chính trị, văn chương, cho thỏa công tu luyện », đoạn ấy có phải nói rõ thêm là gài mặt trận để tranh đấu chăng ?

Xích Tử vỗ vế cả cười nói :

— Xin lỗi bác. Nhờ bác mất bình tĩnh, mà cháu đã lập công đầu, ăn hai tô phở tái, nốc một cốc

bia, thềm từ bến xe mà đến đây khỏi trả tiền tắc xi, lại biết được địa chỉ của bác. Số là, đến Sài Gòn cháu chỉ còn có trăm bạc. Nghe bốn bác đây bực mình về cái phốt Ấng Lê của bác, cháu lãnh cái sứ mạng chọc lét bác, cho bác rời cái phốt Ấng Lê ấy đi. Sự phản ứng của bác đã giúp cháu thành được công đầu. Vậy, trước thềm năm mới, cháu chúc năm bác mọi sự vui. Và xin lỗi các bác, cháu chẳng phải là đạo sĩ gì cả. Vậy, xin cho cháu đi hớt tóc ăn Tết, kéo trê.

Nói rồi, gói gói đồ lại, bước ra ngoài.

Đây nói về tướng Westmoreland, mấy tháng trước đây, khi tiếp được cái thơ nặc danh của nhà địa lý nào đó, thì cho rằng chẳng có giá trị gì cả, nhưng rồi lần lượt, các cơ quan nọp về cái thông cáo của một nhóm thầy địa lý khác, thì một chút hoài nghi đặt ra trong đầu óc người. Có lẽ việc ếm mồ mả cũng có ảnh hưởng gì, nên người Việt mới xem là trọng đại như vậy. Bèn hạ lệnh cho các nhân viên tình báo CIA tìm mời cho được Lê Xích Tử, để hỏi xem cách ếm mả cách nào mà đòi giá cáo đến trăm triệu đô la. Các nhân viên tình báo điền tra khắp nơi, chẳng biết Lê Xích Tử là ai cả.

Những tinh báo này thấy đều có máy tối tân để thâu thanh. Hai người nói chuyện nhỏ nhỏ với nhau, máy đặt cách xa cả một hai ngàn thước, vẫn thâu được, và tất cả nhà người nào đáng để ý thấy đều có máy này đặt ở xa xa đó, để thâu và ghi tất cả cuộc chuyện văn, để cho ban tinh báo nghiên cứu và theo dõi. Ngày 30 Tết, cái máy thâu thanh đặt ở đường Phan văn Trị đã ghi rõ cuộc nói chuyện đã xảy ra trong nhà họ Hồ. Nhân viên tinh báo nghe có tên Lê Xích Tử, lật đặt điện thoại báo cáo cho thượng cấp hay. Lập tức, một ban đặc biệt được cử đến rình trước nhà họ Hồ. Hễ Xích Tử bước ra, thì phải làm sao mà « mời » cho được. Vì vậy mà trong khi năm người ngồi trong nhà, Xích Tử vừa bước ra khỏi cửa, thì bị xô ép vào một chiếc xe hơi Hoa Kỳ, bị kẹp vào giữa hai nhân viên, và xe rồ máy, mở tốc lực mà chạy phăng phăng. Xe quanh qua, lộn lại, trải qua đường, đồng đảo có, tối om có, Xích Tử không rõ là đi đâu. Đến một khu yên tĩnh kia, xe queo vào một ngõ hẻm và ngừng lại một biệt thự to. Một nhân viên bước xuống, cúi đầu chào và mời Xích Tử bước theo mình. Trong biệt thự, một người Hoa Kỳ ra đón chào và nói bằng tiếng Việt, với một giọng thật đúng :

— Chúng tôi biết ông hết tiền, không chỗ nghỉ, không hạn bè dùm bọc ở Sài Gòn, để ăn mấy ngày Tết. Vậy chúng tôi mời ông đến đây để sống mấy ngày Tết với chúng tôi cho vui. Ông chưa hớt tóc, ông không có quần áo để đổi thay. Không hại gì. Thọ hớt tóc sẽ tới đây mà hớt cho ông. Người ta sẽ đem quần áo mời lại cho ông thay đổi. Ông sẽ tắm cho khỏe, sau một ngày mệt mỏi. Trong tủ, có đủ thức ăn, tự tiện ông dùng. Nơi phòng viết, có đủ báo Xuân cho ông đọc. Tôi chỉ yêu cầu ông đừng bước ra ngoài biệt thự mà thôi.

Xích Tử thấy mình mắc kẹt, chẳng biết làm sao. Găm số phận oái oăm, mới bị nhốt trong hang đá dày, kể bị cầm nơi biệt thự. Khác có điều là trong hang đá thì ăn cơm khô, uống nước lạnh nằm trên đá, chẳng có mền. Còn nơi biệt thự đây, thì thức ăn, thức uống dồi dào và sang trọng, nệm cao, mền ấm, tiện nghi chẳng thiếu món chi. Một chiếc xe đến. Một sĩ quan bước vào với một người lính xách va li. Sĩ quan đo ni tắc của Xích Tử, vẽ vòng bàn chân, trong lúc người lính mở va li bày đồ hớt tóc ra mà hớt cho nó. Sĩ quan lại gọi điện thoại mà nói chuyện. Khi nó hớt tóc xong, thì một chiếc xe khác đến, nấp một cái va li to, đầy ấm áp quần áo may sẵn, nào vớ, nào sơ mi,

nào đồ Tây, nào đồ mát, nào cả vạt, chẳng sót
dầu thơm, đồ dùng để súc miệng, rửa mặt, sửa
soan móng tay. Xích Tử tắm, thay đồ mát xong,
bước ra thì thấy bày nơi bàn một tiệc ê hề.
Người Hoa Kỳ mời nó ngồi đối diện, cùng ăn.
Và nói :

— Ông Lê Xích Tử, tôi xin giới thiệu tôi là
Thompson, một sử gia Hoa Kỳ. Cách đây vài
tháng, tướng Westmoreland có được một bức thư
của một thầy địa lý, trong thư có nói tới ông.
Khi dùng cơm xong, ông sẽ đọc cái thư ấy. Tướng
Westmoreland không tin lý thuyết của thầy địa lý
nọ. Từ ấy, mỗi lần bắn chết một Việt Cộng, thì
tìm được trong túi của tử thi một cái thông cáo.
Ông sẽ đọc cái thông cáo ấy nữa. Hai tài liệu này
đặt cho bộ tham mưu Hoa Kỳ một câu hỏi « Việc
mồ mả mà khoa học địa lý đề cập đến, có ảnh
hưởng chi đến lịch sử chăng ? » Các tướng chỉ có
học về quân sự, không làm sao trả lời câu hỏi đó.
Sân tôi là một sử gia, bộ tham mưu Hoa Kỳ có
hỏi ý tôi. Nhưng tôi học theo khoa sử của Tây
Phương, tôi cũng không biết nốt. Tôi cũng không
dám võ đoán ma quỷ nhận một khoa mà tôi chưa
từng nghe tới bao giờ. Nên tôi đề nghị tìm ông,
mời ông đến đây ăn mấy ngày Tết với tôi, để
chúng ta nói chuyện...

Xích Tử không đáp ngay. Mặc dầu đã lót lòng bằng hai tô phở rồi, song vẫn thấy còn đói, nên lo hưởng. Chốc chốc, nó liếc nhìn Thompson, để xem trên nét mặt có lộ ý gì. Thompson tiếp :

— Chẳng hay ông Lê Xích Tử năm nay niên kỷ được bao nhiêu ?

Xích Tử nuốt một miếng thịt cừu xong, đáp :

— Tôi sanh cuối năm 1948. Nay chỉ hơn mười sáu tuổi mấy tháng.

— Ông học đến trình độ nào ?

— Cái học của tôi có ba thứ nguyên. Chẳng hay ông muốn biết theo thứ nguyên nào ?

Thompson lấy làm lạ hỏi :

— Lại có ba thứ nguyên trong sự học sao ?

— Phải, thứ nguyên thứ nhất là cái học «hữu sự», học ở nhà trường, theo chương trình và có thầy. Theo thứ nguyên này, thì tôi chỉ vừa thi đỗ Tú tài, mà vì lộn lộn, nên chưa vào Đại học. Thứ nguyên thứ hai, là học ngoài nhà trường, không bó mình theo chương trình nào, mà chẳng theo một ông thầy đàn dặt ; lại thâu thập tinh hoa của bá gia chư tử về mà làm sở đắc của mình. Ấy là cái học «siêu sự».

Thompson hỏi :

— Theo thư nguyên này, cái học của ông đã được bao nhiêu ?

— Tôi biết đọc và ham đọc từ hồi năm tuổi, sách mỏng, mỗi ngày đọc hai quyển, sách dày hai ba ngày đọc một. Kể trung bình, nên lấy mỗi ngày một quyển thôi, thì một năm, đọc được ba trăm sáu mươi quyển ; mười một năm nay, tôi đọc chỉ non non bốn ngàn quyển sách mà thôi. Nhiều quyển chỉ lập lại tư tưởng của người khác. Lắm quyển không có tư tưởng nào sâu sắc. Lọc lại, trong bốn ngàn quyển đã đọc, nên kể còn chừng một trăm quyển có giá trị mà thôi. Thâu thập tinh hoa của trăm quyển này, là cớ sở đặc của tôi.

— Còn theo thư nguyên thứ ba ?

— Thư nguyên thứ ba là thư nguyên của kẻ học cái học «vô sư», chẳng cần thầy, vượt các sách. Ấy là cái học của Hạng Thác, người thần đồng đã đặt những câu hỏi đến Khổng Tử mà đáp còn không nổi. Ấy là cái học của Cam La, mới mười hai tuổi đã có tài kinh bang.

— Theo thư nguyên này, sở học của ông đã đến đâu ?

Xích Tử cười hả hả và đáp rằng :

Muốn biết Xích Tử đáp ra thế nào, xin xem hồi sau phân giải.

HỒI THƯ SÁU

*Tinh cái nhiên, định Hồ thiết giả
Bàn bút nghiệp, vèn trận Tru tiên.*

Đây nói về Xích Tử, khi nghe sử gia Thompson hỏi nó xem, theo cái thứ nguyên của cái học «vô sử», sử học của nó đã đến đâu, thì cười hả hả. Và đáp rằng :

— Ông muốn khảo cứu về sử ở phương Đông, mà không thăm nhuần tinh thần của người phương Đông, thì làm sao mà hiểu được tâm lý và động tác của những người làm ra sử ? Phàm cái gì của phương Đông, như là của Tàu, càng hơn nữa là của Việt, thì là mưu kế, chước, thuật, gian, xảo. Do đó, mà Tôn Tử đặt cái nguyên tắc căn bản là «tri bỉ, tri kỷ». Tri bỉ, ấy là tìm hiểu cho xác những mưu, kế, chước, thuật, gian, xảo

của đối phương để tìm những mưu, kế, chước, thuật, gian, xảo hầu đối phó lại. Do cái nguyên tắc tri bỉ này, mà rút ra một nguyên tắc khác là «tàng ẩn», nghĩa là cố giấu thật kỹ, thật nhem, chi, tài, đức của mình, không để cho đối phương thấy được. Ông có đọc *Tam Quốc Chí* chẳng ?

Thompson đáp :

— Có. Nhưng ông muốn nhắc về đoạn nào ?

— Tôi muốn nhắc lại đoạn mà Lưu Bị uống rượu với Tào Tháo. Lưu Bị muốn áp dụng nguyên tắc «tàng ẩn», dấu không cho Tào Tháo biết mình là kẻ «chung hoài đại chí, phúc hữu lương mưu, bao tàng võ trụ chi cơ, thôn thổ thiên địa chi khí». Thế mà bị Tào Tháo biết được gan ruột, thốt ra câu «anh hùng trong thiên hạ, chỉ có sừ quán với Tháo mà thôi». Muốn «tàng ẩn», mà Lưu Bị bị lật tẩy, Bị hoảng hốt, rụng rời, đánh rơi dũa.

Thompson hỏi :

— Ông Nich-Tử nói về cách xử thế của người phương Đông như vậy, có mục đích chi ?

— Có chứ ? Tôi hết tiền, không chỗ nương tựa. Được ông mời đến đây mà qua một cái Tết trong đời dào. Tôi cảm ơn ông, mà vi phạm đến

nguyên tắc «tàng ẩn» đến hai lượt, và nói đến cái học «hữu sư» và cái học «siêu sư» của tôi. Như vậy là đền ơn cho ông quá xứng đáng rồi. Lẽ nào còn khoe khoang, khoác lác, mà vạch cho ông thấy cái sở học của tôi trong thư nguyên «vô sư»? Tôi nào phải nạp đơn xin sở làm với ông đâu mà phải kê khai học lực cho đầy đủ để mong có đồng lương cao?

Bữa ăn vừa xong, Thompson mời Xích Tử uống cà phê, đưa hai tài liệu cho nó đọc và nói:

— Xin ông đọc tài liệu này. Tôi sẽ cắt nghĩa vì sao tôi phải cẩn thận điều tra về học lực của ông.

Xích Tử tiếp lấy đọc. Vừa thấy nó đọc xong, Thompson tiếp:

— Ông thấy trong bức thư của thầy địa lý, có đánh giá sự ếm mờ của cụ phó bảng Huy là một triệu đô la. Ông nghĩ coi. Tôi dày phải mài miệt ở nhà trường, đến hai mươi tám tuổi mới đỗ bằng Tiến sĩ, sáng tác ba bộ sách dạy về lịch sử, mà lương mỗi tháng chỉ có một ngàn đô la thôi. Cho tôi làm việc ba mươi năm rồi hưu trí, tôi lãnh vốn vện có ba trăm sáu chục ngàn đô la.

Cộng với tiền hưu trí, cao lắm là trọn đời tôi, tôi lãnh nửa triệu. Tôi không hiểu học lực ông thế nào, mà chỉ có làm một công tác nhỏ, ông lại đòi đến một trăm triệu đô la.

Xích Tử cười hả hả đáp :

— Ông thầy địa lý này là một ông nhà quê, thứ nhà quê ở vùng Nam Định, Thái Bình di cư vào, tưởng đâu một trăm triệu đô la là lớn, và suy bụng ta ra bụng người, viết bương rằng tôi đòi số ấy. Tôi nào có ra giá như vậy bao giờ?

— Vậy chờ ông đánh giá là bao nhiêu?

— Câu chuyện này dài lắm. Và lại với đầu óc tinh toán của ta, ta tinh không nổi. Vậy ta đi ngủ cho khoẻ. Ngày mai, ông đem lại một cái máy tính điện tử tối tân, để mỗi lúc cần, máy cung cấp cho ta những con số. Rồi dựa vào những con số ấy, ta nói chuyện.

Thompson đồng ý, bai bai Xích Tử, rồi ra về.

Đây nói về tại nhà Hồ Hữu Tường, khi Xích Tử bước ra chừng năm phút, thì từ ngoài có hòn sỏi ném vào, ở ngoài có bọc một miếng giấy. Lượm giấy mà xem, thì có mấy giòng sau đây :

«Xích Tử vừa bị hãm vào Tru tiên trận. Cần tìm biện pháp để cứu nó.— Chị Tập».

Người hỏi trán hỏi :

— Chị Tập là ai ?

Họ Hồ đáp :

— Là nhân vật tưởng tượng mà tôi xây dựng trong tiểu thuyết đề tượng trưng cho hành động bằng quân sự. Từ khi tôi ra tù đến bây giờ, họ dùng tên ấy mà ký, để thỉnh thoảng ném giấy vào nhà tôi. Chị Tập là «họ» vậy. Nay họ mách cho tôi hay rằng Xích Tử bị hãm vào Tru tiên trận.

— Lại còn Tru tiên trận nào nữa ? Trận này có giống như trận mà mấy tháng trước, anh đã mách trên báo chẳng ?

— Họ nói là Tru tiên trận, nhưng nào tôi có biết là gì, mà bảo giống hay không giống ? Đề tôi quán tưởng mà chiếm một quẻ.

— Anh chiếm quẻ gì ? Quẻ Tiên Thiên của Phục-Hi, quẻ Hậu thiên của Văn-Vương, hay Trung Thiên của nhà chi sĩ cách mạng ta là Trần-Cao-Vân ?

— Ấy chết : Trước thềm năm mới, đừng có nhắc tới cái quẻ Trung Thiên của Trần-Cao-Vân mà có hương bây giờ ! Bởi Trần-Cao-Vân bói theo quẻ Trung Thiên, nên loạn trật, mà cuộc bạo động

năm 1916 tổ chức hỏng rồi, mà không đoán được, nên thất bại. Vua Duy-Tân bị truất ngôi và đày đi đảo Réunion, còn Trần-Cao-Vân bị chặt đầu ! Tôi có nhạp mang án tử hình rồi, nay nghe nhắc lời quẻ Trung Thiên mà ớn ớn cổ !

Cả bọn đồng cười xòa. Á-Trình, với giọng người Bắc, hỏi :

— Chẳng bói quẻ Tiên Thiên, chẳng bói quẻ Hậu Thiên, chẳng bói quẻ Trung Thiên, vậy chớ lão tổ của đạo nói khoác bói quẻ gì ?

Hồ-Hữu-Tường đạo mạo đáp :

— Tôi bói quẻ Thông Thiên !

— Lại là cái gì nữa đó ?

— Có gì mới đâu, mà anh làm lạ hỏi. Mục đích của tất cả khoa bói là hỏi mệnh của trời đất, thông cảm với huyền vi. Còn mai rùa, cỏ thi, bói bài, bói xác cà-phê... thấy thấy đều là phương tiện, Tiên Thiên, Hậu Thiên, Trung Thiên gì, thấy là phương tiện. Chấp cái phương tiện mà xao lãng mục đích ấy là lạc đường. Còn tôi nắm giữ cái mục đích, là thông cảm với huyền vi, ấy tôi bói quẻ Thông Thiên đó.

Á-Trình chúm chím cười, hỏi :

— Quẻ Thông Thiên này có từ đời nào ?

— Nó có từ muôn thuở. Nhưng có bằng chứng ghi vào sách vở, thì Jésus đã biết dùng rồi !

Cả thầy cùng cười to và người hỏi trán hỏi :

— Anh dựa vào sử liệu nào mà quả quyết như vậy ?

Hồ-Hữu-Tường hàm tiếu đáp :

— Hồi chín, mười tuổi, tôi đọc Kinh Thánh, đến đoạn quần chúng vây ả giang hồ đòi đánh đập nàng, thì Jésus lúng túng không biết xử trí làm sao mà cứu nàng. Người bèn ngồi xuống, lấy tay quẹt quẹt trên đất mà bói một quẻ « Thông Thiên », tức là làm cái việc mà khoa học ngày nay gọi là viết « écriture automatique » (viết tự động). Ông trên cho đức Chúa Thánh Thần diu dắt tay người, mà vẽ đường cho người làm theo. Người đọc xong, đứng vậy nói : « Ai là kẻ chưa từng làm lỗi lầm nào, là kẻ mới nên ném đá vào người của nàng ấy ». Câu nói lịch sử này, Kinh Thánh còn ghi, nay dịch ra mấy trăm thứ tiếng, cả nhân loại ai cũng biết. Đó là sử liệu làm bằng cho điều tôi quả quyết rằng gần hai ngàn năm trước đây, đã có người biết quẻ Thông Thiên.

— Thôi cha nội ơi ! Nói dóc, dầu có sách, cũng dóc vừa vừa. Hãy chứng minh bằng việc làm, rằng anh bói quẻ Thông Thiên được !

Hồ-Hữu-Tường bèn chia tay lên bàn, bốn ngón nắm lại, chỉ có ngón trỏ đưa thẳng ra. Chỉ trong năm phút, bàn tay động, run, rồi ngón trỏ chạy nhanh lên bàn viết bài thơ chữ 'sau đây :

Gia nội khởi can qua :

Thâm tình trá bất hòa.

Châu y lâm nhật nguyệt,

Thủy giác tiểu ha ha !

Á-Trình vỗ tay cười lớn. Mấy người kia ngạc nhiên hỏi :

— Cái gì mà anh cười dữ vậy ?

Á-Trình cười đã, đáp :

— Đề tôi bàn bốn câu thơ ấy cho anh nghe. « Gia nội khởi can qua » có nghĩa là trong một nhà mà khởi lên việc chống chọi, đánh nhau. Gia đình này là gia đình nào ? Ấy là gia đình nói khoác của lão tổ là Hồ tiên sinh và thằng Xích-Tử vừa đi mất đó. « Thâm tình trá bất hòa ». Thâm tình là tình sâu giữa cha con. Lão tổ ta và thằng Xích-Tử

có tình sâu của cha con, mà giả là chẳng hòa nhau. Tức là nói hai người đánh cuội, mà bịp bộn mình, là bộn khán giả. « Châu y » là kẻ mặc áo đỏ. Đời xưa, khi lâm triều, linh hầu là bộn mặc áo đỏ. Còn vua thì mặc áo vàng. « Lâm nhựt nguyệt » là lên ngôi ngai vua, vì ngai vua có chạm hai bên hai chữ nhựt nguyệt. Lên ngai vua, đáng lẽ là người mặc áo vàng, nhưng ở đây, lại là thằng linh hầu mặc áo đỏ. Đó là cái tượng nói rằng trong trận đánh cuội này, lão tổ ta thua, mà thằng Xích-Tử thắng. Bởi vậy cho nên « thủy giác tiểu ha ha ». Tức cười lắm !

Cả bộn cùng cười. Người đầu hỏi nói :

— Thôi chúng ta về lo sửa soạn làm lễ giao thừa ! Hễ đánh cuội, thì phải hai người. Chớ có một mình ảnh ở trên sân khấu, xem chán lắm.

Nói rồi bốn người cùng ra xe mà đi. Có hay đâu những lời nói đùa giỡn tất niên của mình bị máy ghi âm của CIA đặt gần thu hút hết. Nhân viên đặc biệt phụ trách nghiên cứu, khi đem các lời qua tiếng lại mà phân tích, chẳng hiểu các người đối thoại muốn nói gì. Rồi sự nhớ lại mấy tờ thông cáo đã tìm thấy trong túi của những Cộng sản bị bắn chết. Lúc trước nhân viên này

cho rằng tờ thông cáo này chỉ là một tài liệu do Cộng sản tạo ra để bêu xấu cho Hồ-Hữu-Tường thôi, và chẳng có công dụng gì khác. Nhưng, nay lại có những ngẫu nhiên kỳ lạ. Cùng chung một vấn đề phản khoa học là vấn đề địa lý, hai cái tên là Lê-Xích-Tử và Hồ-Hữu-Tường lại gặp gỡ nhau. Hồ-Hữu-Tường có bề ngoài là một nhà khoa học. Nhưng biết đâu hẳn ta lại rành về những khoa học bí truyền, như khoa địa lý? Bằng cứ là hẳn biết bói theo quẻ Thông Thiên! Bằng cứ là hẳn đề cập đến Tru tiên trận! Những hoài nghi ấy làm cho nhân viên nọ khó thể bỏ qua, bèn điện thoại lên thượng cấp. Khi Thompson rời Xích-Tử về tới nhà, thì được điện thoại cho biết những thắc mắc của CIA về vấn đề của Hồ-Hữu-Tường. Thompson đáp:

— Lẽ tất nhiên là cần nói chuyện với họ Hồ. Nhưng người này ai cũng biết, ta chớ nên làm ngang mà náo động dư luận. Và lại hẳn với tôi là chỗ quen biết. Để sáng mai, tôi đích thân đến nhà hẳn mà chúc Tết, rồi tôi mời hẳn đi chơi một vòng, dắt hẳn đi gặp Xích-Tử, cho hai bên đấu lý nhau. Tôi ở giữa ngồi nghe, ắt rút nhiều điều hay. Ngao cò tranh nhau, tôi làm ông câu, tôi đoạt lợi.

Mồng một Tết, vừa sáng sớm, Hồ-Hữu-Tường

vừa thay đồ xong, chưa kịp điềm tâm, thì có Thompson đến xông nhà, vừa cười vừa nói :

— Mừng một Tết mà Hoa-Kỳ đến xông nhà ông thì không cần nói ra, ấy là đã chúc cho ông phát tài. Và tôi sợ dĩ đến sớm, là vì muốn mời ông đi dùng điềm tâm mà nói chuyện đầu năm. Xin ông dặn người nhà chớ chờ ông dùng cơm trưa.

Họ Hồ sửa soạn cùng đi. Thompson lái xe đến chỗ giam lỏng Xích-Tử, chào hỏi xong xuôi, phân ngôi, vừa dùng điềm tâm, vừa nói chuyện. Họ Hồ nói :

— Cậu em này hôm qua ở nhà tôi, vùng biển mất. Sao lại mắc kẹt vào Tru tiên trận này ?

Xích-Tử cười đáp :

— Đó là một cái biển nhỏ trong nghề nghiệp, đối với cháu. Còn đối với bác, ấy là cái bút nghiệp.

Thompson cười mím chi hỏi :

— Đạo Phật nói có ba nghiệp là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Nay ông Xích-Tử thêm cái bút nghiệp nữa. Chẳng hay cái bút nghiệp ấy là cái gì ?

Xích-Tử cười ngon lành đáp.

— Vốn bác mang danh họ Hồ đây, và tôi xin nhấn mạnh rằng tôi gọi bác mang danh họ Hồ, để phân biệt với bác Hồ ngoài Bắc...

Thompson chận ngang hỏi :

— Tại sao có chuyện kỳ quái ấy ? Bấy lâu nay tôi cứ tưởng ông Hồ-Hữu-Tường đây là họ Hồ thật, họ Hồ do ông cha truyền lại và có ghi vào khai sanh. Và tôi cũng đinh ninh là Hồ-Chí-Minh ngoài Bắc là họ Hồ giả, bởi ông ta là con của phó bảng Nguyễn-Sinh-Huy, tên thật là Nguyễn-Tất-Thành chứ !

Xích Tử lại cười dòn nữa và đáp :

— Xin lỗi sử gia, cái hiểu biết của sử gia ấy chỉ là cái biết phiến diện. Đã đành bác đây có tờ khai sanh là họ Hồ, song ông nội của bác, là Hồ Văn Điều, là một người con nuôi, do một người đàn bà không rõ tên họ, âm lại mà cho ông Hồ Văn Phi. Vậy, họ Hồ của ông Hồ Văn Điều là một họ mượn, có chắc gì chính là họ của thân sinh ra ông ? Họ của ông Hồ Văn Điều không chắc là họ Hồ thì họ của người cháu nội là Hồ Hữu Tường làm sao chắc là họ Hồ được ? Vì vậy mà tôi nói rằng ông mang danh họ Hồ, là tôi đứng trên lập trường vững chắc của khoa học, chẳng hay bác Hồ Hữu Tường nghĩ sao ?

Thompson chồm chim nhìn họ Hồ nhỏ râu dưới cằm, một chặp lâu rồi họ Hồ mới đáp :

— Cái logique của câu thật quả khít khao. Nhưng biết đâu chừng lời của người đàn bà cho con là lời thật ?

Xích Tử đáp :

— Chúng ta sống trong thời khoa học. Việc nào ta suy luận không nổi, ta nhờ máy tính điện tử. Đối với vấn đề họ của ông Điều, chúng ta có thể lập nhiều thuyết giả. Giả thuyết thứ nhất, là ông Điều không phải là họ Hồ, mà là họ Đỗ, họ Lê, họ Đoàn, họ Nguyễn gì đó. Nhưng người đàn bà âm lại cho, thấy ông Phi là họ Hồ, mà muốn cho ông Phi cùng con mình, nên nói là họ Hồ. Bởi vì có là họ Hồ, hay không phải là họ Hồ, đứa nhỏ sẽ cũng lấy họ Hồ... Còn giả thuyết thứ hai dựa nơi cái huyền thoại của thầy Quảng, gần trăm năm sau, mới nều ra rằng ông Điều là con của Hồ Quang Thiệu. Hoặ giả, thầy Quảng nói một sự thật, mà không thêu dệt. Hoặ giả thầy Quảng làm như Bạch Liên giáo hồi xưa bên Tàu, muốn kết tinh phong trào phản Thanh phục Minh, mà đem một đứa nhỏ là Vương Phát Sanh mà rêu truyền là họ Châu, con cháu của Châu Nguyên Chương là

người sáng lập nhà Minh. Đến như việc Hồ Quang Thiệu, thi hoặc giả là Hồ Quang Thiệu này là con đẻ của Quang Trung và Ngọc Hân, hoặc giả Quang Thiệu thiệt đã chết, rồi bốn mươi mấy năm sau, có người đặt ra cái huyền thoại để bịp thế như chơi... Ngần ấy giả thuyết, ông sử gia chịu khó nhờ máy tính điện tử toán ra coi số cái nhiên (probabilité) của sự bác Hồ Hữu Tường thật sự là họ Hồ được bao nhiêu ?

Thompson gật đầu cho là có lý. Rồi rời ghế, lại máy tính điện tử mà bấm nút cho máy chạy. Trong khoảnh khắc, từ trong máy lọt ra một tấm giấy cứng, ghi con số : 0, 05. Thompson cầm đưa cho Hồ Hữu Tường và Xích Tử xem và nói :

— Số cái nhiên chỉ có năm phần trăm. Nói một cách khác, ông bạn tôi là Hồ Hữu Tường đây, đến chín mươi lăm phần trăm, là họ Hồ giả. Còn chỉ có năm phần trăm là họ Hồ thiệt.

Hồ Hữu Tường bị Xích Tử đánh bằng một chưởng nguyên tử, nghe ớn xương sống. Xích Tử thấy họ Hồ méo mặt, bồi thêm một chưởng nữa rằng :

— Hồ Hữu Tường, như máy tính điện tử vừa chứng minh, chỉ có số cái nhiên là năm phần trăm

là họ Hồ thiệt. Còn Hồ Chí Minh ngoài Bắc kia, mới thiệt là họ Hồ, với số cái nhiên một trăm phần trăm.

Thompson nghe, rất hào hứng nói :

— Bây giờ, tôi chờ cho ông Xích Tử giải cho tôi nghe về chỗ ấy !

Xích Tử nói :

— Điều này, không cần phải chứng minh bằng máy tính điện tử. Nguyên từ đời Ngũ Quý, bèn Tàu loạn lạc, Hồ Hưng Dật sang qua ở Nghệ An. Gần năm trăm năm sau, con cháu họ Hồ rất đông ở vùng này. Một người con họ Hồ vào làm con nuôi cho họ Lê, trong con cháu có Lê Quý Li lên làm vua, cải họ lại và là Hồ Quý Li. Mấy trăm năm sau nữa, trong lúc Trịnh Nguyễn phân tranh, một số người họ Hồ bị bắt dời vào Qui Nhơn. Rồi mấy trăm năm sau nữa, có một đám anh em họ Hồ dấy nghĩa ở ấp Tây Sơn, nhưng cải họ lại làm họ Nguyễn. Ấy là ba anh em Nhạc, Huệ, Lữ.

Thompson chận ngang hỏi :

— Vì sao họ cải họ như vậy ?

Xích Tử đáp :

— Ông hãy lấy giấy mà ghi câu hỏi đó, dành sau sẽ hỏi. Bây giờ, để tôi nói một mạch cho xuôi dòng tư tưởng của tôi. Cũng trong thời ấy, ở đất Nghệ An, trong đám hậu duệ của Hồ Hưng Dật, có một người tên là Hồ Sĩ Qui. Người này, cũng như phần đông của con cháu Hưng Dật, có tư chất thông minh, nên học giỏi, và lớn lên, sống bằng cái nghề đã làm rạng rỡ danh tiếng của tỉnh Nghệ An, là nghề làm ông đồ. Trong khi đọc sách để chuẩn bị đi thi, thì Sĩ Qui đi dạy học ở phủ Vĩnh Tường. Trong nhà quan phủ có đứa con gái tuổi đã cập kê, nên quan phủ không cho Sĩ Qui trà trộn vào tư thất mà tổn thương tới gia phong, nên để cho ông đồ ta mở lớp ngoài hành lang, trước nhà môn. Một hôm, vào lúc trưa, học trò thầy về nhà ăn cơm, ông đồ ngồi một mình mà ngó mông. Tiều thơ của quan phủ thấy vắng người, bèn ra trước sân, mà ngắm sen mọc ở trong hồ. Thấy có hoa đẹp, nàng bước vào hồ mà hái. Bởi sợ ướt váy, vì thời ấy đàn bà con gái Việt không mặc quần như bây giờ, mà thầy mặc váy, nên nàng xắn váy lên khỏi gối. Ông đồ nhìn lên mặt nước, mặt nước phẳng lặng, phản chiếu cho ông đồ ta thấy cái ấy ấy ấy ở trong váy của nàng, bèn tức cảnh sanh tình, mà đặt hai câu thơ chữ sau đây :

« Phong tiền, lạn mạn, hoa sanh sắc ; Thủy diện, vi mang, bạng thổ thần ».

Thompson chặn ngang bằng một cái dĩa, còn họ Hồ ngồi cười chúm chim. Thompson hỏi :

— Hai câu thơ chữ này nghĩa làm sao ?

Xích Tử cười đáp :

— Từng tuổi tôi, tôi chỉ cắt nghĩa được nghĩa đen. Nghĩa ấy là : « trước gió sắc sỡ, hoa sanh màu sắc. Trên mặt nước mờ mờ, con trai thè lưỡi ra ». Còn nghĩa bóng của nó làm sao, có lẽ ông phải nhờ học giả họ Hồ cắt nghĩa.

Bị gài vào cái thế chằng dặng dưng, họ Hồ nổi dóa, mà không thể chối rằng không biết, nên nói :

— Câu trước, mượn ý tả hoa sen phơi màu sắc trước gió, mà tả cái đẹp của gương mặt của tiểu thơ. Còn câu dưới, nói rằng dưới nước chập chờn thấy con trai thè lưỡi, ấy là tả... Khó nói quá. Họa may, ở xứ ông, có bác sĩ Kinsey mới dám nói trắng trợn.

Thompson cười to lên, nói :

— Tôi hiểu rồi ! Lạ là bác sĩ Kinsey mới dám nói ! Ông đã muốn tả cái ấy ấy ấy giấu dưới váy của cô tiểu thơ. Rồi sao nữa ?

Xích Tử tiếp :

— Đặt được hai câu thơ, ông đồ lấy làm thích, bèn lấy giấy bút mà viết rồi dán lên vách, với dụng ý cho tiểu thơ đọc thấy. Quả nhiên khi hái hoa xong, tiểu thơ bước khỏi hồ để vào trong, thì chợt nhìn thấy hai câu thơ, đọc xong, hiểu rằng ông đồ ta có máu 35.

Thompson chận ngang hỏi :

— Trong y học, có thứ máu nào mà có số là ba mươi lăm ?

Nhìn cười không được, Hồ Hữu Tường bụm miệng cười cho đã, rồi cắt nghĩa :

— Tiếng Việt tế nhị lắm ! Bởi vậy cho nên ông Lê Ngọc Tru dựa vào đủ thứ tự điển, từ nguyên, mà suốt mấy năm nay, làm không xong bộ tầm nguyên tự điển của tiếng Việt. Bởi vì, nguồn gốc của ngôn ngữ Việt không phải chỉ ở ngôn ngữ học. Tiếng Việt bắt nguồn ở đủ các ngành hoạt động của loài người. Như ở đây, nó bắt đầu đâm mạnh nha trong ngành cờ bạc, trong một môn cờ bạc, là dè ba mươi sáu con, mà trong ấy, số 35 là số của con dè. Thứ nữa, nó đâm mạnh nha trong một hoạt động của phái đực là sự o mèò. Hễ trong phái đực, mà cậu nào thấy gái thì thèm, thì người ta gán cho cái nhãn hiệu là dè, bởi vì con dè xồm

là con thú thấy cái là mè tit. Vậy kẻ có máu 35 là kẻ hề thấy gái là thềm nhều nước miếng.

Thompson cũng cười, rồi bảo Xích Tử kẻ tiếp. Xích Tử nói :

— Tiểu thơ biết vậy, bèn nghĩ ra một cách, vừa mắng thầy đồ chơi, vừa thử tài thầy đến bực nào. Nàng vào trong, lấy giấy bút mà viết hai đoạn thơ Nôm, sai trẻ đem ra dán hai bên trước sau của hai câu đối thầy đồ. Mà cả thầy thành bài thơ sau đây :

*Thầy đồ là người tài bộ,
Quả cảm thơ đến giáo thọ phủ Vinh Tường.
Trước nha môn thiết một học trường,
Dạy giãm đũa chi, hồ, giả, dĩa.
Nhơn lúc thầy đồ nhàn hạ,
Ra trước sân xem ả hái hoa,
Ả hờ hênh ả để đồ ra :
Đồ trông thấy đồ, ngậm nga líc khác.
Phong liên, lạn mạn, hoa sanh sắc.
Thủy diện, vi mang, bạng thổ thần.
Đồ ngậm rồi, đồ đứng tần ngần,
Đồ nọ tưởng đồ kia, thêm thắc mắc.
Suốt năm canh, đồ nằm khôn nhấp,
Nhữnj mơ màng, đồ nọ tưởng đồ kia.
Đồ đâu gặp gỡ làm chi ?*

Xích Tử ngâm thơ vừa xong, Hồ Hữu Tường nói với Thompson rằng :

— Ông bạn muốn thưởng thức hết giá trị của bài thơ này, thì hãy nhớ rằng theo tiếng địa phương của vùng Nghệ-An, thì đồ là cái ấy, ấy ấy của đàn bà, con gái. .

Thompson cười nói :

— Thú vi lắm ! Rồi sao nữa ?

Xích-Tử đáp :

— Ông đồ đọc hết bài thơ, biết tiểu thơ chế nhạo mình như là cái đồ của cô, mà không biết làm sao mà đối lại. Nèn then lắm, ngay đêm ấy dọn đồ di mất. Ông rời phủ Vĩnh-Tường, mà vào tận Hà-Tĩnh, mở lớp dạy học ở một nhà khá giả họ Nguyễn. Họ Nguyễn này có một cô gái tuổi vừa mười tám, văn chương không sắc sảo bằng tiểu thơ phủ Vĩnh-Tường, nên mẹ tài ông đồ. Hai người chùn lén nhau. Nàng vừa có mang, thì Hồ-Sĩ-Quy gặp Nguyễn-Huệ trẩy quân ra Bắc. Bèn từ giã người yêu, mà theo phò Nguyễn-Huệ. Và từ ấy không cơ hội ghé qua Hà-Tĩnh. Đủ chín tháng mười ngày, một đứa nhỏ chào đời. Bởi không dám khai cha là ai, nên đứa nhỏ lấy họ mẹ là Nguyễn.

Truyền nói đến đời thứ tư, ấy là ông phó bãng Huy, thân sinh của Hồ-Chí-Minh đó. Vậy, tuy là họ Nguyễn, song Tất-Thành vốn là họ Hồ. Và khi cướp được chính quyền năm 1945, Tất-Thành lấy lại họ Hồ, cũng như ngày xưa Quý-Li bỏ họ Lê mà trở về họ Hồ vậy.

Thompson gật đầu cho là phải. Và hỏi :

— Còn ông nói bút nghiệp, là làm sao ?

Xích-Tử đáp :

— Bút nghiệp, là cái nghiệp do ngọn bút mình tạo ra vậy. Ví dụ ông Hồ-Hữu-Tường đây dùng ngòi bút của mình mà lấn công, mà chế nhạo Hồ-Chí-Minh, một ngày kia, rủi mà lọt vào tay Hồ-Chí-Minh, thì Hồ-Chí-Minh sẽ ra lệnh cho mổ bụng mà dồn trấu vào, như năm 1930, hương quản Trâu ở chợ Bưng đã bị vậy.

Điềm tâm xong, Thompson mời lại ngồi ghế bành mà tiếp tục nói chuyện. Và khi ngồi xong, thì hỏi :

— Ông Trường, ông có sợ bị mổ bụng dồn trấu vào không ?

Họ Hồ cười đáp :

— Trùng phạt ấy là ghê sợ, đối với người xem. Song đối với kẻ bị hành phạt, không có gì là đáng sợ. Bị trói vào một cái học, bành bụng ra, một cái dao bén rọc một cái, ruột gan bị moi ra... thì đã chết mất rồi, còn gì mà sợ nữa ? Ông không thấy người Nhật khinh thường cái chết đó, mà hề có gì bất bình là làm harakiri, cũng như các nhà sư Việt tự thiên sao ? Ngô-Đình-Diệm đã tế nhị hơn, nên mặc dầu kêu án tử hình tôi, không đem ra mà bắn cái bùm, hoặc chặt cái bụp, mà dùng cái chết mòn để làm cho tôi sợ. Nhưng tôi cũng chưa sợ thứ chết mòn của Ngô-Đình-Diệm. Tôi thật tình sợ thứ khác, mà không dám nói ra đây, sợ e lọt vào tai của Hồ-Chí-Minh, vị lãnh tụ Cộng sản biết rồi, thì khi tôi rủi mà lọt vào tay hắn, thì tôi sống làm sao nổi với hắn ?

Thompson nói :

— Tôi cũng không đòi hỏi cái bí mật của ông làm chi. Tôi chỉ muốn biết do cái bút nghiệp nào mà ông bện tôi dây mắc vào cái Tru liên trận, mà chính tôi chưa thấy ông bước vào ?

Xích-Tử cười đáp :

— Cái nghiệp này, quả là cái «nghiệp tiền thiên» như bác Hồ đây đã viết trong một bài «Trăm tư».

Ông sử gia vốn biết là trước đây, ông cử Phan-Văn-Trị là một nhà văn nổi tiếng, thường dùng ngòi bút của mình mà chống báng chê bai những kẻ đầu hàng thực dân, cộng tác với Pháp, mà điển hình là Tôn-Thọ-Tường. Đến tuổi già, ông cử Trị về ở làng Nhơn-Ái, thuộc tỉnh Cần-Thơ, cách làng Thường-Thạnh không bao xa. Đến năm canh tuất (1910), ông từ trần. Nhưng bút nghiệp đã gieo, hồn của ông cử Trị không được tiêu diêu đến cảnh an nhàn, mà phải nhập thế. Hồn ấy thấy ở làng Thường-Thạnh có đứa nhỏ sắp ra chào đời, bèn đầu thai vào. Sinh ra là bác Hồ-Hữu-Tường đây» Vừa lớn lên, có một vị đạo sĩ, nhìn đứa nhỏ, biết nó đã vương cái « nghiệp tiên thiên », nếu để nó trầm luân vương vít trong cái nghiệp cầm bút này, e nó khổ sở, bèn bày ra cái huyền thoại « KẾ THẾ ». gạt nó rằng nó là hậu duệ của Quang-Trung, dòng dõi của Quang-Thiệu, có cái sứ mạng sáng khai « Minh đạo » mà cứu đời, độ thế, mở cửa cho ngươn Thanh bình. Cốt yếu là dụ cho nó lên núi mà tu, may ra, dõi theo đường tu hành, nó không dẫn thân vào cái nghiệp cầm bút. Nào dè đâu cái « bút nghiệp » tiên thiên quá nặng, mà đạo sĩ thì sức màu kém, không được huyền năng của bà Quan-Âm, cho nên Tôn-Hành-Giả của thế kỉ XX này, tuy

không bị đè dưới Ngũ-Hành-Sơn ngọt năm trăm năm, mà chỉ bị cái bút nghiệp tiên thiên của một đời ông cử Trị, Tôn-Hành-Giả ta không được độ. Hồ-Hữu-Tường không chịu đi tu, lại dẫn thân vào đường mài bút, luyện văn, đọc sách. Suốt hai mươi lăm năm, không tu luyện theo đường đạo đức, họ Hồ luyện chữ, tu văn, không khác nào con khi thời xưa luyện thất thập nhị huyền công để náo thiên cung. Gặp thời loạn ly, kẻ thân Nhứt, thân Cộng, thân Pháp, thân Nga, thân Tàu, thân đủ thứ cả mà chẳng thân Việt, mọc lên như nấm, cái phước cảm «cử Trị ghét Tôn-Thọ-Tường», nằm trong cái nghiệp tiên thiên, nó ám ảnh họ Hồ mãi, khiến họ Hồ luyện những lời cay đắng, châm biếm, trào lộng, chống báng mà ném lên văn đàn. Bọn «Tôn-Thọ-Tường» của thời này, chẳng những bị làm đổi tượng của họ Hồ, mà đến những bè bạn gần nhưt cũng không được ngọn bút của họ Hồ dung tha. Một ông bạn là Trần-Văn-Hương, vừa leo lên ghế thủ tướng, thì họ Hồ mượn câu bất tri bất nghĩa mà trù ẻo. Đến như người, chẳng những thân nhưt, mà còn là kẻ có ơn nhưt cho họ Hồ, vì đã đứng ra bảo lãnh để kéo họ Hồ ra khỏi vòng lử tội, thì họ Hồ lại viết lên báo là người ấy «thả điều». Họ

Hồ lại còn kiêu ngạo, ở nhà tại đường Phan-Văn-Trị, ấy là có dụng ý tuyên chiến với tất cả những Tôn-Thọ-Tường thời này. Hỏi vậy, cái tư thái kiêu ngạo ấy có ai ưa được không? Nếu ở xứ này mà có một viện Galup, để điều tra dư luận, và nếu viện này đặt câu hỏi: «Có ai ưa họ Hồ không?» thì tôi dám quả quyết rằng chẳng một ai trả lời rằng ưa cả!

Thompson hỏi:

— Ông bạn tôi lại bị người ta ghét đến chừng ấy sao?

Xích-Tử đáp:

— Ông không tin, thì cứ hỏi ngay bà vợ nhà của ông ấy! Không tìm ra đối tượng xa xuôi để châm biếm, chế nhạo, trào phúng, thì ông bắt vợ nhà ra mà làm đối tượng, để từ sáng tới chiều nói cho đã nư. Bực quá, bà thốt ra câu này: «Không có bà nào giàu, có chừng ít chục triệu bạc, mà thích văn chương châm biếm của ông. Nếu có, tôi sang dứt ông cho, lấy vài triệu bạc để nuôi con ăn học. Rồi mặc tình ông với bà ấy làm văn chương trào lộng».

Thompson chận ngang hỏi:

— Té ra ông bạn tôi không phải làm « văn chương sáng giá » sao ?

Xích-Tử vỗ vế, cả cười, nhìn Hồ-Hữu-Tường, đáp :

— Điều đó ông chờ hỏi tôi. Ông hãy hỏi nơi nhà văn ăn khách nhất của xứ này là Chu-Tử, và bộ biên tập « Chụ chơi » trong đám quần tinh mọc chung quanh tác giả *Yêu*. Còn theo tôi, học giả nhà ta không làm « văn chương sáng giá », mà lại làm « văn chương xóm Giá ».

Thompson ngạc nhiên hỏi :

— Lại có thứ văn chương gì nữa đó ?

Hồ-Hữu-Tường bụm miệng cười sục sục, mừng vì thằng nhỏ « hòn máu bỏ rơi » của mình lẻo mép quá, gặp đối phương, đánh chưởng nào cũng độc. Xích-Tử đạo mạo đáp :

— Danh từ « văn chương xóm Giá » này, nếu ông dùng phương pháp của ông Lê-Ngọc-Trụ, mà tra hết sách vở ở thư viện của ông, vẫn không tìm được cái nghĩa tầm nguyên của nó. Nhưng, nếu ông ra đường mà hỏi, dầu là người trong xứ, dầu là ngoại kiều, nhất là mấy ông lặc xi và xích lò,

thì ai cũng biết rằng « xóm Giá » là tên của một ngoại ô thành Sài-Gòn này, từ Bà Chiểu đi lên một chút, nơi ấy rất có nhiều gái ăn sương...

Thompson ngạc nhiên hỏi :

— Sương mà lại ăn được à ?

Xích-Tử đạo mạo đáp :

— Sương, theo nghĩa đen, là những giọt nước tế vi, tụ đọng trên lá, trên ngọn cỏ. Phải nói là uống sương mới đúng hơn. Song ở đây, sương lại dùng trong nghĩa bóng bẩy, để tượng trưng cái gì đêm khuya mới có. Cái gì ấy, tức là những khách đêm càng khuya thì thấy mình càng cô đơn, nên đi tìm em út mà kiếm mùi. Có bao nhiêu tiền, cũng dốc hết mà đãi em út, hầu nhờ em út ra tài giải cái sầu cô đơn của mình trong vài phút. Các nàng sống bằng cái nghề giải cô đơn giùm cho thiên hạ, như^t là cho ngoại kiều xa vợ lâu ngày, các nàng ấy được gọi là gái ăn sương. Ông có thấy không? Tiếng Việt của chúng tôi đâu phải nghèo như người ta lầm tưởng. Chỉ có một khái niệm là « dĩ », mà tiếng Việt có cả chục thành ngữ để gọi. Nào là gái bán mình. Nào là gái ăn sương. Nào là gái làng chơi. Nào là ả giang hồ, nào là tin đồ của thần Mày

Trăng... Kể sao cho hết. Bởi vậy, ông Lê-Ngọc-Trụ mấy mươi năm nay nuôi cái mộng viết một bộ tiểu tự điển thôi, mà thấy tài liệu phong phú quá, đâm ra ngán, như ngán cơm nếp, mà không khởi công nổi.

Thompson gật đầu nói :

— Ông thầy dạy Việt văn của tôi cũng làm cho tôi nhức óc. Nội một chữ black của tiếng Anh, mà ông dịch ra nào đen, nào mực, nào ò, nào mun, nào hắc... Tôi hiểu nghĩa của gái ăn sương rồi. Còn « văn chương xóm Giá » có phải là thứ văn chương đánh dĩ ngôn bút mình, đề ca tụng kẻ có địa vị, có quyền thế chăng?

Xích-Tử cười đáp :

— Tôi không nói vậy. Nói nhà văn Hồ-Hữu-Tường làm thứ văn chương đánh dĩ nghệ thuật, thì thật là vu cáo. Tôi chỉ nói văn của họ Hồ là thứ văn chương hạ đẳng, trong nấc thang giá trị của phụ nữ, gái ăn sương ở vào cấp bậc nào, thì trong nấc thang giá trị của văn chương, văn của họ Hồ ở vào cấp tương đương ấy. Đó ! Hồ-Hữu-Tường vì bút nghiệp mà mắc vào cái thế bị chúng ghét vì làm cái thứ « văn chương xóm Giá ». Ấy là vì bút nghiệp mà mắc vào Tru tiên trận. Thế nào cũng

uồng ngàn năm tu tuyện, rồi tên sẽ ghi vào bảng Phong Thần. Mà đã làm « văn chương xóm Giá », thì khi thành thần, ắt làm thần Mây Trắng.

Hồ-Hữu-Tường tủm tủm cười, hỏi :

— Cháu nói nghe xuôi rọt, quả cũng có công nghiên cứu. Vậy bác thử hạch cháu một câu, xem cháu có biết thần Mây Trắng là ai chẳng ?

Ních-Tử liếc nhìn Thompson, thấy nhà sư gia Hoa-Kỳ có vẻ tò mò, nên đáp :

— Có gì khó ! Theo sách tướng, người nào có mây trắng là người tốt tướng lắm. Cuối đời Đông Hán, anh em họ Mã năm người mà có người có lòng mây trắng là có tài hơn hết, nên khắp xứ Tàu, người ta truyền nhau câu « Mã thị ngũ thường, bạch mi tối lương ». Còn thần Mây Trắng, mà các lều xanh thờ, không ai khác hơn là Quán-Di-Ngô, tục gọi là Quán-Trọng, phò Tề-Hoàn-Công dựng nên nghiệp bá. Quán-Trọng là người đầu tiên cho mở lều xanh mà đánh thuế. Thuở ấy, người ta chưa biết làm ba tầng như bây giờ. Hễ ai đã nạp thuế cho nhà nước xong, thì được lãnh bức chơn dung của Quán-Trọng về treo giữa nhà, để cho thiên hạ biết rằng lều xanh này đã đóng thuế nghĩa là hợp

pháp. Đời sau, thiên hạ giữ tục lệ ấy, thêm đốt hương dâng, lâu ngày chầy tháng, Quán-Trọng hóa ra ông tổ của nghề mả dâm.

Hồ-Hữu-Tường nói :

— Đúng! Nhưng cháu trù cho bác ra thần Mây Trắng, ấy là cháu khen bác, chớ nào phải cháu chê bác? Có lẽ năm 1955, cháu đọc trong tờ *Truyền Tin* hai câu thơ do một nhà Nho đề ra để tặng bác, là « Hữu chí tế thì nan, duy ốc vận trù sư Quán, Nhạc Tường vàn trình thụ sắc, giang sơn cổ xúy hưng Đào. Từ ». Lời thơ này và lời trù của cháu đều cùng một ý với nhau. Bác không giận đâu. Tiếp tục đi. Rồi sao nữa?

Ních-Tử bị một chướng, thấy trên địa hạt văn chương không hạ uy tin được họ Hồ, bèn lập trận thế trên địa hạt khác. Bèn nói :

— Văn chương chỉ là cái bọc đường ở ngoài để bọc liều thuốc ở trong là tư tưởng. Về địa hạt tư tưởng, suốt hai mươi năm nay Hồ-Hữu-Tường cố xúy cho cái mà ông gọi là « Phục hưng mới ». Ai hỏi ông « Phục hưng mới » là gì, thì ông đưa ra cái

mời này là tổng hợp ba cái văn minh lớn, là văn minh kỹ sư, văn minh chánh ủy và văn minh tu sĩ. Tôi tóm tắt như vậy có sai chăng?

Hồ Hữu Tường gạt đầu đáp :

— Đúng như vậy.

Nich Tử hỏi Thompson :

— Ông sử gia Hoa Kỳ có khi nào được một gia đình Việt mời ăn một tiệc lớn từ đầu đến cuối chưa ?

Thompson đáp :

— Rất tiếc rằng chưa.

Nich Tử nói :

— Tôi cũng rất tiếc rằng chưa. Bởi chưa, nên khi nghe học giả họ Hồ tung ra những danh từ « Phục hưng mới », « Tổng hợp văn minh », ông và các nhà tư tưởng Âu Mỹ cho là lạ lắm. Chớ ở xứ tôi, nhưt là các cô, các bà ở thôn quê hẻo lánh, thì chán biết thứ ấy không biết từ đời nào. Nên bịp ai thì bịp được, chớ bịp các cô, các bà ở xứ tôi không nổi đâu.

Thompson nói :

— Tôi thấy tư tưởng của ông bạn tôi mới mẻ lắm.

— Có gì mới mẻ? Trong nhà quê chúng tôi, trong một đám tiệc, ví dụ như ngày kỵ cơm, thì người ta đãi hai ngày. Ngày thứ nhất, gọi là ngày tiên. Đồ ăn dư bao nhiêu, không phân biệt món nào với món nào, người ta dồn hết vào một cái nồi to mà nấu lại, không cần nghệ thuật chi cả, cốt cho dùng thiêu thời. Ngày thứ hai, gọi là thường. Đồ ăn dư cũng dồn lại mà nấu như vậy. Chánh thức, đến đây là tiệc hết. Song, sang qua ngày thứ ba, một cái tiệc mới bắt đầu. Người ta không cần xào nấu cái gì cả. Chỉ lấy hai nồi hòm kia và hòm qua mà dồn lại, bắc lên bếp, quậy cho xáo trộn xà ngẫu cả, đun cho sôi, rồi nhắc xuống chia nhau mà ăn. Món ấy, trong nhà quê xứ tôi gọi là « xào bần ». Tại sao gọi là xào bần? Những nhà viết tự điển tầm nguyên sẽ có lời giải đáp thông thái. Còn theo thiên ý của tôi, có lẽ, nhà giàu không thèm ăn thứ đồ thừa ấy. Còn nhà nghèo tiếc của, một máy tất cả, dồn lại mà nấu ăn. Đó, thứ « Phục hưng mới » của Hồ Hữu Tường là bữa tiệc

ngày thứ ba. Và cái « Văn minh tổng hợp » của họ Hồ, đem văn minh kỹ sư, văn minh chính ủy, văn minh tu sĩ mà bỏ chung vào một nồi, nấu thành xào bần, mà đả đám nhà nghèo về tư tưởng mà không sáng tác được một thuyết duy vật như Mác, một thuyết hiện sinh như Sartre, một thuyết nhân vị như Mounier...

Thấy Xích Tử xài xẻ bạn mình bằng những lời nặng nề như vậy, Thompson chịu không được, bèn hỏi :

— Lấy tư cách bàng quang, tôi thấy ông Xích Tử xài xẻ nhà văn già, là bạn của tôi đây, hơi quá đáng. Chẳng hay ông có thù oán chi chẳng, mà nhọn díp này trả nửa cho sưng miệng ?

Xích Tử đứng dậy, lại bàn ngồi viết. Vừa viết, hẳn vừa nói :

— Ông là ngoại kiều, mà ông dùng tiếng Việt rất đúng. Ông nói « trả nửa », chớ không bắt chước dám ký giả dốt mà không chịu tra tự điển, tự vị, lại viết bưng là « trả đũa », in chữ to bằng bấp tay trên trang nhứt...

Viết xong, nó cầm tấm giấy lại đưa cho Thompson đọc. Thompson đọc xong, chúm chím cười, gật đầu có vẻ hài lòng lắm.

Muốn biết Xích Tử viết cái gì mà đưa cho Thompson đọc, hãy xem đến hồi sau phần giải.

Xin xem tiếp

TÌU PHI LẠC NÁO SÀI GÒN

tập thứ hai